**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Giồng:**

**Giồng Ông Huê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Ông) + Tên người (Huê).

- Giồng: Xin xem mục từ Ba Giồng.

**-** Ông Huê: Khoảng nửa sau thế kỷ XVIII có ông Trần Văn Huê cùng hơn 40 người đến lập nghiệp. Họ tích cực khai hoang những vùng đất cao, ông Huê là người giỏi giang, biết hốt thuốc, sống đức độ được bà con trong vùng quý mến. Năm 1808 (năm Mậu Thìn), khi lập thôn Vĩnh Lợi (lúc đó thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Ðịnh Tường), ông Huê là thành viên trong Ban Hương chức của thôn, sửa sang ngôi miễu có từ trước thành đình thôn Vĩnh Lợi để thờ Thành hoàng. Năm 1815 (năm Ất Hợi), ông Huê lập chợ Vĩnh Lợi, dân trong vùng quen gọi là chợ Giồng. Khi ông Huê qua đời, giồng đất này được gọi là giồng Ông Huê và chợ Vĩnh Lợi cũng được gọi là chợ Giồng Ông Huê[[1]](#footnote-1).

Tên chữ Hán của giồng Ông Huê được ghi chép trong *Gia Định thành thông chí* và *Đại Nam nhất thống chí* là Hoa cương. Địa danh này được nhắc đến trong nhiều quyển tiểu thuyết của nhà văn Hồ Biểu Chánh. Còn địa danh chợ Giồng Ông Huê nổi tiếng với đặc sản ẩm thực bánh giá (vá) Chợ Giồng và món ăn này đã đi vào ca dao:

*- Một mai em gái theo chồng,*

*Còn đâu bánh giá Chợ Giồng mời anh*

*- Anh ơi về tới Hòa Đồng,*

*Nhớ mua bánh giá Chợ Giồng tặng em.*

Hiện nay, Giồng Ông Huê tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Gò:**

**\* Khái niệm Gò:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

**1. Gò Bầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây trâm bầu: là cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ, có chiều cao từ 2 - 10m, sống rất dẽo dai, **thường được sử dụng để trị giun sán, tiêu chảy, phong thấp, sốt rét rừng, lợi mật, kháng khuẩn, lợi tiểu**[[2]](#footnote-2)).

Gò Bầu tức là Gò Trâm Bầu, thuộc xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây. Đó là nơi có nhiều gò đất cao liên kết với nhau. Cây trâm bầu mọc lên dày đặc. Lúc đầu, gò có tên gọi là Gò Trâm Bầu. Sau đó, dân gian gọi tắt thành Gò Bầu.

Gò Bầu gắn liền với công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân Gò Công trong nửa sau thế kỷ XIX: “Thời Pháp chiếm Định Tường (1862) tìm đường bộ kéo binh từ Chợ Gạo đến Thạnh Nhựt xuống Gò Bầu. Trương Định đem quân nghênh chiến, nhờ địa thế hiểm trở, gò nổng ngang dọc, cây cối um tùm, sẵn có nhiều nơi phục binh. Pháp chưa thuộc đường nên bị thất bại nặng nề. Gò Bầu là tiền đồn phía Tây, mấy lần giết giặc Pháp.

Gò Công giữ vững được ít lâu. Sau đó, tên bá hộ Huy (người Đồng Sơn) tư thông với Pháp, vẽ đường, chỉ lối nơi phục binh của ta. Giặc pháp đánh chiếm những nơi hiểm yếu, rồi đánh thẳng Gò Công. Bá hộ Huy lên chức Tri huyện. Tướng quân Trương Định hay tin Gò Công bị thất thủ, bèn đem quân chiếm lại. Bá hộ Huy bị giết chết, đuổi tàn binh Pháp chạy về phía Gò Bầu. Nghĩa quân mai phục đánh thêm một trận tơi bời.”[[3]](#footnote-3).

Sau khi Gò Công bị thất thủ, Trương Định tuẫn tiết (20/8/1864), có bài thơ xưa nhắc lại địa danh Gò Bầu:

*Gò Công mấy trận thắng* ***Gò Bầu****.*

*Địa điểm Trương Công dựng võ mầu.*

*Quốc biến, loạn thần cùng loạn giặc,*

*Một trung hai nịnh*[[4]](#footnote-4) *khó đương đầu*[[5]](#footnote-5)*.*

**2. Gò Công**

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển*,…* Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết “Gò Công là Khổng Tước Nguyên”[[6]](#footnote-6).

 - Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: “Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công”[[7]](#footnote-7).

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: “Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công”[[8]](#footnote-8).

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là “kâ ngôk” chưa đúng là “kaoh”. Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ “kaol”, lại có chữ “dòm kâko”: cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là “Khổng Tước Nguyên”[[9]](#footnote-9).

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: “Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá ( Gò Công, tỉnh Tiền Giang)”[[10]](#footnote-10).

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

**3**. **Gò Dừa**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây dừa).

Gò Dừa là gò có cây dừa cao hoặc có nhiều cây dừa, rộng khoảng 5 ha, là tên của một chợ nhỏ thuộc xã Thành Công, huyện Gò Công Tây.

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**1. Cầu** **Cây Me (xã Tân Phú, huyện Gò Công Tây)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây me).

Cầu Cây Me nằm trên Đường tỉnh 877B, dài 18 m, ngang 5 m, kết cấu bê tông cốt thép, được xây dựng năm 1982, bắc qua rạch Cây Me (rạch có cây me to), xã Tân Phú, huyện Gò Công Tây.

**2.** **Truông Cóc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình tự nhiên (Truông) + Thực vật (Cây cóc).

Truông Cóc là con đường mòn xuyên qua rừng cây cóc và nhiều loại cây tạp khác, thuộc xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

Địa danh này được phản ảnh qua truyện tích dân gian “Ông Móm ở Truông Cóc”:

Truông Cóc thuở xưa, là con đường mòn xuyên qua rừng cây cóc và chà là ở Gò Công (Tiền Giang). Khu rừng này khá rộng: Phía tây giáp Rạch Lá, phía đông nối liền Mỹ Xuyên chạy dài tới Tân Niên Trung, phía nam từ Cả Nhơn giáp Bình Xuân.

Trong rừng có nhiều rạch nhỏ thông ra sông Tra. Lòng rạch sâu, kín đáo là nơi sinh sống của cá sấu. Giữa rừng, trên những gò nổi cao ráo thì cọp, báo, heo rừng, nai, khỉ tùy địa thế mà mỗi loại chiếm cứ làm sào huyệt riêng.

Dọc theo đường truông, người xưa phát cỏ dọn cây, mở rộng ra hai bên thành những khoảnh đất trống để cấy lúa. Phía bên ngoài truông, có vài ba lều tranh của mấy người thợ rừng. Vách lều bện bằng cây chà là và hàng rào dựng bằng cây cóc bao bọc bên ngoài rất kiên cố để chống thú dữ.

Tuy chỉ có mấy cái nhà cheo leo, năm mươi người ở, nhưng cái xóm nhỏ ban đầu này rất đoàn kết. Họ bảo bọc và chia cơm xẻ áo cho nhau.

Thường ngày, từ sáng, khi cơm nước xong, năm ba người lớn tuổi, kẻ rìu, người búa, người vác cuốc, người xách phảng kéo vào truông đốn củi, phát rẫy. Họ cặm cụi làm đến xế chiều mới về.

Hôm nọ, khi còn đang làm việc thì thình lình có hai con cọp trong rừng rón rén đi ra, nhắm phía sau lưng một người đang đốn củi tiến đến. Một người trong bọn thấy cọp la lên:

- Cọp! Cọp! Nó rình sau lưng anh Móm kìa. Chạy! Chạy!

Trong nháy mắt, con cọp đi đầu nhảy phủ lên đầu ông Móm đè ông xuống đất. Nhưng ngay khi đó, ông Móm cong tay lên gạt mạnh vào cổ cọp làm nó hổng cả hai chân trước lên. Ông lách mình qua một bên, co chân thúc một gối vào hông cọp. Cọp ta liểng xiểng. Con cọp ở phía sau nhảy vồ ông. Ông lại bước chân bỏ bộ né. Cọp lỡ đà té xuống đất. Sẵn trớn ông tống vào vai cọp một đấm và bồi cho nó đạp vào be sườn.

Ông thụt lùi đến chỗ cũ nhặt cái rìu lên, tháo bỏ phần lưỡi, cầm cán rìu đứng thủ thế. Hai con cọp đang hăng máu liền nhảy vào tấn công ông một lượt. Ông hươi rìu lúc bên này, lúc bên kia: nện vào đầu, nện vào lưng cọp hết đòn này đến đòn khác. Chúng bị thương nhảy lùi ra xa, rồi tháo chạy vào rừng.

Lúc đó, ông mới gọi to:

- Anh em ơi! Cọp chạy rồi!

Nghe tiếng kêu, ba bốn người chạy trốn ngoài truông vội vã chạy vào. Nhìn cây cỏ bị giày xéo, bị dấu chân cọp loang lổ một vùng, ai nấy đều lắc đầu và phục tài ông Móm. Bấy giờ, họ mới tin lời trước kia ông Móm căn dặn họ là khi nào gặp cọp thì mạnh ai nấy lo trốn, để một mình ông chống cự.

Vốn là người có nhiều kinh nghiệm, ông Móm bảo:

- Lũ cọp này hay thù oán lắm! Bị đánh đau mà chưa chết nó còn tìm cách trả thù. Kỳ sau tôi đem theo đoản côn thì chúng sẽ biết tay.

Mấy ngày sau, ông Móm rủ đồng bạn đi truông, nhưng chỉ có một người bạo dạn dám theo ông mà thôi. Còn những người khác vì sợ cọp báo thù, không ai dám vào đốn củi chỗ hôm trước.

Lần này hai người vừa lom khom đốn cây, chặt cành vừa đảo mắt xem chừng và cẩn thận giữ mình. Quả nhiên, không bao lâu, ông Móm thấy bóng cọp từ nhiều phía trong rừng sâu đi ra, tiến đến gần nơi ông. Ông bảo người kia tránh ra ngoài truông còn ông cầm lấy đoản côn thủ thế đứng chờ.

Trong bầy có một con to lớn nhất dẫn đầu và đám cọp sắp hàng ngang dồn mắt vào ông xông tới. Con cọp đầu đàn nhảy bổ vào, hai chân trước giương vuốt vớ vào cổ ông. Ông Móm nhanh như chớp sụp chân xuống tấn, chống đoản côn chĩa nghịch vào hàm cọp làm nó dội ngược mất trớn. Ông bỏ bộ ngang xoay người né qua một bên, thu lại đoản côn, giáng một đòn vào ngang tam tinh cọp và bồi thêm một roi vào hai chân trước của nó. Cọp đầu đàn khập khễnh tháo lui liền bị đòn côn bồi liên tiếp vào chân khiến không sao đứng được nữa phải vội vã nhảy ra.

Ba con cọp kia liền áp lại vây chặt quanh người ông tấn công. Nhưng ông Móm vẫn bình tĩnh múa côn đánh bên tả, đập bên hữu, lúc tiến lúc thoái, giáng những đòn côn điêu luyện mạnh mẽ vào lũ cọp làm chúng không sao xáp lại gần ông được. Chúng dang xa, đứng ngó lườm lườm đối thủ và hầm hè coi bộ giận dữ lắm. Rồi một lát sau chúng hè nhau rút vào rừng.

Từ đó về sau vùng rừng Truông Cóc yên tĩnh hẳn, không còn thấy bóng cọp ẩn nấp nơi truông phá hại như trước. Do vậy, người tứ phương đến ở đông đúc dần. Làng xóm được hình thành từ đó. Rừng hoang dần được khai phá thành ruộng rẫy thạnh mậu.

Thỉnh thoảng, gặp lúc ông Móm bận việc không đi truông hoặc khi bạn củi muốn mở mang khai phá nơi rừng sâu sầm uất, họ mượn cái áo cánh và cái quần đùi của ông treo trên cây, gần chỗ làm, tự nhiên vùng ấy không có bóng cọp beo nào dám héo lánh đến.

Ông Móm là bậc tiền hiền khai khẩn vùng này. Công nghiệp của ông đối với người đời sau rất lớn. Nhưng về sau ruộng đất do ông đổ mồ hôi khai khẩn được bị mất dần về tay địa chủ và con cháu ông cũng chịu chung số phận cũng cực như bao người lao động củi lục làm ăn trong xã hội cũ. Do vậy, đời sau ở đây truyền tụng câu ca dao:

*Ruộng cò bay dặm dài Truông Cóc,*

*Cháu con ông Móm lăn lóc cơ hàn.*

*Ai xui khiến cảnh cơ hàn,*

*Mồ ông con đó, họ hàng chẳng thấy viếng thăm?*

Khi thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ. Truông Cóc là một trong những nơi nghĩa quân Trương Định từng hoạt động. Trong mười hai bài thơ liên hoàn Điếu Trương tướng quân, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu có viết:

*…Trên trại Đồn Điền hoa khóc chủ,*

*Dưới vàm Bao Ngược sóng kêu quan.*

*Mây giăng Truông Cóc đường quan vắng,*

*Trăng xế Gò Rùa tiếng đẩu tan.*

*Mấy dặm non sông đều xửng vửng,*

*Nạn nhân ách nước để ai toan.*

Truông Cóc từ khi ông Móm phá rừng đuổi cọp, lập xóm lập làng đến những năm cuối thế kỷ XIX, hẳn có nhiều thay đổi, nhưng tinh thần bất khuất của người dân ở đây là một phẩm chất càng thử thách càng kỳ vĩ hơn[[11]](#footnote-11).

**\* Địa hình thiên nhiên, động vật:**

**1.** **Chợ** **Cá Chốt**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Cá Chốt:** là một loại cá da trơn, có đặc điểm đầu nhỏ, miệng tù với 4 đôi râu, trên thân có nhiều ngạnh rất nhọn, khi chích vào tay gây đau nhức. Người ta có thể chế biến cá chốt thành nhiều món ăn dân dã rất ngon và bổ dưỡng**).**

Tại đây có rạch Cá Chốt, là con rạch có nhiều cá chốt. Bên rạch, có chợ Cá Chốt ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây.

**2. Đường Trâu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Đường (Trong ngữ cảnh này chỉ dòng nước) + Động vật (Trong ngữ cảnh này là trâu rừng).

Thời xưa, đường do trâu rừng thường xuyên đi lại tạo thành rạch, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**1.** **Tỉnh Tiền Giang**

**Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)****(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số****(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP****Mỹ Tho** | **TX** **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu** **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ****Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Gò Công Tây:**

**1.** **Huyện Gò Công Tây**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Huyện Gò Công Tây nằm ở phía Tây của vùng đất Gò Công (nên có tên gọi là Gò Công Tây).

**Vị trí địa lý:**

Huyện nằm ở phía Đông tỉnh Tiền Giang, phía Đông giáp huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công, phía Tây giáp huyện Chợ Gạo, phía Nam giáp huyện Tân Phú Đông qua sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An qua sông Tra.

**Diện tích tự nhiên:** 18.447,61 ha.

**Hành chính:**

Huyện Gò Công Tây bao gồm 01 thị trấn (Vĩnh Bình) và 12 xã (Đồng Sơn, Bình Phú, Đồng Thạnh, Thành Công, Bình Nhì, Yên Luông, Thạnh Trị, Thạnh Nhựt, Long Vĩnh, Bình Tân, Vĩnh Hựu, Long Bình).

**Lịch sử hình thành:**

Huyện Gò Công Tây là vùng đất được khai phá sớm ở Tiền Giang. Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Gò Công Tây lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Gò Công Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Năm 1852, dưới đời vua Tự Đức, vẫn thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Gò Công Tây thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, hạt Thanh tra Gò Công. Năm 1871, vẫn thuộc hai tổng trên, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, thuộc tổng Hòa Đồng Thượng và tổng Hòa Đồng Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Năm 1910, vùng đất Gò Công Đông vẫn thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 5 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 16 làng: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Công, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Chánh, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị.

Năm 1913, tỉnh Gò Công giải thể để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Vùng đất Gò Công Tây có ba tổng (thuộc quận Gò Công) là:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 6 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt, Bình Thành.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng: Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới.

- Tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng: Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Vĩnh Viễn, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây.

Năm 1924, tỉnh Gò Công được tái lập. Từ đó đến năm 1954, vùng đất Gò Công Tây có ba tổng Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Trung và Hòa Đồng Hạ với số làng như năm 1913.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1945-1951, xóa cấp “tổng”, và đổi tên làng thành “xã”, vùng đất Gò Công Tây có 23 xã (như năm 1913) thuộc tỉnh Gò Công; năm 1951, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, vùng đất Gò Công Tây thuộc huyện Gò Công.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, tháng 4-1955, vùng đất Gò Công Tây là quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công với 3 tổng: tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng, tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng, tổng Hòa Đồng Thượng có 9 làng. Quận lỵ: làng Đồng Sơn.

Tháng 11/1956, hợp nhất tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho để thành lập tỉnh Định Tường; đổi tên gọi “làng” thành “xã”, vùng đất Gò Công Tây là quận Hòa Đồng thuộc tỉnh Định Tường, quận lỵ đặt tại xã Đồng Sơn, chia ra như sau:

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Năm 1963, tỉnh Gò Công tái lập, Năm 1965, giải thể cấp “tổng”; quận Hòa Đồng (nay tương ứng với vùng đất Gò Công Tây) được chia thành 2 quận: quận Hòa Đồng, quận lỵ tại xã Vĩnh Bình với 8 xã; quận Hòa Bình, quận lỵ đặt tại xã Bình Long/Luông Đông với 5 xã.

Năm 1970, vùng đất Gò Công Tây tương ứng với 2 quận Hòa Đồng và Hòa Bình. Cụ thể như sau:

- Quận Hòa Đồng, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Bình với 8 xã: Bình Phú Đông, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Bình, Vĩnh Hựu, Vĩnh Viễn.

- Quận Hòa Bình, quận lỵ tại xã Bình Long/Luông Đông với 5 xã: Bình Long, Bình Long/Luông Đông, Long Hựu, Phú Thạnh Đông, Tân Thới.

Các đơn vị hành chính này tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, từ 1957-1968, vùng đất Gò Công Tây thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, vùng đất Gò Công Tây thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường. Theo đó, vùng đất Gò Công Tây gồm có Vùng 1 (tương ứng với quận Hòa Đồng theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn) và Vùng 3 (tương ứng với quận Hòa Bình theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng đặt lại huyện Tây thuộc tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho để thành lập tỉnh Tiền Giang. Lúc này, huyện Tây sáp nhập với huyện Đông thành huyện Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP. Theo đó, chuyển thị xã Gò Công thành thị trấn Gò Công, là thị trấn huyện lỵ huyện Gò Công. Ngày 13/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP. Theo đó, chia huyện Gò Công thành hai huyện Gò Công Tây và Gò Công Đông. Huyện Gò Công Tây gồm thị trấn Vĩnh Bình và 15 xã: Bình Nhì, Bình Phú, Bình Tân, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, Long Bình, Long Vĩnh, Phú Thạnh, Tân Phú, Tân Thới, Thành Công, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu, Yên Luông.

Ngày 16/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT. Theo đó, điều chỉnh một phần diện tích, dân số của hai xã Thành Công, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây để tái lập thị xã Gò Công.

Ngày 14/1/2002, thành lập xã Tân Thạnh trên cơ sở 1.134,32 ha diện tích tự nhiên và 2.836 người của xã Tân Phú; 550,2 ha diện tích tự nhiên và 1.769 người của xã Tân Thới; 552,51 ha diện tích tự nhiên và 358 người của xã Phú Thạnh.

Cuối năm 2007, huyện Gò Công Tây có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Vĩnh Bình và 16 xã: Bình Nhì, Bình Phú, Bình Tân, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, Long Bình, Long Vĩnh, Phú Thạnh, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân Thới, Thành Công, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu, Yên Luông.

Ngày 21/1/2008, Chính phủ ban hành Nghị định 09/2008/NĐ-CP. Theo đó, điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Thành Công về xã Bình Xuân, thị xã Gò Công quản lý. Tách 4 xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh để thành lập huyện Tân Phú Đông. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Gò Công Tây có 13 đơn vị hành chính gồm: 01 thị trấn và 12 xã. Năm 2020, huyện được công nhận đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới.

Đặc sản: bánh giá/vá Chợ Giồng, vọp Thành Công, mắm tôm chua,...

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Dân số:** 141.252 người (2020).

**Kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân *(theo giá so sánh 2010)* là 7,56%/năm, trong đó: Khu vực 1 (Nông-lâm-ngư nghiệp) tăng 4,19%/năm; khu vực 2 (Công nghiệp-xây dựng) tăng 12,81%/năm; khu vực 3 (Thương mại-dịch vụ) tăng 13,22%/năm.

- Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất *(theo giá hiện hành)*: Khu vực 1 đạt 59,20%*;* khu vực 2 đạt 17,97%*;* khu vực 3 đạt 22,83%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến cuối năm 2020 là 55 triệu đồng, tương đương 2.365 USD, tăng 2,19 lần so với năm 2015.

- Tổng thu ngân sách đạt 3.220,83 tỷ đồng, trong đó tổng thu từ kinh tế địa phương 318,7 tỷ đồng, đạt 130,08%. Tổng chi ngân sách 2.286,90 tỷ đồng, đạt 86,77% .

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 9.171,49 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng dân số bình quân đến năm 2020 còn 0,75%; giảm tỉ lệ sinh bình quân 0,03%*.*

- 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về Y tế xã*.* Đến năm 2020 tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%; có 3,5 Bác sĩ/1 vạn dân và 07 giường bệnh/1 vạn dân.

- Hàng năm tạo việc làm mới cho 615 lao động. Tỷ lệ lao động được đào tạo 35%.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn 1,99%*.*

- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng điện là 100%.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Chất thải rắn được xử lý đúng quy định đạt 90%*;* tỷ lệ rác thải y tế được thu gom và xử lý 98%và tỷ lệ nước thải y tế được thu gom và xử lý 76%*.*

- Huy động đạt 10% cháu từ 24-36 tháng tuổi vào nhà trẻ*;* Bậc mẫu giáo đạt 85%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100%*;* Tiểu học 100%; Trung học cơ sở 98%; Trung học phổ thông trên 60%.

- Tiếp tục phát huy dự án ngọt hóa Gò Công, từ năm 2015-2020, huyện đã đầu tư nạo vét 161 kênh nội đồng và cống điều tiết nước khép kín cho từng khu vực, với tổng vốn là 46,498 tỷ đồng. Tổ chức trục vớt lục bình, khơi thông dòng chảy cho 09 tuyến kênh cấp 01dài là 55,26 km; 214 tuyến kênh cấp 02 dài là 395,39 km, kinh phí thực hiện hàng năm 1,023 tỷ đồng, nên hệ thống kênh nội đồng hoàn chỉnh, phục vụ tốt yêu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Đã hình thành hai tiểu vùng sản xuất nông nghiệp: Bắc Quốc lộ 50, đã chuyển đổi nhanh và thành công cây thanh long, luân canh cây màu dưới chân ruộng,...; phía Nam Quốc lộ 50 chủ yếu còn giữ đất sản xuất lúa thơm đặc sản, chất lượng cao, một số xã đã tập trung vận động chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhanh sang dừa cao sản, dừa xiêm, bưởi da xanh, mãng cầu xiêm, thanh long, ... *(như Thạnh Nhựt, Vĩnh Hựu, thị trấn Vĩnh Bình, Long Vĩnh)* và một số xã chuyển sang cây màu chuyên canh *(như Yên Luông, Bình Tân, Thạnh Trị, Long Bình, Vĩnh Hựu)*. Việc chuyển đổi đó đã mang lại hiệu quả kinh tế cao gấp nhiều lần so với trồng lúa trước đó. Bên cạnh đó, tận dụng lợi thế ven đê Sông Tra, Sông Cửa Tiểu cũng đã phát triển mạnh diện tích nuôi tôm thâm canh nước lợ, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.Thực hiện tốt việc liên kết vùng kinh tế phía Đông của tỉnh, giai đoạn đầu đã liên kết sản xuất theo mùa vụ, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu gạo Gò Công, mai chiếu thủy nu Gò Công, nước Đông trùng hạ thảo, tinh dầu sả.

Đến cuối năm 2020, huyện có 12/12 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 01 xã nông thôn mới nâng cao (Thạnh Nhựt); huyện đạt 7/9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Phát triển các ngành kinh tế chủ lực:

*+ Sản xuất nông-ngư nghiệp*

Đến năm 2020, huyện đã chuyển đổi 8.302,32 ha đất trồng lúa sang trồng cây có giá trị kinh tế cao, dần dần hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, công nghệ cao nên diện tích gieo trồng lúa giảm dần *(giảm 3,56%/năm)*, do áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên chất lượng và năng suất tăng, lợi nhuận bình quân đạt khá khoảng 50 triệu đồng/ha/năm. Hình thành nhiều cánh đồng lớn với tổng quy mô 3.000 ha/9.222,39 ha, chiếm 32,53% diện tích đất lúa.

Diện tích trồng màu các loại đạt 5.300 ha, sản lượng 119.650 tấn, tăng bình quân 7,42%/năm,có 05 tổ chức được chứng nhận VietGAP, với diện tích là 29,14 ha, sản lượng bình quân đạt 565,32 tấn. Diện tích cây lâu năm đạt 4.198,85 ha, tăng bình quân 6,45%/ năm, sản lượng 61.680 tấn, tăng bình quân 13,70%/năm, trong đó diện tích vườn dừa đạt 2.475,68 ha, sản lượng 28.000 tấn.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học; sử dụng giống tốt có chất lượng thịt cao góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm ngành chăn nuôi, đáp ứng tốt yêu cầu thị trường. Tuy nhiên gần đây đã xuất hiện bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã gây thiệt hại nặng cho người chăn nuôi, khả năng khó tái đàn trở lại vì chưa có vaccin phòng bệnh. Tổng đàn heo là 63.263 con; bò 29.150 con; đàn gia cầm 1.648.870 con.

Diện tích nuôi thủy sản đạt 950 ha, tăng bình quân 0,63%/năm; sản lượng nuôi và khai thác đạt 8.201 tấn/năm, tăng bình quân 6,35%/năm.

*+ Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; cụm công nghiệp và công tác mời gọi đầu tư*

Đến năm 2020, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện tiếp tục phát triển, góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho người lao động, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, tăng tích lũy và cung cấp nhiều thiết bị, công cụ cho ngành nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành *(theo giá so sánh 2010)* là 1.855,35 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 12,14%.

Triển khai quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp Long Bình, với diện tích 20 ha. Đã mời gọi được 07 dự án, giải quyết khoảng 3.000 lao động khi các dự án này đi vào hoạt động ổn định. Ngoài ra huyện cũng đã gặp gỡ, cung cấp các tài liệu có liên quan về đầu tư cho các nhà đầu tư tìm hiểu và quan tâm tham gia 06 dự án, trong đó có 04 dự án trong danh mục kêu gọi đầu tư và 02 dự án nhà đầu tư tự chuyển nhượng đất dân để triển khai thực hiện, với tổng vốn đăng ký trên 900 tỷ đồng.

*+ Thương mại - Dịch vụ*

Đến năm 2020, toàn huyện hiện có 24 chợ (18 chợ đã được phân hạng và 06 chợ tự phát), bình quân chợ theo xã – phường là 1,61 cao hơn bình quân chung của toàn tỉnh là 1,01. Hầu hết các chợ đang hoạt động với quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu là kinh doanh các mặt hàng nhu yếu phẩm, các mặt hàng tự sản xuất. Nguồn kinh phí của huyện còn nhỏ, nên đầu tư phát triển chợ còn hạn chế.

Ngành thương mại trên địa bàn có khoảng 1.656 cơ sở trong tổng số 3.376 cơ sở kinh doanh cá thể phi nông nghiệp (chiếm 49%). Nhìn chung, hoạt động thương mại- dịch vụ phát triển ổn định. Các mặt hàng xuất ra khỏi địa bàn huyện là lương thực, dừa, trái cây các loại, thịt gia súc gia cầm, thủy sản, nước chấm, hàng thủ công. Các mặt hàng nhập vào huyện là hàng thực phẩm công nghiệp, đồ dùng công nghiệp, vật tư máy móc cho sản xuất nông ngư nghiệp, gỗ sắt thép cho xây dựng.

Các hoạt động dịch vụ du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông... có nhiều đổi mới và phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân:

- Dịch vụ vận tải tuy gặp khó khăn do giá nhiên liệu liên tục tăng, nhưng khối lượng vận tải tăng khá, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu xã hội.

- Dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được đẩy mạnh, tiếp tục phát triển ổn định, thực hiện đa dạng hóa loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn.

- Các dịch vụ khác như ứng dụng tin học, thiết kế xây dựng, y tế, giáo dục, tư vấn pháp luật,...hoạt động tương đối ổn định.

**Giáo dục:**

**Mạng lưới trường lớp:**

- Giáo dục mầm non: có 17 trường (trong đó 15 trường công lập, 02 trường mầm non tư thục).

- Giáo dục phổ thông: có 16 trường tiểu học, 06 trường trung học cơ sở, 03 trường trung học phổ thông (Trường THPT Vĩnh Bình, Trường THPT Nguyễn Văn Thìn, Trường THPT Đoàn Trần Nghiệp).

- Trường đạt chuẩn Quốc gia: có 29/37 trường đạt chuẩn Quốc gia, tỉ lệ: 78,37%; trong đó: Mầm non đạt 11/15 trường, tỉ lệ:73,33%; Tiểu học đạt 16/16 trường, tỉ lệ: 100%; Trung học cơ sở đạt 2/6 trường, tỉ lệ: 33.33%.

**Kết quả công tác phổ cập giáo dục - chống mù chữ:**

Trong năm học 2019 – 2020, ngành giáo dục huyện Gò Công Tây tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về điều kiện bảo đảm về nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Huyện đã tiến hành kiểm tra công nhận 13/13 đơn vị xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ vào tháng 11/2019 và tỉnh thẩm định công nhận vào tháng 01/2020 (08/01/2020). Kết luận kiểm tra:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tiếp tục đạt chuẩn và được tái công nhận năm 2019.

+ Xóa mù chữ: 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, tỷ lệ đạt 100% xã.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học: 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 3, tỷ lệ 100%.

+ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 8/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 3, tỷ lệ 61,53%; 5/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 , tỷ lệ: 38,47%. Tổng cộng, đạt tỷ lệ 100%.

**Đội ngũ nhà giáo:**

- Số lượng giáo viên các cấp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bậc học** | **Chỉ tiêu UBND giao** | **Số lượng hiện có** |
| Mầm non | 311 | 272 |
| Tiểu học | 615 | 573 |
| Trung học cơ sở | 319 | 273 |
| Phòng giáo dục và sự nghiệp giáo dục | 7+2 | 6+2 |
| **Tổng cộng** | 1.254 | 1.126 |

- Trình độ giáo viên (Đạt chuẩn, chưa chuẩn, trên chuẩn):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bậc học** | **Số lượng giáo viên tính đến tháng 12-2020** | **Đạt và trên chuẩn (%)** | **Trong đó trên chuẩn (%)** | **Chưa chuẩn****(%)** |
| Mẫu giáo | 272 | 100 | 62,6 | 0 |
| Tiểu học | 573 | 100 | 77,3 | 0 |
| THCS | 273 | 100 | 53,9 | 0 |
| Tổng | 1118 | 100 | 64,4 | 0 |
| Nhân sự Phòng GD&ĐT | 08 | 100 | 100 | 0 |

**Y tế:**

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từ Trung tâm Y tế huyện đến Trạm Y tế xã được đầu tư, trang bị đầy đủ hơn, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân; đồng thời khống chế tốt các loại dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra; thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, trình độ chuyên môn, y đức và thái độ phục vụ của y, bác sĩ ngày được nâng lên. Có 13/13 Trạm Y tế được công nhận đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2015-2020.

- Công tác tuyên truyền về bảo hiểm y tế đã đi vào chiều sâu. Người tham gia bảo hiểm y tế đã được quan tâm trong tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ y tế ngay từ tuyến y tế cơ sở. Đến cuối năm 2020 tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%. Công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ và dân số, kế hoạch hoá gia đình tiếp tục được quan tâm thực hiện; từ đó đã làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các tầng lớp Nhân dân; hệ thống dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đảm bảo chất lượng, an toàn; tốc độ tăng dân số trung bình còn 0,75%.

**-** Trung tâm y tế gồm:Bệnh viện đa khoa: 01; Y tế dự phòng: 01; Trạm y tế xã: 13; Tổng số giường bệnh: 157 (Giường Bệnh viện: 92, Giường Trạm y tế: 65); Số Trạm y tế có bác sĩ: 5/13 đạt tỷ lệ 38,46 %; Số trạm y tế có bác sĩ khám chữa bệnh: 100%; 100% số ấp có nhân viên y tế hoạt động; Tổng số nhân viên y tế ấp: 114/66 ấp, tromh đó, trên 70 % có trình độ chuyên môn y, dược từ sơ học trở lên, số còn lại là nhân viên sức khỏe cộng đồng.

- Nhân lực y tế năm 2020:

Tổng số nhân lực được giao toàn Trung tâm y tế là 234 biên chế; trong đó, tuyến huyện: 143, tuyến xã: 91.

+ Tuyến huyện: 143 biên chế, gồm:

\* Bác sĩ: 25; trong đó BS: 10, Bác sĩ chuyên khoa 1: 12, Bác sĩ chuyên khoa 2: 01, BS chính: 02.

\* Số bác sĩ /10.000 dân: 3,86 BS/10.000 dân.

\* Số Dược sĩ đại học/ 10.000 dân: 0,31 Dược sĩ đại học/ 10.000 dân.

\* Điều dưỡng: 55.

\* Tỷ lệ cán bộ y tế/giường bệnh: 1.47%.

+ Tuyến xã: 91 biên chế, còn thiếu biên chế chủ yếu là bác sĩ.

**Giao thông:**

**Giao thông đường bộ:**

Địa bàn huyện Gò Công Tây có 01 tuyến Quốc lộ 50 đi qua đã được Trung ương đầu tư nâng cấp vào năm 2009, 05 tuyến đường tỉnh đi qua: 872, 872B, 873, 877, 879D; 17 tuyến đường huyện tổng chiều dài 78,578 km; 39,38 km đường đô thị; 93,11 km đường liên xã; 271,82 km đường thôn, xóm. Cụ thể hóa các quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng về phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại; trong những năm qua, hạ tầng giao thông đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều công trình giao thông đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng, góp phần tạo diện mạo mới cho huyện Gò Công Tây, kết quả đạt được như sau: Đường huyện đạt cấp III đồng bằng: 01/17 tuyến (ĐH.18) với chiều dài 6,3km, đạt cấp V đồng bằng: 4/17 tuyến (ĐH.13, ĐH.13B, ĐH.16, ĐH.16C) với chiều dài 23,485 km; đạt cấp VI đồng bằng 12/17 tuyến còn lại với chiều dài 48,793km. Tuyến đường xã, liên xã 21 tuyến chiều dài 49,359 km đã được nhựa hóa 47,859 km đạt tỷ lệ 97% ; 354 tuyến đường ấp, đường dân sinh với chiều dài 342,198 km đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng, đá 4 x 4 đạt 338,388 km, tỷ lệ 98,8%.

**Giao thông thủy:**

Địa bàn huyện Gò Công Tây giáp với 2 trục giao thông thủy quan trọng là sông Cửa Tiểu (sông Tiền đi qua địa bàn 23km) và sông Tra dài 8,4 km. Do đó, giao thông thủy ở huyện Gò Công Tây khá phát triển về mặt vận tải hàng hóa lẫn hành khách.

Về giao thông nội vùng, nhìn chung ít phát triển do phần lớn các kênh rạch nhỏ đều được đóng cống phục vụ điều tiết ngọt hóa.

**Văn hóa:**

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã được các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng, đã và đang trở thành hành động tự giác của mọi người.

Huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. 13/13 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có sự chuyển biến rõ rệt, được sự đồng thuận cao trong nhân dân; hoạt động lễ hội được tổ chức đúng quy định, hiệu quả; công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa luôn được quan tâm (Huyện có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia; 09 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh). Đặc biệt, huyện có Lễ hội Kỳ yên đình Vĩnh Bình, được xem là lễ hội Kỳ yên lớn nhất tỉnh.

Giai đoạn 2015-2020, có 07 xã đạt chuẩn văn hóa; 14 danh hiệu cơ sở thờ tự văn hóa; 26 con đường văn hóa; 04 chợ văn hóa; 02 công viên văn hóa (công viên Nguyễn Văn Côn, công viên Nguyễn Thị Bảy), 66/66 ấp, khu phố văn hóa hàng năm được tái công nhận lại; danh hiệu gia đình văn hóa được bầu chọn hàng năm ngày càng đi vào thực chất, bình quân mỗi năm đạt 96%.

**Du lịch:**

Huyện có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia; 09 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh và Lễ hội Kỳ yên đình Vĩnh Bình thu hút đông đảo du khách đến tham quan, cúng bái.

**Thể thao:**

Phong trào thể thao và rèn luyện thân thể được cơ quan, đoàn thể, lực lượng vũ trang, trường học và nhân dân quan. Toàn huyện, có 30,6% dân số và 23,7% hộ gia đình luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; có các công trình thể dục thể thao như: sân vận động; nhà thi đấu đa môn và các sân quần vợt, sân cầu lông, sân bóng chuyền, bóng bàn, sân bóng đá mini bằng cỏ nhân tạo, sân tập luyện các bộ môn khác… tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện xã và thị trấn, thu hút đông đảo thanh niên, học sinh, cán bộ công chức, viên chức, người dân và vận động viên đến tập luyện.

**Tổng số liệt sĩ:** 2.036 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 320 Bà mẹ.

**2.** **Thị trấn Vĩnh Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

市鎮 Thị trấn

永平市鎮 Vĩnh Bình thị trấn

**Vị trí địa lý:**

Thị trấn Vĩnh Bình là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp hai xã Bình Nhì và Đồng Thạnh; phía Tây giáp xã Thạnh Nhựt; phía Đông giáp xã Thạnh Trị; phía Nam giáp hai xã Vĩnh Hựu và Long Vĩnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ngoài thôn Vĩnh Lợi còn có thêm thôn Bình Phú Tây (mới lập); cả hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định; thôn Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[[12]](#footnote-12) Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; xã Bình Phú Tây, tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã Vĩnh Lợi và xã Bình Phú Tây thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Vĩnh Lợi và xã Bình Phú Tây, từ năm 1957, gọi là xã Vĩnh Bình (xã Vĩnh Lợi hợp nhất với xã Bình Phú Tây), huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Vĩnh Bình thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công và xã Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã Vĩnh Lợi và xã Bình Phú Tây hợp nhất thành xã Vĩnh Bình, thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Vĩnh Bình thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công, là quận lỵ của quận Hòa Đồng.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Bình thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Vĩnh Bình được nâng lên thành thị trấn Vĩnh Bình, thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Thị trấn Vĩnh Bình được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị năm 2020.

**Diện tích tự nhiên:** 1.053,95 ha.

**Hành chính:**

Thị trấn Vĩnh Bìnhcó 06 khu phố: Khu phố 01, Khu phố 02, Khu phố 03, Khu phố 04, Khu phố 05, Khu phố 06.

**Dân số:** 11.347 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 63,8 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Nhân dân sống chủ yếu bằng kinh doanh, dịch vụ buôn bán nhỏ và một số ít làm nghề nông.

**Giáo dục:**

Thị trấn có 07 trường học: Trường mầm non Măng Non, Trường mầm non Vĩnh Bình, Trường mầm non Ánh Dương, Trường tiểu học Nguyễn Hữu Trí, Trường tiểu học Bùi Thanh Liêm, Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều, Trường trung học phổ thông Vĩnh Bình. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm Y tế thị trấn được xây dựng khang trang, đạt chuẩn Quốc gia về y tế cơ sở, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các khu phố đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Thị trấn Vĩnh Bình nằm trên trục giao thông thuỷ, bộ quan trọng (quốc lộ 50 và hệ thống rạch Vàm Giồng – kênh/kinh Vĩnh Lợi). Hệ thống đường giao thông của thị trấn được tráng nhựa, đổ bê tông hoặc lót đan chiếm tỷ lệ 98%.

**Văn hóa:**

Thị trấn có Nhà văn hóa với hội trường có sức chứa 250 chỗ ngồi. Tất cả các khu phố đều được công nhận Khu phố văn hóa, có trụ sở làm việc kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng khang trang.

Thị trấn có Lễ hội Kỳ Yên diễn ra tại đình Vĩnh Bình được xem là lễ hội Kỳ yên lớn nhất tỉnh.

Thị trấn có 7 cơ sở thờ tự văn hóa, 3 con đường văn hóa, 2 công viên văn hóa (công viên Nguyễn Văn Côn và công viên Nguyễn Thị Bảy), 3 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (Mộ ông Huê ở Khu phố 1, chùa Vạn Bửu Phật Đường ở Khu phố 2, đình Vĩnh Bình ở Khu phố 2)

Về gia đình văn hóa, năm 2020, toàn thị trấn có 3.440 hộ đăng ký đạt 100%, qua bình xét cuối năm có 3.248/3.440 hộ được công nhận gia đình văn hóa, đạt 94,4%,

Các khu phố đều có tổ chức Câu lạc bộ (CLB) như: CLB Ông bà cháu; CLB Gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững; CLB Pháp luật,…

**Du lịch:**

Lễ hội Kỳ Yên gắn với đình Vĩnh Bình thu hút đông đảo Nhân dân trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái.

**Thể thao:**

Các khu phố đều có CLB Dưỡng sinh. Năm 2020, số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên là 3.951/11.293 người đạt 34,9% và số hộ đạt “Gia đình thể thao” là 1340/3440 hộ, đạt 38,9%.

Thị trấn có các đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 85 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 12 Bà mẹ.

**3.** **Xã Bình Nhì**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

二 Nhì: Thứ hai

平二社 Bình Nhì Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Nhì nằm về phía Tây Bắc của huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Đồng Thạnh, phía Tây giáp xã Thạnh Nhựt, phía Nam giáp thị trấn Vĩnh Bình và xã Thạnh Nhựt, phía Bắc giáp xã Đồng Sơn và xã Bình Phục Nhứt (huyện Chợ Gạo).

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1948, gọi là xã Bình Phục Nhì, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1948-1951, 07 ấp ở phía Nam của xã nhập với một số ấp của xã Thạnh Nhựt thành xã Bình Thạnh Nam; 06 ấp ở phía Bắc của xã nhập với một số ấp còn lại của xã Thạnh Nhựt và 03 ấp của xã Bình Phú Tây thành xã Bình Thạnh Bắc, hai xã này thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã Bình Thạnh Nam và Bình Thạnh Bắc thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, tái lập xã Bình Phục Nhì, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Bình Phục Nhì thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Phục Nhì thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Phục Nhì hợp nhất với xã Thạnh Nhựt thành xã Bình Thạnh thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Bình Thạnh được tách ra thành hai xã như trước. Xã Bình Phục Nhì được đổi tên thành xã Bình Nhì thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Diện tích tự nhiên:** 1.375,49 ha.

**Hành chính:**

 Xã có 03 ấp: Bình Hòa Long, Bình Đông Trung, Bình Hòa Đông.

**Dân số:** 11.347 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là nông nghiệp với nghề chính là trồng lúa. Ngoài ra, người dân còn trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, giá cầm với quy mô hộ gia đình. Đồng thời, một số hộ dân kinh doanh, buôn bán nhỏ.

**Giáo dục**:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Bình Nhì, Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế cơ sở, có 08 biên chế: 06 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các khu phố đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 50. Hệ thống đường giao thông nông thôn của xã đều được trải nhựa và bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có nhà văn hóa ấp khang trang.

Về gia đình văn hóa năm 2020 có 100 % hộ đăng ký, qua bình xét cuối năm có 95% số hộ được công nhận gia đình văn hóa.

Xã có các Câu lạc bộ (CLB) như: CLB Ông bà cháu; CLB Gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững; CLB Đờn ca tài tử,…

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Năm 2020, số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của xã đạt 33% và số hộ đạt “Gia đình thể thao” có tỷ lệ 37%.

Xã có các đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 143 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 22 Bà mẹ.

**4.** **Xã Bình Phú**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

富 Phú: Giàu có

平富社 Bình Phú Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Phú nằm về phía Bắc của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, phía Tây giáp xã Đồng Thạnh và xã Đồng Sơn; phía Nam giáp xã Thành Công và một phần xã Đồng Thạnh; phía Bắc giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 1.321,53 ha.

**Hành chính:**

Xã có 04 ấp:Thọ Khương, Bình Phú, Bình Khánh, Bình Ninh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Phú Đông và Bình Hưng thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Bình Hưng đổi tên thành thôn Bình Lạc; hai thôn Bình Phú Đông và Bình Lạc thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, làng Phú Xuân (được lập năm 1873) nhập vào làng Bình Phú Đông; năm 1886, làng Bình Lạc nhập vào làng Bình Phú Đông; từ năm 1900, làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Phú Đông, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã Bình Phú Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Bình Phú Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Bình Phú Đông thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn; từ năm 1954-1956, xã Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Phú Đông thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Phú Đông được đổi tên thành xã Bình Phú thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Bình Phú thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 8.700 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Bình Phú là xã nông nghiệp, nhân dân trồng các loại giống lúa thơm như: OM 4900, OM 5451, OM 7347, Nàng hoa 9,… cho năng suất bình quân từ 5,5 tấn/ha/vụ - 6 tấn/ha/vụ. Người dân còn chăn nuôi bò, dê, gà công nghiệp theo hướng kinh tế trang trại.

Ngoài ra, xã có 01 tổ may gia công, 01 tổ đan lát.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường đều đạt chuẩn quốc gia: Trường mầm non Bình Phú, Trường tiểu học Đỗ Văn Châu.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 03 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Đi ngang qua xã có các tuyến Đường huyện 13, 13B, 13C, sông Tra, Kênh/Kinh N8.

Hệ thống giao thông nông thôn có02 tuyến đường xã, chiều dài 8.640 m; 05 tuyến đường ấp, liên ấp, chiều dài 8.690 m, 10tuyến đường ngõ, xóm, chiều dài 16.464 m; 04 tuyến đường nối các khu vực sản xuất, chiều dài 3.062 m. Tất cả các tuyến đường đều được trải nhựa và bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa của xã và 3 nhà văn hóa ấp (Bình Khánh, Bình Ninh, Thọ Khương). Còn lại ấp Bình Phú liên kết với nhà văn hóa của xã.

Tất cả 05 ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, đã xây dựng hoàn chỉnh trụ sở.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa. Xã có 01 câu lạc bộ Hát với nhau, 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm tham quan du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, 4 đội bóng đá, 03 câu lạc bộ: cầu lông, dưỡng sinh, cờ tướng.

**Tổng số liệt sĩ:** 164 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ VN anh hùng:** 25 Bà mẹ.

**5.** **Xã Bình Tân**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

新 Tân: Mới mẻ

平新社 Bình Tân Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Tân nằm ở phía Đông Nam của huyện; phía Đông giáp xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp xã Long Bình; phía Nam giáp sông Cửa Tiểu; phía Bắc giáp xã Long Hòa, thị xã Gò Công.

**Diện tích tự nhiên:** 1.669,13 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Thuận Trị, Hòa Thành, Thạnh Lợi, Lợi An, Xóm Thủ.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Long và Tân Cương thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn Tân Long và Tân Cương thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1873, làng Bình Luông Trung được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của hai làng Bình Luông Tây và Bình Luông Đông. Năm 1885, làng Tân Long nhập vào Bình Luông Trung. Đến lúc này, có hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung. Từ năm 1900, hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Từ năm 1913, hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1924, hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Cương và xã Bình Luông Trung, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, gọi là xã Tân Cương và xã Bình Luông Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1956-1968, hai xã Tân Cương và Bình Luông Trung hợp nhất thành xã Bình Tân, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Bình Tân thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã Bình Tân thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, hai xã Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, hai xã Tân Cương và Bình Luông Trung hợp nhất thành xã Bình Tân thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Tân thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Tân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Bình Tân thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.841 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,15 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản,...)

Xã có 2 hợp tác xã đang hoạt động ổn định: HTX Cơ khí thủ công mỹ nghệ Bình Tân và HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Hòa Thạnh.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Bình Tân (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Nguyễn Văn Trừ (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Huỳnh Xuân Việt.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng kiêm cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,39% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có các Đường tỉnh 877 và 872B; các Đường huyện 11, và 19. Từ trung tâm xã đến đường tỉnh, đường huyện đều được nhựa hóa 100%.

Xã có 4 tuyến đường liên ấp với chiều dài 4.345m, đến năm 2020, thực hiện được 3/4 tuyến, dài 3.345 m, đạt 76,98%, đã được trải nhựa và bê tông; 27 tuyến đường ngõ, xóm với chiều dài 13.748m, năm 2020, đã thực hiện 23/27 tuyến, dài 10.891m, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa; 7 tuyến đường nối các khu vực sản xuất, dài 15.000m, năm 2020, đã thực hiện 5/7 tuyến, dài 10.100m, đạt 67,33%; đã được trải nhựa và bê tông, phục vụ cho vận chuyển hàng hóa nông sản của nông dân.

**Văn hóa:**

Xã có 5/5 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 01/04 chùa được công nhận cơ sở thờ tự văn hóa.

Xã có nhà văn hóa với hội trường đa năng có 250 chỗ ngồi, tổng diện tích quy hoạch 14.988,6m2, diện tích xây dựng 472,86m2 và 03 phòng chức năng (phòng hành chính, phòng thông tin - truyền thông, phòng đọc sách), đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã; có 03/05 ấp có nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng (Lợi An, Hòa Thạnh, Xóm Thủ)

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 97% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Mộ và đền thờ Chưởng cơ Mai Tấn Huệ.

**Du lịch:**

Mộ và đền thờ Chưởng cơ Mai Tấn Huệ được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, thu hút đông đảo du khách đến tham quan và cúng bái.

**Thể thao:**

Xã có sân thể dục, thể thao diện tích 1,9 ha; có các đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 140 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ VN anh hùng:** 19 Bà mẹ.

**6.** **Xã Đồng Sơn**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

仝 Đồng: đồng lòng

山 Sơn: Núi

仝山社 Đồng Sơn Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Đồng Sơn nằm về phía Bắc của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp xã Bình Phú; phía Tây giáp xã Bình Phục Nhứt và xã Quơn Long (huyện Chợ Gạo); phía Nam giáp xã Đồng Thạnh và xã Bình Nhì; phía Bắc giáp xã Thanh Vĩnh Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Long An).

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, ngoài thôn Đồng Sơn còn có thôn Trường Xuân; cả hai thôn này đều thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, làng Trường Xuân nhập vào làng Đồng Sơn. Từ năm 1900, làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công. Từ năm 1913, làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1924, làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Đồng Sơn, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Đồng Sơn thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã Đồng Sơn thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Đồng Sơn thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Đồng Sơn thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Đồng Sơn thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Diện tích tự nhiên:** 1483,55 ha.

**Hành Chính:**

Xã có 04 ấp: Bình Trinh, Khương Thọ, Ninh Đồng, Thạnh Thới.

**Dân số:** 9.320 người.

**Thu nhập bình quân đầu người**: đạt 55,21triệu/người/năm.

**Kinh tế:**

Nhân dân trong xã có trên 70% làm nông nghiệp, số còn lại buôn bán nhỏ lẻ và làm tiểu thủ công nghiệp.

**Giáo dục**:

Xã có 03 trường học: Trường mẫu giáo Đồng Sơn (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Huỳnh Văn Phèn (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Võ Đăng Được.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Xã có đường thủy sông Tra nối ra sông Vàm Cỏ và Đường huyện 18 nối với Quốc lộ 50, là đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng của địa phương.

Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện và không lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã được công nhận Xã văn hóa, có Nhà văn hóa với đầy đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của Nhân dân.

Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có 04/04 ấp có Nhà văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96,5% hộ được công nhận gia đình văn hóa.

Xã có 02 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Bia Chiến thắng Đồng Sơn, Khu lưu niệm Căn cứ Tỉnh đội Gò Công.

**Du lịch:**

02 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Bia Chiến thắng Đồng Sơn, Khu lưu niệm Căn cứ Tỉnh đội Gò Công thu hút học sinh - sinh viên trong và ngoài xã đến tham quan dưới hình thức du lịch về nguồn.

**Thể thao:**

Nhà văn hóa xã có các dụng cụ tập thể thao đơn giản phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục-thể thao của nhân dân.

Xã có sân vận động, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ**: 207 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 41 Bà mẹ.

**7.** **Xã Đồng Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

仝 Đồng: đồng lòng

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

仝盛社 Đồng Thạnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Đồng Thạnh nằm về phía Bắc của huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp xã Bình Phú và xã Đồng Sơn; phía Đông giáp xã Thành Công; phía Tây giáp xã Bình Nhì; phía Nam giáp xã Thạnh Trị và thị trấn Vĩnh Bình.

**Lịch sử hình thành:**

Xã Đồng Thạnh được thành lập năm 1979 thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở điều chỉnh diện tích tư nhiên và dân số các ấp Đồng Hanh, Đồng Ngươn (Nguyên), Lợi An, Đồng An, Đồng Lợi thuộc xã Đồng Sơn; một phần ấp Bình Lạc, xóm Bà Thới thuộc xã Bình Phú; xóm Bà Gõ, ấp Bình Tứ, ấp Vĩnh Thới, ấp Vĩnh Hưng, một phần ấp Bình Nhứt và ấp Vĩnh Phong thuộc xã Thạnh Trị. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Diện tích tự nhiên:** 1.567,49 ha.

**Hành Chính:**

Xã có 06 ấp: Hòa Bình, Hòa Thạnh, Thạnh Lạc, Thạnh Phú, Thạnh Hưng, Lợi An.

**Dân số:** 12.955 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: đạt 60 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, người dân còn làm các ngành nghề thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mẫu giáo Đồng Thạnh, Trường tiểu học Đồng Thạnh, Trường trung học cơ sở Đồng Thạnh. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng kiêm cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Xã có đường thủy sông Tra nối ra sông Vàm Cỏ và Đường huyện 18 nối với Quốc lộ 50.

Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa**:

Xã được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa; có nhà văn hóa xã với đầy đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: Đình Đồng Thạnh.

Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có 03/06 ấp có nhà văn hóa.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 95% hộ được công nhận gia đình văn hóa.

**Thể thao:**

Xã có sân vận động. Nhà văn hóa xã có sân bóng chuyền, sân cầu lông và các dụng cụ tập thể thao đơn giản phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục - thể thao của nhân dân. Xã có đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

Năm 2020, có 06/66 ấp được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thể dục - thể thao.

**Du lịch:**

Đình Đồng Thạnh là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan, cúng bái.

**Tổng số liệt sĩ**: 153 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 17 Bà mẹ.

**8.** **Xã Long Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

隆平社 Long Bình Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Bình nằm về phía Đông Nam của huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Bình Tân, phía Tây giáp xã Long Vĩnh, phía Bắc giáp xã Thạnh Trị và xã Yên Luông, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu và huyện Tân Phú Đông.

**Diện tích tự nhiên:** 1839,67 ha.

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: Long Thới, Ninh Quới, Phú Trung, Thới Hòa, Khương Ninh, Hòa Phú, Quới An và Long Hải.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Long và Bình Long Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn Bình Long Đông và Bình Long Tây thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1873, làng Bình Long Tây cắt một phần diện tích và dân số để lập làng Long Thạnh Từ năm 1900, ba làng Bình Long Đông, Bình Long Tây và Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, ba làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, ba làng Bình Long Đông, Bình Long Tây và Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Long Đông, xã Bình Long Tây, xã Long Thạnh, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, ba xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Long Đông, làng Bình Long Tây và làng Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, gọi là xã Bình Long Đông, xã Bình Long Tây và xã Long Thạnh, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1956-1968, là xã Bình Long Đông và xã Bình Long (do xã Bình Long Tây hợp nhất với xã Long Thạnh năm 1956), huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Bình Long Đông và xã Bình Long thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, hai xã này thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Bình Long Đông, xã Bình Long Tây và xã Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1956-1963, là xã Bình Long Đông và xã Bình Long (do xã Bình Long Tây hợp nhất với xã Long Thạnh năm 1956), tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Long Đông và xã Bình Long thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Long Đông và xã Bình Long hợp nhất, lấy tên là xã Long Bình, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Long Bình thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 14.824 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 53,5 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Người dân sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt như lúa, cây ăn trái (thanh long, dừa, mãng cầu xiêm), rau màu (bắp, ớt, dưa lê,...), chăn nuôi gia súc, gia cầm (năm 2020, heo 1.200 con, bò 1.750 con, dê 1.150 con, gia cầm 60.000 con), thủy sản,... Xã có 01 HTX nông nghiệp tổng hợp hoạt động ổn định.

Xã có 01 cơ sở chế biến xơ dừa, 01 tổ dán hoa vải, 03 tổ gia công hàng may mặc, 02 tổ đan lục bình, 04 chợ (01 chợ trung tâm; chợ Long Bình và 03 chợ trên địa bàn ấp.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Long Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông Long Bình.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xãcó 02 tuyến đường tỉnh (877A; 877B), 02 tuyến đường huyện (11, 16). Xã có 23 tuyến giao thông nông thôn với tổng chiều dài 24,819 km được trải nhựa hoa75c bê tông, đảm bảo nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân.

**Văn hoá :**

Xã có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 08 câu lạc bộ Đờn ca tài tử; 01 câu lạc bộ Hát với nhau, 04 con đường văn hóa; 01 cơ sở thờ tự văn hóa và 01 chợ văn hóa (chợ Long Bình).

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có trên 90% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá lớn, 01 sân bóng đá mini, 08 sân bóng chuyền, 01 câu lạc bộ thể hình, 01 câu lạc bộ taekwondo.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Tổng số liệt sĩ:** 147 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh Hùng:** 18 Bà mẹ.

**9.** **Xã Long Vĩnh**

**Ý nghĩa tên cơ quan hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

隆永社 Long Vĩnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Vĩnh nằm ở phía Đông Nam huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Long Bình, phía Tây giáp xã Vĩnh Hựu, phía Bắc giáp thị trấn Vĩnh Bình và xã Thạnh Trị, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu.

**Diện tích tự nhiên:** 1.279,93 ha.

**Hành Chính:**

Xã Long Vĩnh có 5 ấp: Hưng Hòa, Thới An A, Thới An B, Vĩnh Quới, Phú Quới

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; năm 1916, làng Vĩnh Hựu được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để lập làng Vĩnh Viễn (tiền thân của xã Long Vĩnh hiện nay); từ năm 1924, làng Vĩnh Viễn thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Viễn, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Viễn thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Vĩnh Viễn, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Vĩnh Viễn thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Vĩnh Viễn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Vĩnh Viễn thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Viễn được đổi tên thành xã Long Vĩnh, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Long Vĩnh thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu.

**Dân số:** 8.349 người (2010).

**Thu nhập bình quân**: 61,26 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, nông như trồng lúa, cây ăn trái (bưởi, dừa xiêm, mãng cầu xiêm, bơ, lài,...), cây kiểng (mai nu), rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi chim yến và nuôi trồng thủy sản. Từ năm 2019, mỗi vụ lúa đều có ít nhất 50 ha tham gia mô hình cánh đổng mẫu lớn. Từ năm 2020, phát triển thêm mô hình sản xuất lúa công nghệ cao, mỗi vụ có hơn 150 ha thực hiện mô hình.

Xã có 140 hộ kinh doanh, dịch vụ với quy mô vừa và nhỏ, 03 doanh nghiệp và 01 Hợp tác xã hoạt động đều có lãi, đã góp phần giải quyết một phần công ăn việc làm cho lao động tại xã.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Long Vĩnh, Trường tiểu học Nguyễn Văn Quyên. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã cóĐường tỉnh 872, Đường tỉnh 877; Đường huyện 16C, Đường huyện 16A, Đường huyện 11.

Hệ thống giao thông nông thôn của xã có:đường liên xã (02 tuyến, dài 4.900 m); đường ấp (14 tuyến, dài 21.000 m); đường dân sinh (12 tuyến, dài 8.300 m); đường nối với các khu sản xuất (01 tuyến, 2.000 m). Tất cả tuyến đường này đều được trải nhựa hoặc bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 02 câu lạc bộ Hát với nhau, 04 con đường văn hóa; 01 cơ sở thờ tự văn hóa (Tịnh thất Phước Chơn), 01 câu lạc bộ Sinh vật cảnh

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có Nhà văn hóa ấp. Hàng năm, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó bình quân có 93% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Đài chiến sĩ.

**Du lịch:**

Đài chiến sĩ là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, được chọn là một trong những địa điểm du lịch “Về nguồn” của huyện.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 03 bộ dụng cụ thể thao đơn giản tại nhà văn hoá xã, 01 câu lạc bộ Võ cổ truyền, 01 câu lạc bộ Bóng đá, 01 câu lạc bộ Bóng chuyền, 01 Câu lạc bộ cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 156 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 33 Bà mẹ.

**10.** **Xã Thành Công**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

成 Thành

功 Công

成功社 Thành Công Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thành Công nằm ở phía đông bắc huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Bình Xuân và xã Long Chánh (đều thuộc thị xã [Gò Công](https://vi.wikipedia.org/wiki/G%C3%B2_C%C3%B4ng)), phía Tây giáp xã [Đồng Thạnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Th%E1%BA%A1nh) và xã Thạnh Trị, phía Nam giáp xã [Thạnh Trị](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A1nh_Tr%E1%BB%8B%2C_G%C3%B2_C%C3%B4ng_T%C3%A2y) và xã [Yên Luông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_Lu%C3%B4ng), phía Bắc giáp xã [Bình Phú](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Ph%C3%BA%2C_G%C3%B2_C%C3%B4ng_T%C3%A2y) và xã Bình Xuân (thị xã Gò Công).

**Diện tích tự nhiên:** 810,52 ha.

**Hành chính:**

Xã có 03 ấp: Bình Lạc, Bình Hưng, Bình Nhựt.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Công thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, ngoài thôn Bình Công còn có thêm thôn Bình Hòa; cả hai thôn này đều thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, làng Bình Hòa nhập vào làng Bình Công; từ năm 1900, làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, ngoài làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công còn có làng Bình Thành thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Công (tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công) và xã Bình Thành (tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công); từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công và làng Bình Thành thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, hai xã Bình Công và Bình Thành hợp nhất thành xã Thành Công (1957) thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Thành Công thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, hai xã Bình Công và Bình Thành hợp nhất thành xã Thành Công (1957) thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Thành Công thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 5.320 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 56 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, như trồng lúa, các loại rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi cá nước ngọt. Ngoài ra, xã còn có một số hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thành Công, Trường tiểu học Thành Công (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đoàn Trần Nghiệp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Đường tỉnh 873 và Đường huyện 13. Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường huyện, đường tỉnh đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ Hát với nhau, 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 95% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có sân bóng chuyền, sân cầu lông, các bộ dụng cụ thể thao đơn giản tại Nhà văn hóa xã, 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 01 đội cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 109 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 20 Bà mẹ.

**11.** **Xã Thạnh Nhựt**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

日 Nhựt: Mặt trời, ngày

盛日社 Thạnh Nhựt Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Nhựt nằm về phía Tây của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp thị trấn Vĩnh Bình; phía Tây giáp xã An Thạnh Thủy (huyện Chợ Gạo); phía Nam giáp xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo), xã Vĩnh Hựu (huyện Gò Công Tây); phía Bắc giáp xã Bình Nhì (huyện Gò Công Tây), xã Bình Phục Nhứt (huyện Chợ Gạo).

**Diện tích tự nhiên:** 1.783,72 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Bình Tây, Bình Đông, Bình Trung, Tân Thạnh và Thạnh Lạc Đông.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Tân Nhựt này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tân Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Nhựt được đổi tên thành làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Thạnh Nhựt thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Thạnh Nhựt thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Thạnh Nhựt thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. nâng cao.

**Dân số:** 12.803 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60,25 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Trong phát triển kinh tế, người dân đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác như: Bưởi da xanh, thanh long, dừa và đặc biệt mai chiếu thuỷ nu Gò Cô

Bên cạnh kinh tế nông nghiệp, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp xã Thạnh Nhựt cũng phát triển mạnh như: Nghề làm nhang, đan lục bình, may,…

Xã có 306 cơ sở kinh doanh, dịch vụ với quy mô vừa và nhỏ; 01 tổ hợp tác nước và 03 hợp tác xã cung cấp nước sinh hoạt; 03 chợ: Bình Đông, Thạnh Lạc Đông, Bình Tây.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thạnh Nhựt (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Thạnh Nhựt (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Thạnh Nhựt.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 chuyên trách dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường huyện 16A và Đường huyện 15A. Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến Quốc lộ 5, đường huyện đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử, 01 CLB Hát với nhau, 01 CLB Thơ (có tên “Hừng Sáng”), 5 CLB Gia đình phát triển bền vững, 05 đội văn nghệ, 01 bưu điện văn hóa. Đặc biệt, Chi hội Sinh vật cảnh Thạnh Nhựt. Xã Thạnh Nhựt là điểm phát xuất, tạo thương hiệu cho giống “Mai nu Thạnh Nhựt”. Gọi tên theo đặc điểm chung là “Mai chiếu thủy”, còn phân biệt “Mai nu” bởi khi cây được nhiều năm sẽ nổi những u nần cỡ hột nhãn quanh thân.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 92% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 02 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng chuyền hơi, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, , 01 sân cầu lông, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 199 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 43 Bà mẹ.

**12.** **Xã Thạnh Trị**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

治 Trị: Trị an

盛治社 Thạnh Trị Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Trị nằm ở phía Đông của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp xã Yên Luông; phía Tây giáp thị trấn Vĩnh Bình; phía Nam giáp xã Long Vĩnh, xã Long Bình; phía Bắc giáp xã Đồng Thạnh và xã Thành Công.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Thạnh thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1883, làng Vĩnh Trị được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của làng Vĩnh Hựu; từ năm 1900, hai làng Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, hai làng Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng này thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Thạnh và xã Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Thạnh và làng Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, hai xã Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị hợp nhất thành xã Thạnh Trị thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Thạnh Trị thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, hai xã Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị hợp nhất là xã Thạnh Trị (1956) thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Thạnh Trị thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Thạnh Trị thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thạnh Trị thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Diện tích tự nhiên:** 1.426,25 ha.

**Hành Chính:**

Xã có 08 ấp: Thạnh Bình, Thạnh An, Thạnh Hòa Đông, Thạnh Hòa Tây, Thạnh Phú, Thạnh Hưng, Thạnh Yên.

**Dân số:** 9.533 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 50,3 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, như trồng lúa (nghề chính), trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi cá nước ngọt,... Ngoài ra, còn có một số hộ dân làm nghề sửa chữa cơ khí nhỏ và buôn bán nhỏ, lẻ.

**Giáo dục:**

Xã có 3 trường: Trường mầm non Thạnh Trị (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Thạnh Trị (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Thạnh Trị.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường huyện 16A và Đường huyện 15A. 100% đường giao thông nông thôn: đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến Quốc lộ 50, đường huyện, đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử, 01 CLB Hát với nhau, 08 CLB Gia đình phát triển bền vững, 04 cơ sở thờ tự văn hóa, 02 con đường văn hóa.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 95% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ trên địa bàn xã** : 117 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 11 Bà mẹ.

**13.** **Xã Vĩnh Hựu**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

**永** Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

**祐** Hựu: Bảo hộ, che chở, phúc lành

永祐社 Vĩnh Hựu Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Vĩnh Hựu nằm về phía Tây Nam huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp xã Thạnh Nhựt, thị trấn Vĩnh Bình; phía Nam giáp xã Tân Thới (huyện Tân Phú Đông); phía Tây giáp xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo); phía Đông giáp xã Long Vĩnh.

**Diện tích tự nhiên:** 1.908,62 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Ấp Phú Quý, Bình An, Thạnh Thới, An Ninh, Hòa Bình

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; năm 1883, làng Vĩnh Hựu cắt một phần diện tích và dân số để lập làng Vĩnh Trị; từ năm 1913, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; năm 1916, làng Vĩnh Hựu cắt một phần diện tích và dân số để lập làng Vĩnh Viễn (tiền thân của xã Long Vĩnh hiện nay); từ năm 1924, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Vĩnh Hựu thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Vĩnh Hựu thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Hựu thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Vĩnh Hựu thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 11.232 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 59 triệu đồng/1 người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Vĩnh Hựu là xã nông nghiệp, như trồng lúa, trồng cây dừa, cây ca cao xen cây dừa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, chim yến và nuôi cá nước ngọt. Về tiểu thủ công nghiệp, xã có Làng nghề truyền thống bó chổi. Đồng thời, còn có một số hộ dân làm nghề sửa chữa cơ khí nhỏ và buôn bán nhỏ, lẻ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Vĩnh Hựu (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Nguyễn Thị Tốt (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 điều dưỡng kiêm cán bộ dân số, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

**Giao thông:**

Xã có vị trí thuận lợi về giao thông thủy bộ như: 02 tuyến đường tỉnh 872, 877, 03 tuyến đường huyện 16C, 15A, 15B, sông Cửa Tiểu, sông Vàm Giồng và Kênh/Kinh 14 đi ngang qua địa bàn xã, tạo nhiều thuận lợi cho việc giao lưu, vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân địa phương và vùng lân cận.

Xã có 41/41 tuyến đường giao thông nông thôn: đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường tỉnh, đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Khu kháng chiến Vĩnh Hựu.

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử, 01 CLB Hát với nhau, 01 chi hội Hoa kiểng.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có 03/05 ấp có Nhà văn hóa. Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó bình quân có 96% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:**

Khu kháng chiến Vĩnh Hựu là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, thu hút đông đảo sinh viên - học sinh đến tham quan theo hình thức du lịch “Về nguồn”.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 01 câu lạc bộ Võ cổ truyền, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 317 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 42 Bà mẹ.

**14.** **Xã Yên Luông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

安 An (Yên): Bình an, an toàn, yên ổn

隆 Long (Luông): Hưng thịnh, long trọng

安 隆 社 Yên Luông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Yên Luông nằm về phía Đông huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Long Chánh và xã Long Hòa (thị xã Gò Công), phía Tây giáp xã Thạnh Trị, phía Nam giáp xã Bình Tân và Long Bình, phía Bắc giáp xã Thành Công.

**Diện tích tự nhiên:** 1.049,62 ha.

**Hành chính**:

Xã Yên Luông có 04 ấp: Phú Quới, Long Bình, Thạnh Phong và Bình Cách.

**Lịch sử hình thành**:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Yên Luông Đông và Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Yên Luông Đông và thôn Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Yên Luông Đông và làng Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, hai làng Yên Luông Đông và Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng Yên Luông Đông và Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Yên Luông Đông và xã Yên Luông Tây, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Yên Luông Đông và làng Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, hai xã Yên Luông Đông và Yên Luông Tây hợp nhất thành xã Yên Luông (1956) thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Yên Luông thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, hai xã Yên Luông Đông và Yên Luông Tây hợp nhất thành xã Yên Luông (1956) thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Yên Luông thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Yên Luông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số**: 6.650 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu xã chủ yếu là nông nghiệp, như trồng lúa đặc sản, rau màu (dưa hấu, cà, bí, ớt, rau xanh, đậu, bắp,…), chăn nuôi gia súc, gia cầm với mô hình chăn nuôi trang trại kỹ thuật cao.

Ngoài ra, xã có có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giải quyết việc làm ổn định cho hơn 1000 lao động.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Yên Luông (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Đỗ Trình Thoại (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường huyện 15A và Đường huyện 16B.

Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn: đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến Quốc lộ 50, đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 04 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 04 đội lân.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 95% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ**: 99 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 17 Bà mẹ.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

**Quốc lộ 50**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

**Đường tỉnh:**

**1.** **Đường tỉnh 872**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (872).

Đường tỉnh 872, có số hiệu đường bộ ĐT.872; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba Hòa Đồng, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây); điểm cuối: ĐT.877 (Ngã ba Bến đò Cá Chốt, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây); chiều dài: 7,363 km.

**2.** **Đường tỉnh 872B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (872B).

Đường tỉnh 872B, có số hiệu đường bộ ĐT.872B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây); điểm cuối: Đường tỉnh 877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 10,717 km.

**3.** **Đường tỉnh 879D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879D).

Đường tỉnh 879D, có số hiệu đường bộ ĐT.879D; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (cầu Rạch Tràm, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây); chiều dài: 10,648 km.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Gò Công Tây:**

**Đường huyện:**

**1.** **Đường huyện 11**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (11).

Đường huyện 11, có số hiệu đường bộ ĐH.11; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường Thới An A; chiều dài: 7,750 km; chiều rộng: 4,5 m.

**2.** **Đường huyện 11B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (11) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 11B, có số hiệu đường bộ ĐH.11B; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường huyện 11; chiều dài: 1,540 km; chiều rộng: 3,5 m.

**3.** **Đường huyện 12**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12).

Đường huyện 12, có số hiệu đường bộ ĐH.12; điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Cầu Thạnh Nhựt; chiều dài: 3,217 km; chiều rộng: 4,5 m.

**4.** **Đường huyện 12B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 11, có số hiệu đường bộ ĐH.12B; điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Trí; điểm cuối: Đường huyện 12; chiều dài: 4,705 km; chiều rộng: 4,5 m.

**5.** **Đường huyện 12C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 12C, có số hiệu đường bộ ĐH.12C; điểm đầu: Đường Cầu Ván; điểm cuối: Ranh Chợ Gạo; chiều dài: 3,500 km; chiều rộng: 3,5 m.

**6.** **Đường huyện 12D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 12D, có số hiệu đường bộ ĐH.12D; điểm đầu: Cầu Thạnh Nhựt; điểm cuối: Đường Cầu Ván; chiều dài: 1,000 km; chiều rộng: 3,5 m.

**7.** **Đường huyện 13**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (13).

Đường huyện 13, có số hiệu đường bộ ĐH.13; điểm đầu: Đường tỉnh 873; điểm cuối: Đường huyện 18; chiều dài: 6,900; chiều rộng: 5,5 m.

**8.** **Đường huyện 13B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (13) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 13B, có số hiệu đường bộ ĐH.13B; điểm đầu: Đường huyện 13; điểm cuối: Đê Sông Tra; chiều dài: 3,900 km; chiều rộng: 5,5 m.

**9.** **Đường huyện 15**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15).

Đường huyện 15, có số hiệu đường bộ ĐH.15; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Ranh thị xã Gò Công; chiều dài: 15,731 km; chiều rộng: 4,5 m.

**10.** **Đường huyện 15B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 15B, có số hiệu đường bộ ĐH.15B; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Phà Vàm Giồng; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 4,5 m.

**11.** **Đường huyện 15C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 15C, có số hiệu đường bộ ĐH.15C; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường huyện 15; chiều dài: 1,200 km; chiều rộng: 4,5 m.

**12.** **Đường huyện 16**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (16).

Đường huyện 16, có số hiệu đường bộ ĐH.16; điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Đường tỉnh 877; chiều dài: 8,285 km; chiều rộng: 5,5 m.

**13.** **Đường huyện 16C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (16) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 16C, có số hiệu đường bộ ĐH.16C; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường huyện 16; chiều dài: 4,400 km; chiều rộng: 5,5 m.

**14.** **Đường huyện 18**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (18).

Đường huyện 18, có số hiệu đường bộ ĐH.18; điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Bến đò Đồng Sơn; chiều dài: 6,300 km; chiều rộng: 7 m.

**15.** **Đường huyện 19**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (19).

Đường huyện 19, có số hiệu đường bộ ĐH.19; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Cầu Việt Hùng; chiều dài: 3,600 km; chiều rộng: 4,5 m.

**16.** **Đường huyện 19B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (19) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 19B, có số hiệu đường bộ ĐH.19B; điểm đầu: Đường huyện 19 ; điểm cuối: Cống Rạch Già; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 4 m.

**17.** **Đường huyện 20**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (20).

Đường huyện 20, có số hiệu đường bộ ĐH.20; điểm đầu: Đường huyện 18; điểm cuối: Ranh Chợ Gạo; chiều dài: 5,300 km; chiều rộng: 4,5 m.

**Đường phố:**

**1. Đường Nguyễn Thị Bảy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN THỊ BẢY**

**(1908 – 1941)**

Nguyễn Thị Bảy, tên thật là Nguyễn Thị Lục, thường gọi là Bảy Lục, còn có tên khác là Nguyễn Thị Lụa, sinh năm 1908 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tuy gia đình nghèo và cha mẹ mất sớm; nhưng do có tư chất thông minh và hiếu học, nên bà được sư Thiện Chiếu ở chùa Linh Tuyền (Vĩnh Hựu) dạy chữ Nho và chữ Quốc ngữ. Lúc bấy giờ, làng Vĩnh Hựu là địa phương có phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra rất sôi nổi, lại được sự giáo dục của nhà sư yêu nước Thiện Chiếu, nên bà tham gia tổ chức cách mạng Cộng hòa hội do Đặng Vương Tá làm Hội trưởng.

Sau đó, do tổ chức Cộng hòa hội bị thực dân Pháp đàn áp, nên bà di chuyển đến Rạch Giá lao động sinh sống. Một thời gian sau, để tránh sự truy bức của chính quyền thực dân, bà lại chuyển cư đến sinh sống tại làng Phước Vĩnh Đông, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Tại đây, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Ớt là đảng viên cộng sản.

Được chồng giáo dục, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, năm 1932, bà tham gia cách mạng tại Cần Giuộc với nhiệm vụ là làm giao liên, rải truyền đơn,… Do đạt được thành tích xuất sắc trong công tác, bà vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng giao cho phụ trách ba xã của huyện Cần Giuộc là Phước Vĩnh Đông, Phước Lại và Long Hậu Tây. Với sự năng nỗ, nhiệt tình, bà đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở ba xã này; đưa ba xã từ chỗ yếu kém vươn lên thành nơi có phong trào đấu tranh cách mạng mạnh nhất của huyện Cần Giuộc, khiến chính quyền thực dân vô cùng lo ngại, gọi đó là “khu vực Đỏ”.

Năm 1934, bà được cấp trên chỉ định vào Ban Chấp hành Huyện ủy Cần Giuộc. Lúc bấy giờ, địch tăng cường, đàn áp và khủng bố phong trào cách mạng ở địa phương. Tuy nhiên, bà vẫn không sợ hy sinh, gian khổ, chịu khó đi khắp vùng nông thôn huyện Cần Giuộc, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với quần chúng lao khổ nhằm tuyên truyền cách mạng, xây dựng cơ sở trong giới dân cày và phụ nữ và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, như giảm thuế, giảm giờ làm, tăng tiền ngày công,...

Năm 1936, bà được Tỉnh ủy Chợ Lớn chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc. Chấp hành chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ đạo của Tỉnh ủy Chợ Lớn, bà chỉ đạo thành lập các Ủy ban Hành động cấp huyện và cấp xã để vận động nhân dân đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ; tiêu biểu là cuộc đấu tranh “Đòi quyền lợi cho nông dân” diễn ra rất sôi nổi vào giữa năm 1936.

Năm 1937, bà được cấp trên phân công hoạt động ở Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Nhưng, ít lâu sau, bà bị địch bắt; nhưng do không có đủ chứng cớ để buộc tội, nên bọn chúng đành phải thả ra. Bà trở về Cần Giuộc tiếp tục hoạt động. Năm 1939, bà được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Chợ Lớn, Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc.

Đầu năm 1940, bà trực tiếp tổ chức và chỉ huy một cuộc biểu tình lớn ở huyện lỵ Cần Giuộc với sự tham gia của 500 quần chúng, đòi thực dân Pháp không được bắt thanh niên Việt Nam đi lính và phản đối đưa binh lính người Việt ra mặt trận trong cuộc chiến tranh giữa thực dân Pháp ở Đông Dương với nhà cầm quyền quân phiệt Thái Lan. Cuộc biểu tình đã giành được thắng lợi, gây tiếng vang lớn trong tỉnh Chợ Lớn và các tỉnh lân cận, tạo được niềm tin cho quần chúng về sức mạnh đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 23-11-1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, bà được phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Cần Giuộc. Bấy giờ, trụ sở của Ban Khởi nghĩa đặt tại đình xã Phước Lại. Tại đây, bà đã chỉ huy cuộc khởi nghĩa nổ ra rất mãnh liệt ở trong toàn huyện, khiến cho chính quyền cơ sở của thực dân Pháp ở nhiều xã bị tê liệt, những tên địa chủ, hội tề ác ôn, có nợ máu với quân chúng nhân dân bị trừng trị.

Nhưng sau đó ba ngày, thực dân Pháp tung lực lực lượng hùng hậu đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Binh lính địch tiến vào xã Phước Lại và nhiều xã khác đốt phá, cướp của, bắt và xử bắn nhiều người nhằm khủng bố tinh thần của nhân dân ta. Tuy vậy, bà và cùng với tập thể Ban Khởi nghĩa vẫn kiên cường bám trụ địa bàn, tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu chống giặc, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong khi lực lượng nghĩa quân ngày càng hao hụt do hy sinh trong khi đối mặt với kẻ thù, lại thiếu thốn vũ khí, lương thực; thì quân địch lại được tiếp viện đông đảo. Trước tình thế khó khăn đó, ngày 08-12-1940, bà ra lệnh cho nghĩa quân rút vào rừng Sác để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ mới. Nhưng khi đến Rạch Gần, nghĩa quân đã mưu trí phục kích và bắt sống chiếc ghe tuần tra của địch do Hương quản Tuấn và Hương hào Ngà chỉ huy, tịch thu được một khẩu súng. Có thêm vũ khí, bà quyết định tổ chức cho nghĩa quân quay trở lại tiếp tục chiến đấu.

Ngày 14-12-1940, bà cùng với một đồng chí đi công tác ngang qua bến đò Long Đức Đông, cách thị trấn Cần Giuộc khoảng 1 km. Lúc bấy giờ, bọn lính lê dương cũng vừa triển khai lực lượng đi càn quét. Gặp địch, bà và đồng đội không còn cách nào khác là nổ súng chiến đấu. Do quân địch giữ thế áp đảo, nên đồng chí đi cùng đã anh dũng hy sinh; còn bà thì sau khi tiêu hủy hết tài liệu đã bị bọn chúng bắt được.

Sau đó, bà bị địch giam giữ tại nhà tù Cần Giuộc rồi trại giam Pô lô, một chi nhánh của trại giam lớn nhất Nam kỳ Catina (Sài Gòn). Tại trại giam Pô lô, dù bị tra tấn dã man, nhưng bà luôn tỏ thái độ hiên ngang, kiên cường, bất khuất, dũng cảm trước kẻ thù. Do đó, bọn cai ngục ở đây rất nể sợ, đặt biệt hiệu cho bà là “Bà Hoàng hậu”. Tiếp theo, thực dân Pháp đưa bà vào khám lớn Sài Gòn, giam chung với Bí thư Thành ủy Sài Gòn Nguyễn Thị Minh Khai. Tại đây, dưới sự chỉ đạo của bà Nguyễn Thị Minh Khai, bà đã tổ chức cho nữ tù chính trị đấu tranh đòi địch phải cải thiện chế độ lao tù. Khi bà Nguyễn Thị Minh Khai bị biệt giam, bà đã chỉ đạo thành lập Ban Trật tự nhà lao nhằm động viên, giáo dục nữ tù chính trị giữ vững khí tiết cách mạng, đoàn kết đấu tranh chống địch tra tấn, khủng bố, bảo vệ lẫn nhau. Tuy bị bọn cai ngục hành hạ, đánh đập dã man, nhưng bà luôn lạc quan, tin tưởng ngày mai tươi sáng của cách mạng.

Khiếp sợ trước ý chí gang thép của của người nữ chiến sĩ cộng sản, ngày 04-5-1941, thực dân Pháp đưa bà ra xử bắn tại sân banh huyện Cần Giuộc (nay là công viên Nguyễn Thị Bảy) cùng với 4 đồng chí khác trong sự tiếc thương và khâm phục của đồng bào huyện nhà. Trước phút ngã xuống vì nước, vì dân, bà đã hô vang khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp.

- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm.

- Việt Nam độc lập muôn năm.

Bà đã vì nước hy sinh khi vừa tròn 33 tuổi. Ngày 23-2-2010, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 05/6/2015, bà được nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Tên bà được đặt tên cho công viên, trường trung học cơ sở và một con đường tại thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; tên đường ở TP Tân An, tỉnh Long An; tên đường tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Thị Bảy có điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Trí; điểm cuối: Đường tránh phía Đông; chiều dài: 1,5 km; chiều rộng: 4,5 m.

**2. Đường Nguyễn Thị Bờ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN THỊ BỜ**

**(1926 – 1969)**

Nguyễn Thị Bờ, bí danh Hai Liêm, thường gọi Hai Bờ, sinh năm 1926 tại làng Phú Thạnh Đông, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân nghèo, có truyền thống đấu tranh bất khuất.

 Năm 1949, bà tham gia cách mạng với nhiệm vụ làm giao liên hợp pháp, chỉ huy Ban chấp hành Hội phụ nữ xã đã có nhiều đóng góp trong vận động chị em phụ nữ gây dựng phong trào ở địa phương, mưu trí, dũng cảm lọt qua mắt giặc, đưa công văn, chỉ thị của Đảng đến nơi an toàn, kịp lúc. Năm 1950, mặc dù mong muốn được trực tiếp chiến đấu chống kẻ thù, nhưng khi được cử đi học lớp Cô đỡ ở Đồng Tháp Mười, bà đã khắc phục khó khăn, gởi con nhỏ cho gia đình chăm sóc, chấp hành sự phân công của tổ chức, lên đường nhập học đúng thời gian quy định. Sau khi hoàn thành khóa học, bà trở về địa phương, tiếp tục công tác phụ nữ, vừa giúp chị em trong việc sinh đẻ, vừa lấy nghề cô đỡ làm điều kiện tiếp xúc với quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng và giác ngộ, động viên nhiều gia đình cho con em tham gia cách mạng. Nhờ đó, năm 1951-1952, xã Phú Thạnh Đông có hơn 100 hội viên phụ nữ. Đây là một trong những xã có phong trào phụ nữ mạnh nhất huyện. Năm 1951, bà được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1952, bà là chi ủy viên chi bộ xã Phú Thạnh Đông.

 Năm 1954, sau khi tiễn người chồng thân yêu tập kết ra miền Bắc, bà ở lại quê nhà, vừa lo nuôi cha mẹ già và 2 con nhỏ, vừa làm Bí thư chi bộ mật xã Phú Thạnh Đông với nhiệm vụ chính là lãnh đạo chi bộ vượt qua thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng. Tháng 11-1954, bà tổ chức cuộc mít tinh mừng hòa bình và đòi chính quyền địch thực hiện hiệp định Genève với sự tham gia của hàng ngàn quần chúng. Cuối 1956, bà bị địch bắt. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết; đồng thời, động viên đồng đội kiên quyết không khai báo. Sau ba tháng ở trại giam Gò Công, không khai thác được gì, địch chuyển bà lên nhà lao Thủ Đức, đưa vào trại biệt giam dành cho thành phần nguy hiểm. Ở đây, bà đã phát động đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc, lãnh đạo chị em tù chính trị phản đối việc hô khẩu hiệu chống cách mạng. Trả đũa, bọn giám ngục bắt bà đưa xuống hầm tối, đầy nước, rác, đỉa và xác súc vật. Khi được kéo lên bà đã bị bất tỉnh. Tuy nhiên, vừa tỉnh lại, bà vẫn không khuất phục trước cường quyền bạo lực. Thấy bà bị đánh đập triền miên, một số nữ tù khuyên nên bớt đấu tranh, dưỡng sức để chiến đấu lâu dài với địch. Tuy nhiên, với ý chí tiến công của một chiến sĩ cách mạng trung kiên, bà đã khẳng khái nói: “Các chị cứ theo nội quy nhà tù, còn đấu tranh cứ để tôi. Tôi phải xứng đáng là đảng viên cộng sản”.

Tháng 11-1958, bà được thả. Trải qua hai năm trong nhà tù của bọn đế quốc và tay sai, bà đã được trui rèn trong lửa đỏ, tỏ rõ chí kiên cường của một người cộng sản, là hạt nhân của cuộc đấu tranh, là người đi đầu trong mọi gian lao nguy hiểm. Khi bà trở về địa phương thì cơ sở cách mạng bị địch đánh phá ác liệt và gần như tan vỡ hoàn toàn. Với tinh thần vượt khó cao độ, bất chấp gian khổ, hy sinh, bà lao vào công tác, hoạt động đơn tuyến, gầy dựng lại phong trào. Năm 1961 - 1962, bà được cấp trên cử đi học khóa y sĩ. Năm 1963, sau khi hoàn tất khóa học, bà được điều về làm Phó ban Dân y huyện Tây. Từ 1965 - 1969, Gò Công bị bình định trắng, địch đánh phá liên tục, số thương binh ở trạm dân y do bà phụ trách có lúc lên đến 70-80 người, tiền bạc, lương thực, thuốc men cạn kiệt. Nhưng bà đã không ngại khó khăn, nguy hiểm, tìm về cơ sở gặp hội phụ nữ các xã để vận động quyên góp được hàng trăm kí gạo và một số tiền lớn, tổ chức đường dây mua thuốc, dụng cụ y tế ở Mỹ Tho, Sài Gòn để cứu chữa thương binh.

Năm 1968, bà được đề bạt làm Trưởng ban Dân y huyện. Đầu năm 1969, một tin đau thương đến với bà: cả 2 con trai bà đều anh dũng hy sinh trên chiến trường. Nén nỗi đau thương mất mát, bà hăng say công tác với quyết tâm chiến đấu giải phóng quê hương, trả thù cho bao đồng đội, đồng chí và cả hai người con thân yêu của mình đã “vì nước quên thân”.

Tháng 10-1969, địch càn vào trạm dân y huyện. Trước tình hình khẩn cấp lúc đó, bà cùng với các cán bộ của trạm đã nhanh chóng chuyển toàn bộ thương binh đến nơi trú ẩn an toàn. Sau đó, bà cùng với hai nữ đồng chí xuống hầm bí mật. Do có chỉ điểm, nên bọn địch phát hiện hầm của bà và liên tục gọi hàng. Một lúc sau, thấy gọi hàng không kết quả, chúng dùng súng bắn cấp tập xuống hầm. Kiên quyết không để bị địch bắt, bà và đồng đội bật nấp hầm, tung lựu đạn, đánh trả địch. Tuy nhiên, do quân địch đông và hỏa lực mạnh, nên bà và đồng đội đã anh dũng hy sinh ngay tại miệng hầm. Về phía địch, có 1 tên đền tội và 3 tên khác bị thương. Trước lúc hy sinh, bà đã xé nát, đập bể tất cả tiền bạc, giấy tờ, dụng cụ, thuốc men, quyết không để lọt vào tay giặc. Sự hy sinh oanh liệt của bà và đồng đội đã làm cho bọn địch khiếp đảm. Về phía ta, gần 100 thương binh và cán bộ, chiến sĩ đơn vị được an toàn.

Bà đã hy sinh vì nước năm 43 tuổi. Ngày 5-12-2007, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bà cũng được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tên bà được đặt tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Thị Bờ có điểm đầu: Đường Nguyễn Thìn; điểm cuối: Đường Đặng Vương Tá; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 4,5 m.

**3. Đường Phan Bội Châu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN BỘI CHÂU**

**(1867 – 1940)**

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hài Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điểu, Hàn Mãn Tử,... sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng học giỏi. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1900, ông dự khoa thi Hương ở trường thi Nghệ An và đỗ cử nhân thủ khoa.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước, như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 nhà yêu nước họp tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Từ đó, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước (Việt Nam quốc sử khảo, Ngục trung thư, Lưu Cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử bình diễn ca,…). Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga - Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan cho các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo Việt Nam Pháp Thuộc Sử, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân đối với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất tại Huế vào năm 1940.

Đường Phan Bội Châu có điểm đầu: Đường Đặng Khánh Tình; điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 5,4 m.

**4. Đường Sư Thiện Chiếu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**SƯ THIỆN CHIẾU**

**(1898 – 1974)**

Sư Thiện Chiếu có tên là Nguyễn Văn Giảng và Nguyễn Văn Tài, bút hiệu là Xích Liên, sinh năm 1898 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống đạo Phật.

Từ thuở nhỏ, ông đã xuất gia tu hành tại chùa Linh Tuyền (Vĩnh Hựu). Được ông nội là Hòa thượng Huệ Tịnh hết lòng dạy dỗ; nên ông vừa tinh thông đạo pháp vừa có trình độ học vấn khá cao. Trong thời gian này, ông cũng có dịp tiếp xúc với nhiều nhà trí thức yêu nước khi các vị này đến chùa Linh Tuyền bàn việc quốc sự với sư trụ trì. Đặc biệt, ông còn được tiếp kiến và nhận được lời chỉ bảo chí tình của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Hồ Chí Minh). Cụ Nguyễn có tặng ông quyển Tự điển Pháp - Việt và lời căn dặn: “*Muốn đánh đuổi được giặc thì phải hiểu giặc, tuổi còn trẻ cố học cho giỏi Pháp văn*”. Tinh thần yêu nước thương dân của ông đã được hình thành từ khi ấy.

Năm 1923, ông được Phật tử ở Sài Gòn mời về trụ trì chùa Linh Sơn (Cầu Muối, nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây; ông vừa mở lớp dạy học và thuyết giảng giáo lí đạo Phật, vừa cổ súy phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong giới Tăng ni, Phật tử. Ông viết quyển “*Phật hóa tân thanh niên*” nhằm kêu gọi giới trẻ xuất gia và Phật tử cần phải nắm vững Phật học (nội điển) và xã hội học (ngoại điển) để làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhà Phật và đất nước; đồng thời, chủ trương canh tân Phật giáo với nội dung chính là phát huy tinh thần độc lập, dân chủ, chống làm tay sai cho bè lũ thực dân.

Lo sợ trước những hoạt động yêu nước của ông, chính quyền thực dân Pháp ở Sài Gòn ra lệnh trục xuất ông khỏi chùa Linh Sơn. Sau đó, ông đến chùa Phước Thọ ở khu vực Xóm Thuốc, Gò Vấp (nay thuộc quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh); nhưng chùa này đang bị lấy đất để xây dựng sân bay Tân Sơn Nhất, nên ông phải chuyển tới chùa Hanh Thông Tây ở gần đó để mở lớp Triết học, lớp Hán văn và thuyết giảng kinh pháp. Đông đảo Phật tử, cư sĩ khắp các vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đến đây nghe ông thuyết pháp về lòng tin, quyền tự chủ, tinh thần yêu quê hương, yêu dân tộc và sự trong sáng của chánh pháp.

Lo ngại uy tín của ông ngày càng lan rộng, Chủ tỉnh Gia Định đã ra lệnh trục xuất  ông khỏi ngôi chùa này; do vậy, ông về trụ trì chùa Hưng Long ở khu vực ngã sáu Sài Gòn. Một thời gian không lâu sau đó, ông tiếp tục bị nhà cầm quyền Pháp trục xuất khỏi ngôi chùa này. Mặc dù vậy, ông vẫn không hề khiếp sợ, tiếp tục dạy học, thuyết pháp, viết sách và tranh luận với một số học giả về mối liên quan giữa đạo với đời trên báo *Tân Phong* và một số tờ báo khác.

Năm 1926, ông và một số nhà sư cấp tiến tổ chức lễ truy điệu chí sĩ Phan Chu Trinh trong giới tăng ni, Phật tử Nam kỳ. Sau đó, ông cùng với các Hòa thượng Khánh Hòa (Bến Tre), Từ Nhẫn (Long An), Chân Huệ (Mỹ Tho), Trí Thiền (Rạch Giá) thành lập Hội Nghiên cứu Phật học và Hội Chấn hưng Phật giáo Nam kỳ. Đồng thời, ông còn là người sáng lập và là cây bút chủ lực của tờ báo *Tiến Hóa* - một tờ báo tiến bộ của giới Phật giáo Nam kỳ.

Năm 1927, ông được Hội cử ra miền Bắc để thảo luận với các nhà lãnh đạo Phật giáo Bắc kỳ trong việc xúc tiến thành lập Hội Phật giáo Thống nhất cho cả nước. Bên cạnh đó, ông cũng đã có những cuộc tiếp xúc với những yếu nhân của nhóm Nam Đồng thư xã, như Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài,... Sau đó, ông trở về Nam, dồn hết trí tuệ và công sức cho Hội Chấn hưng Phật giáo Nam kỳ. Nhờ thế, Hội hoạt động khá mạnh; và phong trào đấu tranh yêu nước của giới tăng ni, Phật tử ngày càng dâng cao. Trước tình hình đó, chính quyền thực dân cho bọn mật thám theo dõi ráo riết và chờ cơ hội để ám hại ông.

Năm 1928, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1930, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Là nhà sư đầu tiên ở nước ta được đứng vào hàng ngũ của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc - và với tư cách của một chiến sĩ cộng sản; từ đây, cuộc chiến đấu của ông, không chỉ vì công cuộc chấn hưng Phật giáo theo tinh thần chánh pháp, mà còn nhằm mục đích giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho đất nước theo con đường cách mạng vô sản. Sau đó, ông đi khắp Nam kỳ xây dựng cơ sở Đảng trong các nhà chùa.

Năm 1934, ông chuyển sang hoạt động bí mật và là cán bộ của Xứ ủy Nam kì. Năm 1936, ông được Đảng phân công về Rạch Giá hoạt động. Tại đây, ông cùng với Hòa thượng Trí Thiền - trụ trì chùa Tam Bảo - thành lập Hội Phật học kiêm tế; và cho tái bản báo *Tiến Hóa* nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối giải phóng dân tộc của Đảng và giáo dục, giác ngộ cách mạng cho quần chúng. Hội cũng cho thành lập cô nhi viện đặt tại chùa Tam Bảo, nuôi dưỡng khoảng từ 200 - 300 trẻ em có hoàn cảnh bất hạnh; để qua đó, làm nơi liên lạc cho các cơ sở cách mạng và đào tạo cán bộ cho Đảng.

Năm 1940, ông cùng với nhiều nhà sư yêu nước khác vận động đồng bào Phật tử nổi dậy, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Sau đó, với tinh thần “*Từ bi có thể sát sanh để độ chúng sanh*”, ông tổ chức xưởng sản xuất vũ khí tại chùa Tam Bảo. Mật thám Pháp ở Rạch Giá phát hiện được, bắt bớ một số nhà sư; riêng ông trốn thoát được và chuyển về Sài Gòn hoạt động. Đầu năm 1943, ông bị địch bắt và bọn chúng đày ông ra Côn Đảo.

Sau khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, ông được Đảng rước về đất liền; làm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh - Kháng chiến tỉnh Gò Công. Năm 1947, ông vào Chiến khu 7, làm công tác biên tập báo *Tiền Đạo*. Sau đó, ông được điều về Chiến khu 8 rồi Chiến khu 9 làm công tác tuyên huấn.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc. Năm 1956, ông được Nhà nước cử sang Trung Quốc làm chuyên gia khảo cứu, công tác tại Nhà xuất bản Ngoại văn Bắc Kinh với chức vụ Trưởng ban dịch thuật Văn hóa Trung - Việt. Năm 1961, ông trở về nước làm chuyên viên nghiên cứu Triết học tại Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Năm 1965, do tuổi cao sức yếu, ông được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu. Năm 1974, ông qua đời tại Hà Nội.

Về văn học Phật Giáo, ông đã để lại một số tác phẩm, như *Chân lý của Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo*, *Tại sao tôi đã cám ơn đạo Phật*, *Phật học vấn đáp*, *Tranh biện*, *Phật hóa tân thanh niên*, *Cái thang học Phật*, *Phật Pháp là Phật Pháp*,... Ngoài ra, ông còn dịch các bộ kinh *Lăng Nghiêm*, *Pháp Cú*, quyển *Phật học tổng yếu*, quyển *Phật giáo vô thần luận* của Thiền sư Thái Hư và một số tác phẩm nổi tiếng của nền văn học và kịch nghệ Liên Xô, như *Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc* của M. Sholokhov, *Tính cách Nga* của A.Tolstoi, *Ông già của* V.Grossman, *Tiền tuyến* (kịch) của A.E. Korneichuk.

Năm 1993, thể theo nguyện vọng của giới tăng ni, Phật tử và được sự chấp thuận của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành việc bốc hài cốt của ông từ nghĩa trang Văn Điển (Hà Nội) về hỏa thiêu và tôn trí tại chùa Pháp Hoa, số 229/24B, đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh. Hiện nay, ở Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang có đường mang tên Sư Thiện Chiếu.

Đường Sư Thiện Chiếu có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Ranh Vĩnh Hựu; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 3 m.

**5. Đường Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN VĂN CÔN**

**(1894 – 1982)**

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1894 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Côncó điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Cống Ba Lùn; chiều dài: 2,269 km; chiều rộng: 8 m.

**6. Đường Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG ĐỊNH**

**(1820 – 1864)**

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ.

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: “Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di”. Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông cũng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 2004.

Đường Trương Định có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,060 km; chiều rộng: 5,4 m.

**7. Đường tránh phía Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vị trí (Tránh) + Phương hướng (Phía Đông).

Đường tránh phía Đông giáp ranh xã Thạnh Trị; chiều dài: 0,905 km; rộng: 4 m.

**8. Đường Nguyễn Thái Học**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN THÁI HỌC**

**(1902 – 1930)**

Nguyễn Thái Học sinh năm 1902 tại làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

Năm 19 tuổi (1921), ông thi đậu vào Trường Cao đẳng sư phạm thuộc Viện Đại học Đông Dương đặt tại Hà Nội. Do tính tình cương trực và không khuất phục lối giáo dục của người Pháp, ông bỏ học vào năm thứ ba. Sau đó, ông thi đậu vào Trường Cao đẳng Thương mại cũng thuộc Viện Đại học Đông Dương (1925-1927). Trong thời gian này, ông tham gia thành lập Nam Đồng thư xã ở Hà Nội. Đây là một tiệm sách và cơ sở ấn loát chuyên in và phổ biến sách có nội dung cổ vũ tinh thần yêu nước.

Sau một thời gian vận động, năm 1927, các thành viên của Nam Đồng thư xã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng. Nguyễn Thái Học được bầu làm Chủ tịch. Việt Nam Quốc dân Đảng theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên. Tức là phấn đấu: Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc. Đường lối chiến lược của Đảng là: Trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới. Đảng lấy lực lượng trí thức tiểu tư sản, tư sản dân tộc làm nòng cốt. Chỉ trong một thời gian ngắn Việt Nam Quốc dân Đảng đã phát triển mạnh mẽ lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc kỳ.

Tuy nhiên, do tổ chức thiếu chặt chẽ, kỷ luật không nghiêm, lộ bí mật, nhiều tay chân mật thám của Pháp trà trộn trong Đảng, nên cuộc vận động quần chúng của Việt Nam Quốc dân Đảng gặp nhiều trở ngại. Trước tình hình đó, Nguyễn Thái Học cùng các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương khởi nghĩa với phương châm: “Không thành công thì thành nhân”.

Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Thái Học, phong trào bạo động chống Pháp ở các tỉnh đã nổ ra, mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái vào đêm 10, rạng ngày 11/2/1930. Cuộc bạo động đã không thành công. Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí của ông bị giặc Pháp bắt và hành hình vào ngày 17/6/1930 tại Yên Bái. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thái Học có điểm đầu: Đường Phan Bội Châu; điểm cuối: Đường Đặng Khánh Tình; chiều dài: 0,240 km; rộng: 4,7 m.

**9. Đường Phạm Đăng Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**PHẠM ĐĂNG HƯNG**

**(1764 – 1825)**

Phạm Đăng Hưng sinh năm 1764 tại giồng Sơn Quy, thôn Tân Niên Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Ông lúc còn nhỏ thông minh nhanh nhẹn, lúc lớn ham học hỏi. Được cha là nhà nho Phạm Đăng Long hết lòng dạy dỗ, nên ông học rất giỏi, thi đỗ khoa thi năm 1796, được chúa Nguyễn Phúc Ánh bổ dụng làm Lễ sinh ở phủ, rồi làm Diễn luân thị thảo ở Cống sĩ viện, thường cùng bàn việc với các quan thị thư. Sau đó, ông được thăng làm Tham luận ở Vệ phấn võ, được theo chúa Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) giúp quân Xiêm chống quân Miến Điện (nay là Myanmar). Năm 1799, ông trở về nước, được thăng làm Tham tri bộ Lại, chuyên trách công việc bổ dụng, điều chuyển quan lại và công văn giấy tờ. Đồng thời, ông còn tham gia vào các cuộc tiến công của quân Nguyễn Phúc Ánh ra miền Trung và miền Bắc trong cuộc tranh chấp với vương triều Cảnh Thịnh.

Năm 1802, chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Lúc bấy giờ, ông được nhà vua cho giữ chức Chưởng trường đà, trông coi công tác vận tải đường thủy trên cả nước. Năm 1807, ông được giữ chức Đề điệu có nhiệm vụ thanh tra tại Trường thi Hương ở trấn Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh). Năm 1813, ông giữ chức Thượng thư bộ Lễ. Năm 1816, ông đề nghị với vua Gia Long lập Xã thương (kho gạo) ở các địa phương trong toàn quốc nhằm cứu đói cho dân khi không may xảy ra thiên tai, mất mùa. Cũng trong năm 1816, ông được giao thêm việc quản lý Khâm thiên giám (cơ quan trông nom về thiên văn và làm lịch của triều đình).

Năm 1819, vua Gia Long bị bệnh nặng, ông vâng mệnh phụng thảo di chiếu; và tiếp đó, cùng với Lê Văn Duyệt thực hiện di chiếu, lập hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm lên ngôi, có niên hiệu là Minh Mạng. Năm 1820, cùng với Tôn Thất Dịch, ông được sung làm *Giám tu ngọc phả*, trông coi việc biên soạn gia phả cho hoàng gia. Đây là công việc mới mẻ, có rất nhiều khó khăn; và ông là một trong hai người đầu tiên đặt nền móng cho công tác biên soạn này.

Năm 1821, ông được sung làm Phó Tổng tài của Quốc sử quán, góp phần quan trọng trong việc biên soạn bộ *Đại Nam thực lục* (bộ sử biên niên đồ sộ của triều Nguyễn). Nhưng sau đó, do bị gièm pha, ông bị giáng hai cấp. Sau đó, ông được bổ làm Học sĩ Viện Hàn lâm, rồi thăng làm Tả tham tri bộ Lại kiêm quản Viện Hàn lâm. Ít lâu sau nữa, ông được phục hồi chức Phó tổng tài Quốc sử quán, kiêm Ấn vụ bộ Lại. Đến năm 1824, ông được phục chức, làm Thượng thư bộ Lễ như trước.

Mùa hạ năm 1825, vua Minh Mạng đi công cán tỉnh Quảng Nam, giao quyền cai quản kinh đô Huế cho ông. Cùng năm, ông bị bệnh mất tại Huế, thọ 61 tuổi. Vua Minh Mạng rất tiếc thương, ban nhiều tiền bạc, gấm vóc và sai quan lo việc tang chu đáo.

Do có công lao to lớn đối với nhà Nguyễn, ông được vua Minh Mạng là thông gia truy tặng hàm Vinh Lộc đại phu, Trụ quốc, Hiệp biện Đại học sĩ, thụy là Trung Nhã. Năm 1849, ông được vua Tự Đức là cháu ngoại truy thăng hàm Đặc tấn Vinh lộc đại phu, Thái bảo, Cần chánh điện đại học sĩ, tước Đức Quốc công. Năm 1852, nhận thấy “Ông ở lúc mới khai sáng, giúp việc quân nhung, sau khi đại định, giúp đỡ mọi việc, công liệt rõ rệt, trước sau vẹn tiết, liệt vào nơi thờ to tát là phải lễ” (Đại Nam chính biên liệt truyện), nên ông được vua Tự Đức cho thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1858, ông được thờ ở đền Hiền Lương. Đồng thời, nhà vua còn cho dựng đền thờ ông và phu nhân, gọi là Đức Quốc công từ ở Kim Long (nằm trên đường Kim Long, phường Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay). Cũng trong năm 1858, tiểu sử và công đức của ông được vua Tự Đức cho chạm khắc vào bia đá. Bài văn bia này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng hợp soạn.

Ông có người con gái là Phạm Thị Hằng được tiến cung, là vợ của vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông), tức hoàng thái hậu Từ Dụ (thường được gọi là Từ Dũ), thân mẫu của vua Tự Đức; và người con trai thứ Phạm Đăng Thuật là chồng của công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh, hiệu là Nguyệt Đình. Cả vua Thiệu Trị và công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh đều là con của vua Minh Mạng. Như vậy, ông là thông gia với vua Minh Mạng.

Lăng mộ của ông, thường được gọi là lăng Hoàng Gia, tọa lạc tại giồng Sơn Quy, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây có con đường mang tên ông.

Đường Phạm Đăng Hưng có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Đường Nguyễn Hữu Trí; chiều dài: 1,300 km; chiều rộng: 4,5 m.

**10. Đường Cô Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**CÔ GIANG**

**(1906 – 1930)**

Cô Giang tên thật là Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1906 tại thị xã Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1927, bà tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng và được cử làm Tổng thư ký. Đêm 10 rạng ngày 11/2/1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng phát động cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái và một số địa phương khác ở Bắc Kỳ. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Lãnh tụ Nguyễn Thái Học cùng nhiều thành viên nòng cốt của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thực dân Pháp bắt được. Khi cuộc khởi Nghĩa Yên Bái thất bại, ngày 17/6/1930, bà từ Hà Nội lên Yên Bái đến tận pháp trường chứng kiến cái chết anh dũng của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học, đồng thời cũng là vị hôn phu của mình cùng với 12 đồng chí khác.

Tờ mờ sáng ngày 18/6/1930, bà về quê nhà của Nguyễn Thái Học ở làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) lạy tạ bố mẹ chồng, tháo chiếc đồng hồ có khắc chữ “G” tặng cho Nguyễn Văn Lâm, em trai Nguyễn Thái Học và từ giã mọi người. Trên đường đi ra, bà ghé quán trà bên gốc cây đề, thuộc Xóm Mới, làng Đông Vệ, cách làng Thổ Tang ước chừng một cây số.

Sau khi uống bát nước trà xanh, bà đến đứng dưới gốc cây đề, mắt nhìn về hướng làng Thổ Tang và tự kết liễu đời mình bằng khẩu súng lục mà Nguyễn Thái Học đã tặng bà trước đó ở đền các vị Vua Hùng (tỉnh Phú Tho). Tên của bà được đặt tên một trường trung học phổ thông ở huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, tên phường Cô Giang ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tên bà cũng được tên đường ở một số tỉnh trên cả nước, trong đó có thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Cô Giang có điểm đầu: Đường Đặng Khánh Tình; điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 4,5 m.

**11. Đường Phan Thanh Giản**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN THANH GIẢN**

**(1796 – 1867)**

Phan Thanh Giản tự Tĩnh Bá, Đạm Như, hiệu Ước Phu, Lương Khê; sinh năm 1796 tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long, nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Nhà nghèo, mẹ mất sớm, việc học tập của ông gặp nhiều khó khăn; tuy vậy, ông rất hiếu học. Năm 1825, ông thi Hương, đậu cử nhân tại Trường thi Gia Định. Năm 1826, ông thi Hội ở kinh đô Huế, đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ và cũng là vị tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ.

Ông làm quan trải qua 3 triều, Minh Mạng, Triệu Trị và Tự Đức. Mặc được triều đình trọng dụng, nhưng cuộc đời làm quan của ông cũng không ít long đong. Dưới triều Minh Mạng, ông đã 3 lần bị giáng chức.

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đổ bộ và tấn công cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta của bọn thực dân phương Tây. Sau đó, năm 1961, bọn chúng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Định Tường và Gia Định. Với vai trò là Chánh sứ, ông được cử sang Pháp xin chuộc lại các tỉnh Nam Kỳ đã bị quân Pháp chiếm đóng. Nhưng cuộc điều đình thất bại.

Năm 1865, ông là Hiệp biện đại học sĩ, thượng thư bộ Hộ, Kinh lược sứ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ là An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long.

Ngày 20/6/1867, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Vĩnh Long, yêu cầu ông gửi mật thư cho các chức quan giữ hai thành An Giang và Hà Tiên buông vũ khí đầu hàng. Trước sức mạnh áp đảo của Pháp về mặt quân sự, biết thế không thể giữ nổi, nên để tránh đổ máu vô ích, ông đã quyết định trao thành, không kháng cự, với yêu cầu người Pháp phải bảo đảm an toàn cho dân chúng. Thế là chỉ trong 5 ngày (20-24/6/1867), quân Pháp chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Sau khi các tỉnh thành mất, ông tuyệt thực suốt 17 ngày, rồi uống thuốc độc tự tử vào ngày 4/8/1867, hưởng thọ 71 tuổi.

Tên của ông được đặt tên đường, tên trường ở một số địa phương ở Nam Bộ, trong đó có thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Đường Phan Thanh Giản có điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: Rạch Vàm Giồng; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 4,7 m.

**12. Đường Đằng Giao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**ĐẰNG GIAO**

**(1929 – 2004)**

Đằng Giao, tên thật là Dương Tấn Hương, sinh năm 1929 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng; và sau đó, tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại quê nhà. Vốn có năng khiếu và say mê nghệ thuật, ông hoạt động trên lĩnh vực âm nhạc và thơ ca.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, cùng với các nhạc sĩ nổi tiếng, như Trần Kiết Tường, Phan Nhân, Tăng Minh Thành, Dương Hưng Bang,... phụ trách dàn dựng các chương trình ca nhạc của Đài Phát thanh Giải phóng 2 đặt ở Hà Nội. Năm 1957, ông cùng với nhạc sĩ Hoàng Hiệp sáng tác phần lời bài hát *Câu hò bên bờ Hiền Lương*. Đây là một ca khúc vượt thời gian, nói lên niềm khát khao và quyết tâm chiến đấu vì sự nghiệp thống nhất tổ quốc của cả dân tộc trước âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Ca khúc này đã từng được biểu diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội, có Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự khán, tạo nên sự xúc động to lớn trong lòng người xem nói riêng và nhân dân hai miền Nam Bắc nói chung. Tại buổi biểu diễn văn nghệ đó có rất nhiều tiết mục, nhưng chỉ có ca khúc này là được khán giả yêu cầu ca sĩ hát lần thứ hai.

Ngoài ra , ông còn sáng tác nhiều ca khúc, thơ và lời mới cho dân ca.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông lần lượt làm việc tại Đài Phát thanh Giải Phóng, Đài Tiếng nói Việt Nam (cơ sở 2, Thành phố Hồ Chí Minh), Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Là người phụ trách văn nghệ của Đài, ông lăn lộn với phong trào văn nghệ ở các địa phương, phát hiện, dàn dựng, giới thiệu hàng trăm tiết mục,… Đặc biệt, ông yêu dân ca, nhất là dân ca, âm nhạc cổ truyền, ca nhạc tài tử cải lương Nam bộ. Ông cho rằng, nếu cải tiến, cải biên vô lối, sẽ làm mất đi tính độc đáo, đặc sắc của dân ca, âm nhạc dân tộc, khi đã định hình thành nếp sống, nếp nghĩ của quần chúng nhân dân.

Năm 2004, ông bị bệnh mất tại thành phố Hồ Chí Minh. Là một nhạc sĩ - nhà thơ cách mạng, ông đã lao động nghệ thuật nghiêm túc, bền bỉ và sáng tạo, có những cống hiến quan trọng cho nền âm nhạc và thi ca của nước nhà, phục vụ đắc lực cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ông được Đảng, Nhà nước trao tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huy chương “Vì sự nghiệp sân khấu”, Huy chương “Vì sự nghiệp phát thanh - truyền hình”, Huy chương “Vì sự nghiệp báo chí Việt Nam”. Tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, có một con đường mang tên nghệ danh Đằng Giao.

Đường Đằng Giao có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Trại Giam huyện Gò Công Tây; chiều dài: 0,250 km; chiều rộng: 4 m.

**13. Đường Phan Đình Phùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN ĐÌNH PHÙNG**

**(1847 – 1895)**

Phan Đình Phùng hiệu là Châu Phong, sinh năm 1847 tại làng Đông Thái, xã Yên Hạ, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1877, ông đậu Đình nguyên Tiến sĩ lúc 34 tuổi, được bổ làm tri huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, nổi tiếng vì tính thẳng thắn và liêm khiết, sau đó được triệu về kinh làm Ngự sử ở Đô sát viện.

Năm 1883, ông đã can gián đại thần Tôn Thất Thuyết về việc không tuân theo di chiếu của vua Tự Đức mà tự tiện phế bỏ vua Dục Đức, nên bị bắt giam vào ngục Cẩm y rồi bị cách chức đuổi về làng. Lúc này, đất nước đang rơi vào họa ngoại xâm, triều đình Huế chia thành hai phe chủ chiến và chủ hoà, phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu tổ chức cuộc tấn công vào vào đồn binh của quân Pháp tại Mang Cá, kinh thành Huế ngày 4-5-1885; nhưng thất bại. Vua Hàm Nghi rời khỏi kinh thành và ban Chiếu Cần Vương.

Tháng 9/1885, khi vua Hàm Nghi ra đến Sơn phòng Hà Tĩnh ở Hương Khê, Phan Đình Phùng và một số văn thân đã đến yết kiến vua và Tôn Thất Thuyết tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi (nay thuộc huyện Vũ Quang, tĩnh Hà Tĩnh). Ông được nhà vua giao cho chức Thống đốc quân vụ đại thần để lãnh đạo phong trào chống Pháp ở 4 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đại bản doanh đặt tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi. Tại đây, nghĩa quân đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân Pháp vào vùng căn cứ kháng chiến.

Đầu năm 1887, nhận thấy nếu chỉ chiến đấu đơn độc thì phong trào sẽ đi vào chỗ thất bại, nên ông giao nhiệm vụ chỉ huy cho Cao Thắng rồi ra Bắc vận động sĩ phu và nhân dân cùng nổi dậy chống Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, năm 1889, ông từ ngoài Bắc trở về, lúc này phong trào Cần Vương ở bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ đã được dấy lên đều khắp, khá mạnh mẽ và quy về một mối do ông lãnh đạo. Lực lượng nghĩa quân đã lập được một số chiến công oanh liệt; tiêu biểu là chiến thắng Vụ Quang ngày 26/10/1895, tiêu diệt hơn 100 tên vừa lính Pháp vừa lính triều đình, trong đó có 3 sĩ quan Pháp.

Sau 10 năm kiên cường chiến đấu, ông lâm bệnh và qua đời ngày 28/12/ 1895 tại núi Quạt. Có tài liệu cho rằng, trong một trận giao chiến ác liệt với địch ở núi Quạt ngày 28/12/1895, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh.

Tên của ông được đặt tên cho nhiều công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước, trong đó có tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Đình Phùng có điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: Đường Phan Châu Trinh; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 4,7 m.

**14. Đường Đặng Vương Tá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**ĐẶNG VƯƠNG TÁ**

**( - )**

Đặng Vương Tá chưa rõ năm sinh năm mất, người người thôn Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, tỉnh Định Tường (nay thuộc xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Vốn là một thanh niên trí thức yêu nước, năm 1905, ông tham gia phong trào Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo. Năm 1908, ông sang Nhật gặp Phan Bội Châu và Cường Để (Hội chủ Duy Tân Hội được thành lập năm 1904 tại Quảng Nam), nhận nhiệm vụ trở về nước, quyên góp tiền bạc ủng hộ phong trào và cử thanh niên yêu nước sang Nhật du học.

Năm 1912, ông gia nhập tổ chức Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu thành lập. Tổ chức này ra đời vào tháng 02/1912, tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tôn chỉ, mục đích của Việt Nam Quang phục hội là: “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam”.

Nhận lãnh trách nhiệm do cụ Phan giao phó, ông thành lập cơ sở của tổ chức này ở Gò Công mang tên là Cộng hòa hội do ông làm Hội trưởng. Cộng hòa hội phát triển nhanh chóng, thu hút được đông đảo thanh niên yêu nước tham gia. Ông đã bí mật mở các lớp huấn luyện quân sự và chính trị cho những cán bộ cốt cán và xây dựng cơ sở ở nhiều nơi, chuẩn bị cho công cuộc bạo động vũ trang theo đường lối của Việt Nam Quang phục hội. Một số nhà yêu nước ở các nơi cũng thường về Gò Công, gặp gỡ ông để bàn việc khởi nghĩa, trong đó có cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh).

Năm 1916, hoạt động của Cộng hòa hội bị thực dân Pháp phát hiện. Cũng ngay lúc đó, ông bị chính quyền thực dân bắt, đày đi Côn Đảo và mất ở đó, nêu cao tấm gương kiên trung, bất khuất cho hậu thế noi theo. Tại thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây) có con đường mang tên ông.

Đường Đặng Vương Tá có điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Trí; điểm cuối: Ranh Thạnh Nhựt; chiều dài: 1,050 km; chiều rộng: 3 m.

**15. Đường Võ Tánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**VÕ TÁNH**

**(1768 – 1801)**

# Võ Tánh sinh năm 1768, quê gốc ở thôn Phước Tỉnh, huyện Phước An, dinh Trấn Biên (nay là xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), sau dời về huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Từ năm 1783 đến năm 1788, ông dấy binh chống quân Tây Sơn ở Phù Viên (Vườn Trầu, nay thuộc vùng Bà Điểm - Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh). Nhưng sau đó, nhận thấy nơi đây đất đai bằng phẳng, không thích hợp cho việc dụng võ, nên ông di chuyển đến Gò Tre thuộc huyện Kiến Hòa, dinh Trấn Định (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Tại căn cứ mới, ông tự xưng Tổng nhung; xây thành Vạn Thắng; tiếp tục chiêu mộ quân lính, tổ chức thành năm chi, năm hiệu, gọi là đạo quân Kiến Hòa với 1 vạn quân và khai phá đất đai, mở mang ruộng đất, tích trữ quân lương. Thấy lực lượng của ông ngày càng lớn mạnh, thủ lãnh quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai tướng đem quân tới Gò Tre tiễu phạt; nhưng bị ông đánh tan. Từ đó, thanh thế của ông càng lừng lẫy. Người bấy giờ xưng tụng ông là một trong “*Gia Định tam hùng*” (hai người kia là Đỗ Thanh Nhơn và Châu Văn Tiếp).

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh cử người đến Gò Tre mời ông hợp tác. Ông nhận lời, mang các tướng thuộc quyền là Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín, Mai Tấn Huệ và toàn bộ binh lính theo về với Nguyễn Phúc Ánh. Dưới trướng của Nguyễn Phúc Ánh, ông lập được nhiều chiến công. Vì thế, ông được phong làm Khâm sai Tổng nhung Chưởng cơ dinh Tiền quân. Đồng thời, ông lại được Nguyễn Phúc Ánh gả em gái cho là Trưởng công chúa Ngọc Du, trở thành phò mã của nhà Nguyễn.

Năm 1790, vâng lệnh Nguyễn Phúc Ánh, ông mang quân đánh chiếm thành Diên Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 1792, ông được lệnh cùng với Tông Thất Hội giữ thành Gia Định trong khi Nguyễn Phúc Ánh thân chinh dẫn quân đánh thành Quy Nhơn. Năm 1793, ông được thăng Khâm sai chưởng hậu quân, Bình Tây tham thắng tướng quân hộ giá. Năm 1794, ông được thăng lên Đại tướng quân, tước Quận công.

Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh tiến quân đến sông Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Tháng 1799, sau khi chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên Quy Nhơn thành Bình Định, Nguyễn Phúc Ánh giao cho ông cùng với Lễ bộ tham tri Ngô Tùng Châu giữ ngôi thành này.

Tháng 02-1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân vào tấn công và bao vây thành Bình Định. Ông ra lệnh cho binh sĩ cố thủ giữ thành. Tháng 4/1800, Nguyễn Phúc Ánh cho quân thủy bộ từ Gia Định ra cứu viện; nhưng không thành công. Tháng 02-1801, Nguyễn Phúc Ánh lại kéo ra quân nhằm giải nguy cho thành Bình Định. Thủy quân Nguyễn Phúc Ánh đánh thắng thủy quân Tây Sơn tại cửa Thị Nại. nhưng vẫn không giải vây được, thành Bình Định vẫn bị quân của vương triều Cảnh Thịnh vây chặt.

Trước tình hình đó, ông và Ngô Tùng Châu sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên Nguyễn Phúc Ánh nên kéo quân ra đánh Phú Xuân, và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang đang tập trung tại mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông cùng Ngô Tùng Châu sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân đối phương. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Ngô Tùng Châu, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, ông viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì quân Tây Sơn không giết hại binh lính của ông.

Ngày 5-7-1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Ngày 7-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), ông tự thiêu mà chết tại lầu bát giác ở trong thành nội.

Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, rất xúc động trước cái chết của ông, nên cho quân lính mai táng tử tế thi hài của ông. Đồng thời, vị tướng này cũng không giết hại bất cứ người lính nào trong thành.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long. Tưởng nhớ đến công lao của ông, nhà vua truy tặng ông tước Dực vận công thần, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái úy, Quốc công, tên thụy là Trung Liệt; sai Cai bạ là Đinh Công Khiêm, Cai đội là Tôn Thất Bính mang áo mũ gấm lụa đến thành Bình Định thu liệm hài cốt còn lại để đưa về chôn ở Gia Định. Năm 1804, trong lúc kinh đô Huế chưa được xây dựng xong, ông được thờ ở gian chính giữa đền Hiển Trung ở thành Gia Định, triều đình cấp cho tự dân, tự điền, mộ phu, sai con là Khánh coi việc giữ thờ tự. Năm 1805, cho phụ tế vào Thái miếu. Năm 1810, đổi cho phụ tế vào Thế miếu. Năm thứ 1813, ông được truy tặng là Tá vận công thần, Đặc tiến Tráng vũ Đại tướng quân, Hậu quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, Thái sư, vẫn tên thụy là Trung Liệt, tước là Hoài Quốc công. Ông được xem là bậc trung thần khai lập nhà Nguyễn.

Tên ông được đặt tên đường ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, trong đó có tên đường thành phố Mỹ Tho và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Tánh có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Ranh xã Thạnh Trị; chiều dài: 1,200 km; chiều rộng: 3 m.

**16. Đường Đặng Khánh Tình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**ĐẶNG KHÁNH TÌNH**

**( - )**

Đặng Khánh Tình chưa rõ năm sinh năm mất, người thôn Vĩnh Lợi, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay thuộc xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, khi Trương Định phất cờ khởi nghĩa, ông gia nhập nghĩa quân, đầu tiên giữ chức Đội. Về sau, do có chiến tích nên được thăng lên làm Đốc binh.

Sau khi Trương Định mất (1864), ông trở về quê nhà, chiêu tập nghĩa sĩ , sắm sửa lương thực, vũ khí, lập căn cứ , tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp. Để có danh nghĩa và uy tín tập hợp, chỉ huy nghĩa quân, ông tự xưng là Phó Lãnh binh và được nhân dân quen gọi là Phó Lãnh binh Tình. Ông có một người phụ tá rất đắc lực là Nguyễn Văn Chung. Được biết, ông Nguyễn Văn Chung là ông nội của nhà cách mạng nổi tiếng ở Gò Công là Nguyễn Văn Côn. Giữa hai vị thủ lĩnh nghĩa quân này có tình bạn chiến đấu rất gắn bó với nhau. Cho nên, ở địa phương có câu ca:

*Chừng nào hạc nọ xa đình,*

*Hạc xa hương án, Chung - Tình mới xa.*

Và:

*Vĩnh Hựu Tình - Chung, chân chánh khí,*

*Tân Niên Hòa - Quới, thị anh hùng.*

Nghĩa là:

*Ở làng Vĩnh Hựu có ông Tình và ông Chung là người thực sự có chánh khí,*

*Ở làng Tân Niên Trung có ông Hòa và ông Quới đúng là bậc anh hùng.*

Dưới sự chỉ huy của ông, hoạt động của nghĩa quân dần dần được mở rộng. Lo sợ ảnh hưởng của phong trào kháng chiến ngày càng sâu đậm trong nhân dân, thực dân Pháp ra lệnh cho Huỳnh Văn Tấn huy động lực lượng mạnh tấn công vào căn cứ Vĩnh Hựu. Sau ba ngày bao vây, quân giặc đồng loạt mở cuộc tiến công. Ông chỉ huy nghĩa quân kiên quyết đánh trả; nhưng do thế yếu, ông bị địch bắt.

Sau đó, bọn chúng giam giữ ông ở khám đường Gò Công. Tại đây, bọn cai ngục vừa giở trò mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn hết sức dã man nhằm buộc ông phải đầu hàng. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết, thà chết chứ không cam chịu làm tay sai cho kẻ thù ngoại bang.

Cuối cùng, thực dân Pháp đã hèn hạ xử chém ông tại chợ Gò Công. Tàn bạo hơn, bọn chúng đã cho bêu thủ cấp của ông trong nhiều ngày để đe dọa nhân dân. Nhưng chính điều đó đã khiến cho quần chúng càng thêm căm thù thực dân Pháp và cảm thương vị anh hùng đã vì nước quên thân.

Hiện nay, phần mộ của ông ở ấp Vĩnh Quới, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây. Tại thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây) có con đường mang tên ông.

Đường Đặng Khánh Tình có điểm đầu: Đường Phan Thanh Giản; điểm cuối: Đường tránh phía Đông; chiều dài: 0,840 km; chiều rộng: 4,5 m.

**17. Đường Nguyễn Thìn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN THÌN**

**(1904 - 1930)**

Nguyễn Thìn, có các bí danh là Bảy Phòng, Phong và Công, sinh năm 1904 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nho học có truyền thống yêu nước.

Năm 1924, ông tham gia hoạt động trong Hội Thánh - một tổ chức yêu nước tiến bộ ở Gò Công - do Nguyễn Văn Côn đứng đầu. Trong thời gian này, ông thường xuyên tiếp xúc với các nhóm thanh niên yêu nước ở Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Cần Thơ,… Đồng thời, ông còn tổ chức cho một số thanh niên tiến bộ ở Gò Công lên Sài Gòn nghe các nhà yêu nước Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh diễn thuyết.

Đầu năm 1927, ông được Hội Thánh đưa sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện về con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN) do Hồ Chí Minh thành lập. Ông là chiến sĩ cách mạng đầu tiên và duy nhất ở Gò Công được huấn luyện bài bản ở Quảng Châu; được gặp và trực tiếp nghe Hồ Chí Minh giảng bài.

Sau khi mãn khóa học, tháng 9-1927, ông trở về Gò Công, tuyên truyền cách mạng, kết nạp nhiều thanh niên tiên tiến vào tổ chức HVNCMTN; và trên cơ sở đó, thành lập Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đồng thời, ông còn phụ trách việc giao thông liên lạc của Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ. Tháng 5-1928, ông là Kỳ ủy viên chính thức của Kỳ ủy Nam Kỳ. Đến cuối năm 1928, ông làm công tác vận động phong trào công nhân ở Nam kỳ.

Tháng 5-1929, ông cùng với Bí thư Kỳ ủy Phạm Văn Đồng và Kỳ ủy viên Châu Văn Liêm thay mặt Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của HVNCMTN được tổ chức ở Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, ông có bài tham luận ủng hộ đề nghị của đoàn đại biểu Kỳ ủy HVNCMTN Bắc Kỳ là nên gấp rút xúc tiến việc thành lập Đảng Cộng sản nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở Việt Nam tiến lên. Tuy nhiên, đề nghị trên không được Đại hội chấp thuận, nên đoàn đại biểu Bắc Kỳ trở về nước và thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSĐ) vào tháng 6-1929. Đánh giá cao sự ủng hộ của ông, những người lãnh đạo ĐDCSĐ đã đề cử ông vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng; đồng thời, ghi nhận ông là một trong những người thành lập ĐDCSĐ.

Trước sự chuyển biến mới của tình hình cách mạng ngày càng sôi nổi trên toàn quốc, Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ ráo riết công tác chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản. Nhưng giữa lúc đó, nhiều cán bộ trọng yếu của Kỳ ủy bị thực dân Pháp bắt. Để củng cố lực lượng cách mạng, ông đã cùng với một số cán bộ có uy tín còn lại của Kỳ ủy gặp gỡ đại diện của ĐDCSĐ ở Nam Kỳ bàn việc thống nhất các tổ chức Đảng.

Thế nhưng, cuộc thảo luận đó không đạt được sự nhất trí. Không thể chần chờ được nữa, ông cùng với Phan Trọng Bình, nguyên Bí thư Kỳ ủy, Châu Văn Liêm, Kỳ ủy viên,… thành lập An Nam Cộng sản Đảng vào tháng 8-1929.

Sau đó, vào giữa tháng 8-1929, ông bị chính quyền thực dân bắt tại Sài Gòn. Ở trong tù, mặc dù bị tra tấn vô cùng dã man, nhưng ông vẫn giữ tròn khí tiết của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Ở trong nhà tù của đế quốc, tháng 02-1930, ông vô cùng phấn khởi và tự hào khi nhận được tin Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Ước vọng cao đẹp của ông đã trở thành hiện thực. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã được đặt dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, đứng đầu là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Hồ Chí Minh.

Đến tháng 8-1930, ông bị tòa án thực dân kết án tử hình. Hai mươi sáu tuổi đời, ông đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Tây; tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây và ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Thìn có điểm đầu: Ranh xã Thạnh Nhựt; điểm cuối: Ranh xã Thạnh Trị; chiều dài: 2,675 km; chiều rộng: 3,5 m.

**18. Đường Trần Quốc Toản**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN QUỐC TOẢN**

**(1267 – 1285)**

Trần Quốc Toản sinh năm 1267 thuộc dõng dõi hoàng tộc triều Trần. Cha mất sớm, ông ở với mẹ và được chú là Chiêu thành vương Trần Thông dạy dỗ chu đáo. Ngay từ nhỏ, ông đã bộc lộ năng khiếu võ nghệ và lòng quả cảm hơn người, rất ham đọc sách quân sự và có chí lớn. Ông được phong tước Hoài văn hầu khi mới 15 tuổi.

 Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Ông xin dự hội nghị; nhưng vì còn ít tuổi nên không được tham dự.  Để động viên, vua Trần Nhân Tông ban cho ông quả cam. Trước sự việc đó, ông đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết.

Không nản lòng, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1.000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Đội quân trẻ tuổi của ông giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng *“Phá cường địch, báo hoàng ân”* (“Phá giặc mạnh, đền ơn vua”).

Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào xâm lược nước ta lần thứ hai (lần thứ nhất vào năm 1258). Lá cờ thêu sáu chữ vàng của ông xuất hiện trên nhiều mặt trận. Ông đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1.000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Do bị đại bại, giặc Mông - Nguyên phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Ông được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may ông đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin ông đã vì nước hy sinh, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc. Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng ông tước Hoài Văn Vương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *“Lịch sử nước ta”* ca ngợi ông như sau:

*“Thật là một đấng anh hùng*

*Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo”*

Tên của ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước, trong đó có tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Quốc Toản có điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: Đường Nguyễn Hữu Trí (nối dài) ; chiều dài: 0,490 km; chiều rộng: 5,4 m.

**19. Đường Nguyễn Hữu Trí**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN HỮU TRÍ**

**(1926 – 1993)**

Nguyễn Hữu Trí còn có tên là Nguyễn Văn Bốn sinh năm 1926 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống cách mạng.

Hòa trong khí thế hào hùng của nhân dân Gò Công trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông tham gia lực lượng Cộng hòa vệ binh ở địa phương, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công. Sau đó, ông lần lượt làm trinh sát viên ở Khu 7, tổ trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 8, trung đội trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 9. Năm 1949, ông được cấp trên phân công vào các đô thị ở vùng tạm chiếm với nhiệm vụ quan trọng là tổ chức mua những mặt hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc tây, hóa chất, thuốc nổ, điện đài,… để bí mật vận chuyển ra vùng căn cứ Khu 9. Đồng thời, ông còn xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở nội thành Sài Gòn và trực tiếp đưa thư từ, tài liệu vận động cách mạng tới một số vị nhân sĩ, trí thức.

Năm 1951, ông được đề bạt làm cán bộ Phòng Tham mưu Khu 8. Sau đó ít lâu, trên đường đi công tác, ông bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù và mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Do không tìm ra chứng cớ để kết tội nên địch buộc phải trả tự do cho ông. Ngay sau đó, ông trở ra vùng giải phóng tiếp tục công tác. Năm 1953, ông làm Trưởng ban Hành chính - Quản trị thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm Trưởng ban Hành chính của Trung đoàn 78, sau đó được cử đi học Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, ông tốt nghiệp, được phong quân hàm trung úy, công tác tại Cục Tình báo. Liên tục trong hai năm 1960 và 1961, ông được Cục Tình báo bồi dưỡng về chính trị và được huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Đầu năm 1963, trên một chiếc tàu không số, ông theo đường biển trở vào miền Nam công tác, làm tổ trưởng điệp báo Cụm A20, có nhiệm vụ tạo lập bình phong, chỗ đứng chân, từng bước hợp pháp hóa tại địa bàn Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, dựa vào người thân trong gia đình, ông đã nhanh chóng tạo được nơi ăn ở, làm được giấy tờ tùy thân hợp pháp, có nghề nghiệp phù hợp, tạo được nơi cất giấu và sử dụng điện đài an toàn, thuận tiện, thậm chí giữa năm 1964, khi nhu cầu liên lạc tăng cao, ông còn đón điện đài viên từ chiến khu vào, làm việc an toàn, có hiệu quả cho tới khi cán bộ này được rút về vào tháng 11-1965.

Trên cơ sở đó, với tất cả sự cẩn trọng, chặt chẽ, năng động, mưu trí và dũng cảm, ông đã xây dựng được mạng lưới tình báo chiến lược quân sự, hoạt động ngay trong lòng địch, trong đó có cả công chức, sĩ quan của chính quyền và quân đội Sài Gòn hoặc cài cắm người của ta vào làm việc trong bộ máy của chính quyền địch. Bên cạnh đó, ông còn chủ động mở rộng, đi sâu quan hệ với một số sĩ quan cao cấp và nhân vật tên tuổi trong các giới để thu thập tin tức.

Dưới sự tổ chức và chỉ đạo tài tình của ông, mạng lưới tình báo do ông làm tổ trưởng hoạt động rất có hiệu quả, thu được nhiều thông tin và tài liệu có ý nghĩa chiến lược từ phía Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn, được Cục Tình báo đánh giá cao, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân cả nước. Từ năm 1963 đến năm 1970, mạng lưới điệp báo của ông có vai trò như là một trong vài mạng lưới chủ chốt của tình báo chiến lược quân sự. Đặc biệt, tuy số lượng điệp viên, quan hệ và cơ sở điệp báo,… của mạng lưới là khá lớn và nhiều người được xây dựng thông qua quan hệ “bắc cầu”; nhưng ông vẫn bảo đảm tốt yêu cầu cự ly, đơn tuyến trong lưới, giữ vững an toàn tuyệt đối, khiến cho cơ quan tình báo CIA của Mỹ và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính quyền Sài Gòn không tài nào phát hiện.

Năm 1970, sau khi hoàn thành nhiệm vụ do cấp trên giao phó, ông được điều ra vùng giải phóng.Năm 1971, ông được bổ nhiệm làm Phó phòng Tình báo chiến lược Miền (J22). Đầu năm 1973, ông được cử phụ trách Ban Tình báo ngoại giao của Phòng Tình báo chiến lược Miền và tham gia Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào làm việc tại trại David ở Sài Gòn trong khuôn khổ của hiệp định Paris.

Giữa năm 1973, theo sự điều động của tổ chức, ông trở về vùng giải phóng, làm Phó phòng; từ tháng 4/1974, làm Quyền Trưởng phòng Tình báo chiến lược Miền. Tháng 12/1974, khi Phòng Tình báo chiến lược Miền được chuyển thành Đoàn Tình báo 22 thuộc Bộ Tham mưu Miền, ông được chỉ định làm Quyền Đoàn trưởng. Trên những cương vị ấy, ông đã lãnh đạo, chỉ huy lực lượng tình báo chiến lược Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ nắm tình hình địch, phục vụ cho công tác chỉ đạo chiến lược, chiến dịch của cấp trên và điều tra mục tiêu, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục công tác trong quân đội, là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông nghỉ hưu. Năm 1993, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Là nhà tình báo chiến lược quân sự xuất sắc, ông có nhiều đóng góp quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì). Ngày 20-9-1971, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên của ông được đặt tên đường ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Mỹ Tho và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Hữu Trí có điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Cầu Nguyễn Hữu Trí; chiều dài: 1,710 km; chiều rộng: 4,5 m.

**20. Đường Phan Châu Trinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN CHÂU TRINH**

**(1872 – 1926)**

Phan Châu Trinh, tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã, sinh năm 1872 tại làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, đỗ cử nhân (1900), đỗ phó bảng (1901). Năm 1903, ông được bổ làm Thừa biện bộ Lễ. Chính vào thời gian làm việc ở kinh đô Huế, ông có dịp tiếp xúc với tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, sách của các nhà cách mạng dân chủ Âu Tây cùng những kế sách của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ.

Từ đó, ông bước đầu nhận thức ra con đường cứu nước mới, nên ông đã từ quan, đi tìm một phương sách cứu nước. Năm 1904, ông cùng hai người bạn đồng hương và cũng là đồng chí (Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp) phát động phong trào Duy tân ở Quảng Nam.

Đầu năm 1906, ông ra Bắc bàn với nhân sĩ Bắc Kỳ về phong trào Duy tân, tham gia giảng dạy ở Đông Kinh nghĩa thục Hà Nội. Ông còn lên tận Phồn Xương thuộc chiến khu Yên Thế, gặp Hoàng Hoa Thám, rồi tìm đường sang Trung Quốc, Nhật Bản gặp Phan Bội Châu để quan sát tìm hiểu, nghiên cứu đường lối duy tân, tự cường của Nhật. Cuối năm này, ông về nước, viết “Đầu Pháp chính phủ thư” (thường gọi là Thư gửi Chính phủ Pháp), trình bày những nỗi khổ cực, bần hàn của dân ta dưới chế độ bảo hộ. Bằng sự khôn khéo của mình, ông đã vận động được một người Pháp cấp tiến, lúc bấy giờ đang làm chủ nhiệm tờ “Đại Việt tân báo” dịch từ bản chữ Hán sang Pháp văn và đăng trên Tập san nghiên cứu của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp ở Hà Nội. Bài viết được bất ngờ tung ra, gây thành dư luận xôn xao trong tầng lớp trí thức, viên chức Pháp, Việt và được coi như là tuyên ngôn của phong trào Duy Tân.

Năm 1908, khi phong trào chống thuế, đòi giảm sưu bùng phát ở Quảng Nam, rồi lan nhanh ra 10 tỉnh Trung Kỳ, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp. Lúc này, Phan Châu Trinh đang làm báo ở Hà Nội, nhưng thực dân Pháp viện cớ cho ông là người khởi xướng, bắt ông giải về Huế, giao cho Nam triều kết án, đày đi Côn Đảo.

Nhờ Hội Nhân quyền ở Pháp can thiệp, nên đến cuối năm 1911, chính quyền thực dân buộc phải trả tự do cho ông, nhưng đưa về quản thúc ở Mỹ Tho. Ông phản đối quyết liệt, gửi thư cho Chính phủ Pháp yêu cầu hoặc trả ông về Côn Lôn, hoặc để ông tự do sang Pháp. Thực dân Pháp cuối cùng đành chấp nhận để ông sang Pháp với người con trai là Phan Châu Dật.

Trong thời gian sống ở Pháp (1911-1925), Phan Châu Trinh đã phải tự lao động để sống, nhiều khi đói lạnh, cơ cực, nhưng không quên nhiệm vụ vận động cứu nước. Ông có nhiều quan hệ gắn bó với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh), thường giao du mật thiết với Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành gọi ông là “Nghi bá” (người bác kết nghĩa với cha mình) hoặc là bác và tự xưng là cháu, hoặc “cuồng điệt” (đứa cháu hăng say).

Năm 1914, chiến tranh Pháp - Đức bùng nổ, ông bị vu cáo là làm gián điệp cho Đức và bị bắt giam ở ngục Santé gần một năm. Thời gian ở Pháp, ông đã viết “Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký” (nói rõ nguyên nhân dẫn đến các cuộc biểu tình năm 1908 và minh oan cho các nhân sĩ bị Pháp bắt, tù đày, đặc biệt ông đã vạch trần bản án gian trá giết chết tiến sĩ Trần Quý Cáp).

Cũng trong thời gian ở Pháp, ông viết các tác phẩm: Tỉnh quốc hồn ca I và II; Santé thi tập. Đặc biệt tác phẩm cuối cùng là Thư thất điều gởi cho vua Khải Định khi ông vua bù nhìn này sang thăm nước Pháp.

Tháng 6-1925, ông được Chính phủ chấp thuận cho về nước. Do làm việc quá sức, bệnh cũ tái phát, ông lâm bệnh nặng và mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1926. Đám tang ông đã trở thành một quốc tang (Deuil national), được cử hành trọng thể ở Sài Gòn. Hơn 140.000 người tham dự cuộc tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Đước biết, dân số Sài Gòn thời ấy chưa đến nửa triệu người.

Học giả Hoàng Xuân Hãn nhận xét đám tang Phan Châu Trinh là một cuộc biểu dương lực lượng vĩ đại tinh thần yêu nước chống thực dân Pháp không phải chỉ của mười mấy vạn người ở Sài Gòn, mà là của hàng triệu đồng bào cả nước. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Phan Châu Trinh có điểm đầu: Đường Đặng Khánh Tình; điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 5,4 m.

**21. Đường Nguyễn Trung Trực**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRUNG TRỰC**

**(1838 – 1868)**

Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, sinh năm 1838 tại Xóm Nghề, thôn Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyên Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc Ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An).

Năm 1860, ông tham gia cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược do Trương Định chỉ huy, được phong chức Quản binh đạo. Sáng ngày 10/12/1861, ông chỉ huy nghĩa quân tổ chức đám cưới giả, phục kích đốt cháy chiến hạm L’ Espérance tại  vàm sông Nhựt Tảo (nay thuộc xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).

Sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Định Tường và Gia Định (năm 1862), ông di chuyển sang ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long tiếp tục chiến đấu. Rạng sáng ngày 19/6/1868, ông chỉ huy nghĩa quân bất ngờ đánh úp đồn Kiên Giang, tiêu diệt 5 viên sĩ quan Pháp, 67 lính, thu trên 100 khẩu súng cùng nhiều đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày liền.

Sau đó, thực dân Pháp huy động lực lượng hùng hậu đàn áp nghĩa quân. Trước tình hình đó, ông chuyển quân ra đảo Phú Quốc, lập căn cứ kháng chiến mới. Ngày 19/9/1868, ông bị địch bắt. Bọn chúng giở trò mua chuộc, hứa sẽ ban cho ông bổng lộc, chức tước; nhưng ông nhất quyết cự tuyệt. Ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đã hèn hạ xử chém ông tại chợ Rạch Giá. Trước lúc hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, ông đã có một câu nói lưu danh truyền đời: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì nước Nam mới hết người đánh Tây”.

Tên ông được đặt tên trường, tên đường ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước; trong đó có tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Trung Trực có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Đường Đặng Khánh Tình; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 5,4 m.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Gò Công Tây:**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 872:**

**1. Cầu Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5-1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường, tên cầu tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 1+519, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Giồng.

- Quy mô: 1 nhịp dài 19,3m; mặt BTCT rộng 9,4m (Bxe chạy 8m + lề bộ hành 0,7m/bên); 9 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng ép (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1989, sửa chữa năm 2014

**2. Cầu Kinh/Kênh 14**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (14).

- Vị trí: Km 5+576, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 14

- Quy mô: 3 nhịp dài 57,78m (3x18,6); mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93[[13]](#footnote-13)

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**Trên Đường tỉnh 872B:**

**1. Cầu Kinh/Kênh 14**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (14).

- Vị trí: Km 3+135, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 14

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,7m; mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**2. Cầu Bà Giảng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Giảng)

- Vị trí: Km 3+374, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Giảng

- Quy mô: 3 nhịp dài 39,28m; mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**3. Cầu Kinh/Kênh Thủy Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Danh từ (Thủy lợi: Tại Khoản 1, Điều 2 Luật Thủy lợi năm 2017 định nghĩa thủy lợi như sau: “Thủy lợi là tổng hợp các giải pháp nhằm tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, tưới, tiêu và thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối; kết hợp cấp, tiêu, thoát nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác; góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh nguồn nước”.

- Vị trí: Km 8+984, xã Bình Tân và xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Thủy Lợi.

- Quy mô: 3 nhịp dài 29,5m; mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; CĐdc: +2.20

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

**4. Cầu Yên Luông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Yên Luông).

- Vị trí: Km 0+589, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Giồng

- Quy mô: 3 nhịp dài 45,14m (2x12,5+18,6); mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**Trên Đường tỉnh 873:**

**Cầu Thành Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Thành Công).

- Vị trí: Km 0+250, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tham Thu

- Quy mô: 1 nhịp dài 19,6m; mặt BTCT rộng 9m lề đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**Trên Đường tỉnh 874:**

**Cầu Đập Vàm Giồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Đập) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

- Vị trí: Km 17+830, xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo) + xã Vĩnh Hựu (huyện Gò Công Tây), trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Giồng

- Quy mô: Dài 42m; mặt BTCT 4m; 3 dầm BTCT 20x80

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1983

**Trên Đường tỉnh 879:**

**Cầu Long Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình).

- Vị trí: Km 8+450, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Rạch Sáu Thòn

- Quy mô: 4 nhịp dài 98m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6,3m; dầm BTTA; Htt: +4.50

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2003.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

**Cống Vàm Giồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm: Theo Vương Hồng Sển*,* Vàm là biến âm từ Khmer “pàm” hoặc “piam” nghĩa là cửa sông”[[14]](#footnote-14). Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn[[15]](#footnote-15)) + Địa hình thiên nhiên (Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[16]](#footnote-16)).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1989; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 17.000 ha.

**Cống lớn:**

**1. Cống Số 3 Sông Tra**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 3) + Địa hình tự nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra)[[17]](#footnote-17).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1986; là loại cống hở, số cửa 5, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,12 m, diện tích phục vụ 1.425 ha.

**2.** **Cống Số 4 Sông Tra**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 4) + Địa hình tự nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1984; là loại cống hở, số cửa 3, chiều rộng 2,5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 952 ha.

**3. Cống Bầu Điền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Danh xưng (Bầu) + Tên người (Bầu).

- Bầu: có nguồn gốc từ tiếng Chăm: Pràu. Người Chăm gọi ghe là Pràu[[18]](#footnote-18). Người Việt gọi trại thành Bàu, bởi vì người Việt ít khi phát âm được âm rung: Pràu thành Pàu (ví dụ: crème đọc thành kem hay cà rem, fromage đọc thành phô mai hay phó mát); người Việt lại phát âm không phân biệt /P/ và /B/ (ví dụ: (đèn) Pile đọc thành (đèn) Bin; do đó, Pàu được phát âm thành Bàu. Rồi Bàu được đọc thành Bầu, vì trong Tiếng Việt âm “à” và âm “ầ” có thể được chuyển hóa với nhau (ví dụ: màu (nhiệm) đọc thành mầu (nhiệm), màu (mỡ) đọc thành mầu (mỡ),… Vào thế kỷ XVII, người Việt từ miền Trung đi vào miền Nam khai hoang trên những chiếc ghe bầu. Theo quyển *Địa chí Long An*, ghe bầu là loại ghe có tải trọng lớn, chạy buồm, có nhiều chèo để đi sông và đi biển dài ngày[[19]](#footnote-19). Người chỉ huy chiếc ghe bầu được gọi là “Ông Bầu”. Sau đó, Ông Bầu được chỉ chung cho những người có uy tín, tư duy tổ chức và tiềm lực tài chính bảo trợ những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao,…

- Ông Điền: tên thật là Trâu Văn Điền. Nhân vật này có liên quan đến sự kiện như sau:

Lúc trốn chạy quân Tây Sơn, chúa Nguyễn Phúc Ánh được Lê Phước Tang ở thôn Hòa Thuận (nay là xã Long Khánh, huyện Cai Lậy), giúp đỡ. auk hi ông Tang mất, hai người con của ông là Lê Phước Tánh và Lê Phước Khảo (tục gọi là cậu Gương, cậu Sen) có lời nói và việc làm châm biếm Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Nhà vua cử quan về thôn Hòa Thuận để trả công cho dòng họ Lê Phước. Tuy nhiên, chuyện năm xưa của hai cậu công tử được báo cho quan; và viên quan này về kinh đô Huế trình lên nhà vua. Nghe thế, vua Gia Long rất tức giận, ra lệnh xử trảm những người trong dòng họ này và tịch thu toàn bộ 200 mẫu ruộng của Lê Phước Tang. Số ruộng này được ban thưởng cho tiền quân Tôn Thất Hội, một công thần của nhà Nguyễn.

Lúc bấy giờ, ở vùng Ba Dừa (nay thuộc xã Long Trung, huyện Cai Lậy) có một người con gái xinh đẹp, dòng họ Trâu, gốc người Minh Hương[[20]](#footnote-20), được tuyển làm cung phi. Chính người cung phi này đã tác động để cho người cháu gọi mình bằng cô ruột là Trâu Văn Điền được quản lý số ruộng của tiền quân Tôn Thất Hội vì vị quan này ở tận ngoài Huế. Tại đây, ông Điền cho người dân mướn lại để canh tác và nộp lúa ruộng. Hằng năm, số hoa lợi này được ghe bầu chở về Huế nộp. Do đó, ông được gọi là Bầu Điền.

Sau khi thiết lập ách thống trị trên đất Mỹ Tho (1861), thực dân Pháp tiến hành tổng kiểm kê ruộng đất để thực hiện việc thu thuế. Nhân cơ hội này, Bầu Điền đã nhận mình là chủ 200 mẫu ruộng của Tôn Thất Hội và được chính quyền thực dân công nhận quyền sở hữu hợp pháp. Từ đó, ông trở thành đại địa chủ, rất giàu có.

Hiện nay, mồ mả và hậu duệ của Trâu Văn Điền vẫn còn ở tại địa phương, nhưng con cháu sau này đã đổi họ Trâu thành họ Trần vì họ cho rằng, họ Trâu không có ý nghĩa tốt đẹp, đến lúc mất mới trở lại họ cũ để giữ cội nguồn tổ tiên.

Cống ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 10 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 500 ha.

**Cống lớn:**

**Cống Đồng Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (xã Đồng Sơn).

Cống ở xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1978; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 3 m, sâu 1,09 m, diện tích phục vụ 850 ha.

**Cống vừa và nhỏ:**

**1. Cống Ba Thừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba Thừa).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 161 ha.

**2.** **Cống Bà Cò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Cò).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1992; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,8 m, sâu 1,8 m, diện tích phục vụ 120 ha.

**3. Cống Bà Giảng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Giảng).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Đông Tây, được xây dựng năm 1973; là loại cống hộp, số cửa 4, chiều rộng 3 m, sâu 1,9 m, diện tích phục vụ 120 ha.

**4.** **Cống Chủ Chớ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương chủ, gọi tắt là Chủ: hương chức đứng thứ hai trong làng xã, sau Hương cả) + Tên người (Chớ).

Cống ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2009; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 40 ha.

**5.** **Cống Đá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Vật liệu (Đá).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**6.** **Cống Gò Gừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây gừa).

Cống ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1974; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 4 m, sâu 1,45 m, diện tích phục vụ 450 ha.

**7.** **Cống Hai Năng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Năng).

Cống ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2010; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 20 ha.

**8. Cống Hòa Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Hòa Phú).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2017; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**9**. **Cống Huyện lộ 6**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Huyện lộ/Đường huyện) + Số hiệu (6).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1994; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 850 ha.

**10.** **Cống Khương Ninh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Khương Ninh)

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2009; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,28 m, diện tích phục vụ 5 ha.

**11.** **Cống Khương Thọ 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Khương Thọ) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1985; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 2,6 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 315 ha.

**12.** **Cống Khương Thọ 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Khương Thọ) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2008; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 1,2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**13.** **Cống Long Hải**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Long Hải).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1995; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,1 m, diện tích phục vụ 820 ha.

**14.** **Cống Năm Út**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Năm Út).

Cống ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 546 ha.

**15.** **Cống Ninh Đồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Ninh Đồng)

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2004; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,6 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**16.** **Cống N8**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chữ cái la tinh (N) + Số hiệu (8).

Cống ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1995; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,8 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 425 ha.

**17.** **Cống Rạch Đào**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động từ (Đào).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2003; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,6 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**18**. **Cống Rạch Mả**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Mả: nơi chôn người chết, còn gọi là mộ).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2003; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 100 m, sâu 1,6 m, diện tích phục vụ 35 ha.

**19.** **Cống Rạch Sâu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Tính từ chỉ độ sâu (Sâu).

Cống ở xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 104 ha.

**20.** **Cống Rạch Vách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 546 ha.

**21.** **Cống Sáu Thoàn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Sáu Thoàn).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1989; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 2,20 m, diện tích phục vụ 200 ha.

**22.** **Cống Thạnh Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Thạnh Lợi).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2017; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**23.** **Cống Xóm Bến**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Đơn vị cư trú (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Công trình xây dựng (Bến).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2009; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Ф 150 m, sâu 1,64 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**24.** **Cống 862**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu Đường tỉnh 862.

Cống ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1993; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,8 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 425 ha.

**\* Đê:**

**1. Đê Hòa Thạnh - Thuận Trị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Hán Việt (Hòa Thạnh - Thuận Trị).

Đê ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: Đường tỉnh 877, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 3.700 m, chiều rộng 3 m, cao trình 2,3 m - 2,5 m.

**2. Đê Long Hải**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Hán Việt (Long Hải).

Đê kéo dài qua các xã Long Bình, Bình Tân, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Cống Sáu Thoàn, điểm cuối: Đường tỉnh 877, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 9.880 m, chiều rộng 3,5 - 5 m, cao trình 2,5 m - 2,65 m.

**3. Đê Sông Tra**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Đê ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Bến đò Ninh Đồng, điểm cuối: cống Gò Dừa, được xây dựng năm 1984; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 5.070 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,65 m.

**4. Đê Tả sông Cửa Tiểu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Từ Hán Việt chỉ phương hướng (Tả: phía trái) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Tiểu: Nhỏ).

Đê kéo dài qua các xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Phước Trung, huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: Cửa rạch Long Uông, được xây dựng năm 11.220 m; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 11.220 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2,22 m - 2,65 m.

**5.** **Đê Tây Rạch Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Phương hướng (Phía tây) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê kéo dài qua các xã Đồng Sơn, Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, có điểm đầu: Cống số 4, điểm cuối: Gò Dừa, được xây dựng năm 1996; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 15.683 m, chiều rộng 3 m - 4 m, cao trình 2,50 m - 2,65 m.

**\*Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 |   |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | chung(rộng tối thiểu 7,5 m) |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che |   |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng |   |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn |   |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | Có phần mềm quản lý bến xe |   |

**Bến xe Gò Công Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Tây).

Bến xe Gò Công Tây, mã số (63)26, tọa lạc tại xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.900 m², điện thoại: (0273)3510555, xếp loại 4.

**\* Bến đò:**

**Khái niệm**

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

**1. Bến đò Đồng Sơn - Thanh Vĩnh Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Đồng Sơn - Xã Thanh Vĩnh Đông).

Bến đò Đồng Sơn - Thanh Vĩnh Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên Rạch Lá, nối xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang với xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (và ngược lại).

**2. Bến đò Tân Phú - Long Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú - Xã Long Bình).

Bến đò Tân Phú - Long Bình bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông với xã Long Bình, huyện Gò Công Tây (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

\* **Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

**1.** **Bến phà Ninh Đồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Ấp Ninh Đồng).

Bến phà Ninh Đồng bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối ấp Ninh Đồng A với ấp Ninh Đồng B (và ngược lại), thuộc xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bến phà Rạch Vách**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa).

Bến phà Rạch Vách bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**3. Bến phà Tân Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh Hán Việt (Tân Long).

Bến phà Tân Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Long Bình, huyện Gò Công Tây với xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**4**. **Bến phà Vàm Giồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

Bến phà Vàm Giồng bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**\*Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Tây).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây

+ Địa chỉ: Số 09A, đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 2, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0733 838 355; fax: 0733 838 355.

+ Trang thông tin điện tử: http://ttytgocongtay.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ttytgocongtay@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 19.001,9 m²; diện tích sử dụng: 19.001,9 m².

+ Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 243; trong đó: nam 84, nữ 159.

Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây được thành lập năm 1979, qua nhiều lần chia tách, sáp nhập, đến năm 2009 Trung tâm Y tế Gò Công Tây được thành lập theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân.

+ Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

+ Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

+ Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế có 05 chi bộ trực thuộc, với 98 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 28 tổ công đoàn với 240 công đoàn viên; Đoàn Thanh niên có 2 chi đoàn với 41 đoàn viên.

Trung tâm y tế có 04 phòng chức năng:Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe, Phòng Tài chính - Kế toán; 09 khoa chuyên môn: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản, Khoa Khám bệnh, Khoa Cấp cứu (gồm Cấp cứu hồi sức, Ngoại, Nhiễm, Thận nhân tạo), Khoa Nội - Nhi, Khoa Dược; Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh. Bệnh viện thuộc Trung tâm xếp hạng III với 92 giường bệnh.

Trung tâm có 13 trạm y tế xã, thị trấn trực thuộc: Trạm Y tế thị trấn Vĩnh Bình, Trạm Y tế các xã Bình Nhì, Bình Phú, Bình Tân, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, Long Bình, Long Vĩnh, Thành Công, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu, Yên Luông.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 03, Bác sĩ chuyên khoa 1: 13, Bác sĩ chuyên khoa 2: 02, Cử nhân đại học: 23, Cử nhân cao đẳng: 14, trình độ khác: 188.

**\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**1. Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựn (Bia lưu Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh đội Gò Công).

Địa danh lịch sử:

Xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây là địa phương có truyền thống cách mạng, nhân dân tin tưởng và một lòng đi theo Đảng, lại có địa thế hiểm trở với những vườn cây rậm rạp và hệ thống kênh, rạch chằng chịt. Đây còn là hành lang vận chuyển vũ khí và chuyển quân từ Quân khu về tỉnh Gò Công. Tại đây, quân và dân Đồng Sơn đã kiên cường bám trụ, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trong toàn xã, làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng. Xã có 01 trung đội du kích. Mỗi ấp của xã đều có 01 tiểu đội du kích chiến đấu. Lực lượng du kích xã, ấp liên tục đánh địch bằng nhiều hình thức và cùng với lực lượng vũ trang của của huyện, tỉnh, khu đánh trên 320 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 200 tên địch, thu 55 súng các loại, bắn rơi 01 máy bay trực thăng, xây dựng 13 ấp chiến đấu, đào hàng ngàn hầm chông và các bãi lựu đạn bảo vệ căn cứ, tổ chức trên 120 lần đấu tranh chính trị với hơn hàng chục ngàn người tham gia, chống gom dân lập ấp chiến lược, chống địch bắn phá xóm ấp, vận động rã ngũ 55 lính ở 02 đồn, thu 20 súng, 04 trưởng ấp bỏ việc. Đội vận tải của xã thường xuyên có từ 80 - 100 người vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí phục vụ bộ đội chiến đấu.

Trên cơ sở đó, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Gò Công đã xây dựng nơi đây thành căn cứ của Tỉnh đội. Đây là căn cứ “trong lòng dân”, được nhân dân đùm bọc, che chở, có vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của tỉnh Gò Công. Tại đây, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Gò Công đã thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo về mặt quân sự đối với cuộc kháng chiến của quân dân Gò Công giành được nhiều thắng lợi vang dội, góp phần tiến tới giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà vào ngày 30/4/1975.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Gò Công, do Nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng trong khuôn viên có diện tích 144 m2, trên nền cao khoảng 1 m. Bia được làm bằng bê tông cốt thép, ốp đá hoa cương màu đen, tạo dáng thành hình tượng nòng súng và lưỡi lê cao hơn 5m chỉ thẳng lên, trên nền cờ đỏ sao vàng tượng trưng cho tinh thần quyết chiến quyết thắng của lực lượng vũ trang cách mạng trong kháng chiến. Trên nền lá cờ cách điệu có dòng chữ: “Bia Lưu niệm căn cứ của Tỉnh đội Gò Công”. Đế bia có diện tích 7 m2, nền cao 0,5 m so với nền khuôn viên di tích. Chân đế ốp đá hoa cương màu đen. Xung quanh bia là khoảng sân rộng bằng bê tông lát gạch men. Khuôn viên được bao bọc bởi hàng rào được làm bằng sắt, cột trụ bằng bê tông. Bia tọa lạc tại ấp Khương Thọ, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Gò Công nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh đội Gò Công được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**2. Bia lưu niệm Chiến thắng Đồng Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Đồng Sơn).

Bia lưu niệm Chiến thắng Đồng Sơn tọa lạc tại xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

Sáng ngày 26/7/1972, địch ở chi khu quận Hòa Đồng (huyện Gò Công Tây ngày nay) đã huy động 3 liên đội (tương đương 3 tiểu đoàn) địa phương quân bao vây tiểu đoàn 514B của ta đang đóng ở đập Cây Đước thuộc ấp Đồng Thọ, xã Đồng Sơn. Đồng thời, bọn chúng cho pháo binh bắn phá hủy diệt địa hình.

15 giờ cùng ngày, nhân lúc địch hết đạn pháo, toàn tiểu đoàn 514B được lệnh xuất kích. Lúc đầu, địch còn lợi dụng các bờ mẫu cao chống trả. Nhưng khi nhìn thấy bộ đội mặc đồng phục ka ki màu xanh dũng mãnh xông ra thì lính địch hốt hoảng tháo chạy, vứt cả súng, máy thông tin PRC25, chạy lẫn vào dân đang lao động ở ngoài đồng.

Bộ đội ta truy kích ráo riết, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. 17 giờ cùng ngày, bộ đội được lệnh dừng truy kích, thu quân và thu chiến lợi phẩm.

Sáng ngày hôm sau 27/7/1972, địch tổ chức hành quân giải tỏa. Ta bố trí đội hình phục kích. Vào lúc 8 giờ, chi khu Hòa Đồng bắn pháo vào trận địa và cho 1 liên đội địa phương quân do Phó Quận trưởng Hòa Đồng chỉ huy bắt đầu đánh vào trận địa phục kích của bộ đội 514B. Ta đã đánh bật nhiều đợt xung phong của địch.

13 giờ, bộ đội ta tập trung hỏa lực đánh xuất kích, rượt đuổi địch ra tận Tỉnh lộ 24 (nay là Quốc lộ 50). Đến 13 giờ 30 phút, Phó Tỉnh trưởng Gò Công và trung tá Mỹ Rudolph Kaiser, cố vấn trưởng tỉnh Gò Công chỉ huy liên đội đặc nhiệm số 5 theo Lộ 21 tiến vào trận địa.

Phát hiện bộ đội ta đã rời công sự xuất kích nên binh lính địch nhanh chóng chiếm công sự, cắt đường lui về của bộ đội. Thế nhưng, khi bộ đội quay lại đã dũng mãnh đánh địch, khiến liên đội đặc nhiệm bỏ chạy, trung tá cố vấn Mỹ tử trận. Đến 18 giờ, ta làm chủ trận địa. Trận đánh ngày 27/7/1972, ta đánh tiêu hao nặng 01 liên đội địa phương quân quận Hòa Đồng và 01 liên đội đặc nhiệm tỉnh Gò Công, thu nhiều vũ khí, bức rút 2 đồn. 21 giờ cùng ngày, tiểu đoàn 514B rút lui về căn cứ an toàn.

Chiến thắng Đồng Sơn là chiến thắng lớn của quân và dân tỉnh Gò Công nói chung, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây nói riêng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh chính trị và trình độ tác chiến của quân và dân ta. Trận chiến này đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân ta vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bia lưu niệm chiến thắng Đồng Sơn do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, nằm trong khuôn viên rộng khoảng 160 m², gồm bia lưu niệm, hoa kiểng, hệ thống chiếu sáng và tường rào. Chân bia hình bát giác cao 1,2 m. Thân bia hình khẩu súng cao 5 m. Phía trên nòng súng là lá cờ đỏ sao vàng, trên nền cờ đắp nổi 04 chữ màu vàng: CHIẾN THẮNG ĐỒNG SƠN.

Di tích Chiến thắng Đồng Sơn được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số :09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Huyện Gò Công Tây:**

**1. Công viên Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1894 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06-01-1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

## Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên công viên ở thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Công viên được khánh thành năm 2000, cải tạo và nâng cấp năm 2017, tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.857 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, lộc vừng,…); cây tạo dáng (cau vua, sứ trắng, hoa giấy,...), cây lá màu và thảm cỏ; tượng danh nhân Nguyễn Văn Côn, hồ nước và hệ thống phun nước, thiết bị tập thể dục ngoài trời, đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, đường nội bộ được lát gạch Terrazzo,…

**2. Công viên Thị trấn Vĩnh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vĩnh Bình).

Công viên được khánh thành năm 2015, tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.500 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, lộc vừng, dương,…); cây tạo dáng (cau vua, dương,...), các loại cây lá màu và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**\* Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[21]](#footnote-21).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[22]](#footnote-22).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[23]](#footnote-23).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[24]](#footnote-24).

**\* Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[25]](#footnote-25).

**\* Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[26]](#footnote-26):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1  | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng- Chợ hôm- Chợ chiều- Chợ đêm- Chợ phiên |
| 2  | Theo lịch sử  | - Chợ truyền thống- Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3  | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê- Chợ ven đô- Chợ đô thị- Chợ đồng bằng- Chợ miền núi |
| 4  | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng- Chợ xã (liên làng)- Chợ huyện (liên xã)- Chợ thị trấn- Chợ thị xã |
| 5  | Theo tình chất, quy mô traođổi hàng hóa | - Chợ đầu mối- Chợ bán lẻ- Chợ chuyên doanh- Chợ tổng hợp |
| 6  | Theo loại hình hàng hóa bánchủ yếu tại chợ | - Chợ vải- Chợ trâu- Chợ trái cây- Chợ hải sản |
| 7  | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố- Chợ bán kiên cố- Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[27]](#footnote-27):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[28]](#footnote-28):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**\* Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[29]](#footnote-29):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Gò Công Tây:**

**1. Chợ Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, yên bình; Đông: 東: Đông (Phía đông).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, diện tích 600 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**2. Chợ Bình Nhì**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Nhì).

Chợ loại 3, ở xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**3. Chợ Bình Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Phú).

Chợ loại 3, ở xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.022 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**4. Chợ Bình Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Tân).

Chợ loại 3, ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, diện tích 2.645 m², có 120 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

**5. Chợ Bình Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, yên bình; Tây: 西: Phía Tây).

Chợ loại 2, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, diện tích 2.244 m², có 220 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

**6. Chợ Cá Chốt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Cá chốt). Chợ được xây cất bên cạnh rạch Cá Chốt (rạch có nhiều cá chốt).

Chợ loại 3, ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, diện tích 670 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**7. Chợ Dinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Dinh).

Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, lỵ sở của huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định đặt tại thôn Đồng Sơn. Tại đây, chính quyền nhà Nguyễn cho cất một số dinh thự để làm công sở. Do đó, chợ Đồng Sơn còn được gọi là Chợ Dinh.

Chợ loại 2, ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.800 m², có 230 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

**8. Chợ Đồng Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Đồng Thạnh).

Chợ loại 3, ở xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**9. Chợ Kênh/Kinh 14**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng và chữ số (Kênh/Kinh 14) .

Chợ loại 3, ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, diện tích 3.025 m², có 70 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**10. Chợ Long Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Bình).

Chợ loại 2, ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.500 m², có 250 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

**11. Chợ Long Vĩnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Vĩnh).

Chợ loại 3, ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**12. Chợ Thạnh An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**13. Chợ Thành Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thành Công).

Chợ loại 3, ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, diện tích 350 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**14. Chợ Thạnh Lạc Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Lạc: 樂: Lạc quan, vui mừng; Đông: 東: Phía đông).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

**15. Chợ Thạnh Yên**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Yên/An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 110 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**16. Chợ Vĩnh Bình (Chợ Giồng Ông Huê)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (thị trấn Vĩnh Bình).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Định hình tự nhiên (Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[30]](#footnote-30)) + Giới tính và tên người (Ông Huê: ông Trần Văn Huê có công quy tập dân chúng khai khẩn khu vực giồng cát ở đây vào đầu thế kỷ XIX, dân gian gọi là giồng Ông Huê).

Chợ loại 2, ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, diện tích 5.500 m², có 392 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa, đặc sản bánh giá Chợ Giồng,…

**17. Chợ Xóm Thủ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa bàn cư trú (Xóm: điểm quần cư nhỏ nhất ở nông thôn) + Vị tí đứng đầu (Thủ: ý chỉ năm 1791, Ngô Tùng Châu, người cư trú ở đây, thi đậu thủ khoa khoa thi năm Tân Hợi ở Trường thi Gia Định). Xóm Thủ là nơi cư trú của thủ khoa Ngô Tùng Châu.

Chợ loại 3, ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**18. Chợ Yên Luông**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Yên Luông).

Chợ loại 3, ở xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

 **1.** **Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Thìn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (NguyễnVăn Thìn).

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733535360

Trang thông tin điện tử:http://nguyenvanthin.tiengiang.edu.vn/trang-chu

Email: c3nguyenvanthin.tiengiang@moet.edu.com.vn

Năm 1989, Trường Phổ thông trung học dân lập Vĩnh Bình được thành lập theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 1989 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 1993, trường được thay đổi loại hình thành Trường Phổ thông trung học bán công Vĩnh Bình.

Năm 2008, trường chuyển đổi từ loại hình trường bán công thành trường công theo Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh với tên gọi là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Thìn. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# NGUYỄN VĂN THÌN

**(1904 – 1930)**

Nguyễn Văn Thìn, có các bí danh là Bảy Phòng, Phong và Công, sinh năm 1904 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nho học có truyền thống yêu nước.

Năm 1924, ông tham gia hoạt động trong Hội Thánh - một tổ chức yêu nước tiến bộ ở Gò Công - do Nguyễn Văn Côn đứng đầu. Trong thời gian này, ông thường xuyên tiếp xúc với các nhóm thanh niên yêu nước ở Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Cần Thơ,… Đồng thời, ông còn tổ chức cho một số thanh niên tiến bộ ở Gò Công lên Sài Gòn nghe các nhà yêu nước Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh diễn thuyết.

Đầu năm 1927, ông được Hội Thánh đưa sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện về con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN) do Hồ Chí Minh thành lập. Ông là chiến sĩ cách mạng đầu tiên và duy nhất ở Gò Công được huấn luyện bài bản ở Quảng Châu; được gặp và trực tiếp nghe Hồ Chí Minh giảng bài.

Sau khi mãn khóa học, tháng 9-1927, ông trở về Gò Công, tuyên truyền cách mạng, kết nạp nhiều thanh niên tiên tiến vào tổ chức HVNCMTN; và trên cơ sở đó, thành lập Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đồng thời, ông còn phụ trách việc giao thông liên lạc của Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ. Tháng 5-1928, ông là Kỳ ủy viên chính thức của Kỳ ủy Nam Kỳ. Đến cuối năm 1928, ông làm công tác vận động phong trào công nhân ở Nam kỳ.

Tháng 5-1929, ông cùng với Bí thư Kỳ ủy Phạm Văn Đồng và Kỳ ủy viên Châu Văn Liêm thay mặt Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của HVNCMTN được tổ chức ở Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, ông có bài tham luận ủng hộ đề nghị của đoàn đại biểu Kỳ ủy HVNCMTN Bắc Kỳ là nên gấp rút xúc tiến việc thành lập Đảng Cộng sản nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở Việt Nam tiến lên. Tuy nhiên, đề nghị trên không được Đại hội chấp thuận, nên đoàn đại biểu Bắc Kỳ trở về nước và thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSĐ) vào tháng 6-1929. Đánh giá cao sự ủng hộ của ông, những người lãnh đạo ĐDCSĐ đã đề cử ông vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng; đồng thời, ghi nhận ông là một trong những người thành lập ĐDCSĐ.

Trước sự chuyển biến mới của tình hình cách mạng ngày càng sôi nổi trên toàn quốc, Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ ráo riết công tác chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản. Nhưng giữa lúc đó, nhiều cán bộ trọng yếu của Kỳ ủy bị thực dân Pháp bắt. Để củng cố lực lượng cách mạng, ông đã cùng với một số cán bộ có uy tín còn lại của Kỳ ủy gặp gỡ đại diện của ĐDCSĐ ở Nam Kỳ bàn việc thống nhất các tổ chức Đảng.

Thế nhưng, cuộc thảo luận đó không đạt được sự nhất trí. Không thể chần chờ được nữa, ông cùng với Phan Trọng Bình, nguyên Bí thư Kỳ ủy, Châu Văn Liêm, Kỳ ủy viên,… thành lập An Nam Cộng sản Đảng vào tháng 8-1929.

Sau đó, vào giữa tháng 8-1929, ông bị chính quyền thực dân bắt tại Sài Gòn. Ở trong tù, mặc dù bị tra tấn vô cùng dã man, nhưng ông vẫn giữ tròn khí tiết của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Ở trong nhà tù của đế quốc, tháng 02-1930, ông vô cùng phấn khởi và tự hào khi nhận được tin Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Ước vọng cao đẹp của ông đã trở thành hiện thực. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã được đặt dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, đứng đầu là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Hồ Chí Minh.

Đến tháng 8-1930, ông bị tòa án thực dân kết án tử hình. Hai mươi sáu tuổi đời, ông đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Tây; tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây và ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên, nam: 08, nữ: 06; Chi ủy: 03, nam: 03, nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02, nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 35 viên, nam: 18, nữ: 17. Đoàn thanh niên: 395 đoàn viên, nam: 190, nữ: 205.

Tổng số viên chức: 35; nam: 18, nữ: 17. Tổng số giáo viên: 30; nam: 13; nữ: 17. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 28; Trình độ khác 05

Tổng số học sinh: 684; nam: 346; nữ: 338.

Tổng diện tích: 12.130 m2; diện tích sử dụng: 7.088 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, Phòng làm việc 12; Phòng học 18; Phòng thí nghiệm 03; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01 nhà đa năng; Nhà vệ sinh: 24 phòng; căn tin, nhà xe.

 **2.** **Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vĩnh Bình).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 838 342

Trang thông tin điện tử: <http://thptvinhbinh.tiengiang.edu.vn/>

Email: c3vinhbinh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1962, Trường Trung học công lập Hòa Đồng được thành lập. Năm học 1975-1976, năm học đầu tiên sau Ngày giải phóng miền nam (30/4/1975), khối cấp 3 (lớp 10, 11, 12) và một số giáo viên đã tách về Trường Cấp 3 Trương Định (thị xã Gò Công), khối cấp 2 (từ lớp 6 lớp 9) ở lại và trường được mang tên là Trường Cấp 2 Vĩnh Bình. Năm học 1976-1977, khối cấp 3 được tái lập, trường được mang tên là Trường Cấp 3 Vĩnh Bình. Năm 1992, Trường Trung học cơ sở Vĩnh Bình I được sáp nhập vào vào Trường Phổ thông trung học Vĩnh Bình. Theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trường Phổ thông trung học Vĩnh Bình được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục;; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2005, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2011; Chính phủ 3 lần tặng Cờ thi đua năm học 2008-2009, 2009-2010, 2011-2012.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Vĩnh Bình.

​Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 49 đảng viên; nam: 27, nữ: 22; Đảng ủy: 07; nam: 05, nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 95 công đoàn viên; nam: 47, nữ: 48. Đoàn thanh niên: 1.352 đoàn viên, nam: 491, nữ: 861.

 Tổng số viên chức: 86; nam: 42, nữ: 44. Tổng số giáo viên: 82, nam: 41, nữ: 41. Thạc sĩ: 10. Đại học: 73. Cao đẳng: 01. Trung cấp: 02. Lao động phổ thông (Bảo vệ, tạp vụ): 09

Tổng số học sinh: 1.845; nam: 731, nữ:1.114

Tổng diện tích: 37.469 m2Diện tích sử dụng: 37.469 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy 04 tầng; Phòng làm việc: 21; Phòng học bộ môn: 16, Phòng học truyền thống: 32; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 03; Khu thể thao: 04 (sân bóng đá lớn, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, sân tenis), 01 nhà đa năng, hồ bơi; Nhà vệ sinh: 12 khu.

**Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**1.Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Đoàn Trần Nghiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Trần Nghiệp)

Địa chỉ: Ấp Bình Lạc, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 891058

Trang thông tin điện tử: doantrannghiep.tiengiang.edu.vn

Email: c23phuthanhgct.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học cơ sở Phú Thành được thành lập theo Quyết định số 128/QĐ-UB ngày 28/6/1993 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 2019, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phú Thành được thành lập theo Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Năm 2021, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thôngPhú Thành được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thôngĐoàn Trần Nghiệp theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**ĐOÀN TRẦN NGHIỆP**

**(1932 – 2005)**

Đoàn Trần Nghiệp, tên thật là Đoàn Văn Bộ, sinh năm 1932 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1845, ông tham gia cách mạng, là chiến sĩ liên lạc; sau đó, ông được đề bạt làm Đội trưởng Giao thông liên lạc thuộc Ban Quân báo tỉnh Gò Công. Do đạt được nhiều thành tích trong công tác, năm 1949, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1951, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam ở Khám số 7 Mỹ Tho. Ở trong tù, mặc dù bị hành hạ cực hình, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Cuối năm 1952, ông được trả tự do và tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1953, ông được phân công làm Tổ trưởng tổ Đảng, Xã đội phó Xã đội Tân Thới.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1955, ông là Chi ủy viên Chi bộ xã Tân Thới, Bí thư Xã đoàn, Phó ban Tuyên huấn xã. Năm 1956, mặc dù chính quyền Sài Gòn tăng cường đánh phá cách mạng, nhưng với cương vị là Bí thư Chi bộ xã Tân Thới, ông đã kiên cường bám trụ, ra sức xây dựng cơ sở Đảng và chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Năm 1959, thi hành Luật 10/59, chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh việc lùng bắt cán bộ cách mạng ở cơ sở, nên ông phải đi điều lắng ở xã Ngãi Giao, huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa (nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Cuối năm 1960, ông trở về quê, tham gia phong trào Đồng Khởi ở xã Tân Thới, huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây).

Tháng 1-1961, ông được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Tân Thới. Tháng 3-1961, ông là Huyện ủy viên phụ trách Quân sự huyện Hòa Đồng. Năm 1962, ông là Phó Bí thư Huyện ủy Hòa Đồng. Năm 1965, ông là Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội Hòa Đồng. Năm 1970, ông là Tỉnh ủy viên dự khuyết tỉnh Gò Công, Bí thư Huyện ủy Hòa Đồng. Trong thời gian này, ở tỉnh Gò Công nói chung, huyện Hòa Đồng nói riêng, địch tạm thời chiếm được đất, nắm được dân, bắt được lính, xây dựng và củng cố bộ máy kìm kẹp, ra sức vơ vét để phục vụ cho kế hoạch bình định.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung vào việc tiếp tục củng cố tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chống chiêu hồi, chiêu hàng, ra sức khắc phục khó khăn, kiên trì bám trụ, nắm cơ sở nòng cốt, phát triển cơ sở binh vận, hướng dẫn quần chúng đấu tranh để giữ thế hợp pháp, đồng thời tổ chức quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống bắt dân đi đốn phá địa hình,… Nhờ vậy, lực lượng vũ trang của huyện kết hợp với các xã tổ chức đánh bọn bình định, giải tán phòng vệ dân sự, phá lỏng bộ máy kìm kẹp, vũ trang tuyên truyền, thu tài chính, tạo thế và lực cho cách mạng, tiến lên tấn công địch trong chiến dịch Nguyễn Huệ trong dịp xuân hè năm 1972, gây cho địch nhiều thiệt hại

Năm 1973, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Gò Công, Bí thư Thị ủy Gò Công. Ở cương vị này, ông và Ban Thường vụ Thị ủy ra sức xây dựng lực lượng chính trị, đẩy mạnh đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Paris, đòi quyền lợi thiết thân cho quần chúng; đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh binh vận, sử dụng mọi lực lượng và mọi hình thức giáo dục, tuyên truyền cho binh sĩ địch nhằm phá hỏng, phá rã về mặt tư tưởng, tổ chức của địch. Từ đó, phong trào các mạng ở thị xã Gò Công được phục hồi và ngày càng phát triển.

 Năm 1974, ông được cử đi học Trường Nguyễn Ái Quốc rồi đi chữa bệnh tại Hà Nội và Cộng hòa dân chủ Đức. Năm 1976, ông trở về nước, đảm nhận chức vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Tiền Giang, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công (bao gồm thị xã Gò Công, các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây và Tân Phú Đông ngày nay). Năm 1979, khi huyện Gò Công Tây được thành lập, ông là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Gò Công Tây. Năm 1980, ông là Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thủy sản Tiền Giang. Năm 1987, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công ty liên hiệp xuất - nhập khẩu Tiền Giang; sau là Giám độc Sở Thương nghiệp - xuất nhập khẩu Tiền Giang. Năm 1989, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kinh tế đối ngoại Tỉnh ủy.

Năm 1991, ông được nghỉ hưu trí. Năm 1995, do lâm trọng bệnh, ông qua đời tại quê nhà. Tên ông - Đoàn Trần Nghiệp - được đặt tên trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; Chi ủy: 05, nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 865; nam: 440; nữ: 425.

Tổng số viên chức: 50; nam: 22; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 44; nam: 19; nữ: 25. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trình độ khác: 03.

Tổng số học sinh: 1.196; nam: 383, nữ: 613.

Tổng diện tích: 18.229,9m2; diện tích sử dụng: 7.134,0m2

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 10; Phòng học: 32; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 05; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu. Căn tin và nhà xe.

**2.Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Long Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình).

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 830 050

Trang thông tin điện tử: http: //longbinh.tiengiang.edu.vn

Email: c3longbinh.tiengiang@moet.edu.vn

 Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Long Bình và Phổ thông trung học Long Bình được thành lập. Năm 1990, hai trường này được hợp nhất thành Trường Trung học phổ thông Long Bình. Năm 2015, Trường Trung học phổ thông Long Bình được tách thành hai trường: Trường Trung học cơ sở Long Bình và Trường Trung học phổ thông Long Bình. Năm 2018, hai trường lại được hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Long Bình.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Long Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 36 đảng viên; nam: 13; nữ: 23; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 76 công đoàn viên; nam: 33; nữ: 43. Đoàn thanh niên: 301 đoàn viên; nam: 122; nữ: 179. Đội Thiếu niên: 682 đội viên; nam: 348; nữ: 334.

Tổng số viên chức: 76; nam: 33; nữ: 43. Tổng số giáo viên: 69; nam: 31; nữ: 38. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 52; Cử nhân (cao đẳng): 14. Tổng số học sinh: 1.465; nam: 705; nữ: 760.

Tổng diện tích: 32.617 m2 (tại ấp Thới Hòa 20.056 m2, tại ấp Khương Ninh 12.561 m²); diện tích sử dụng: 26.617m² (tại ấp Thới Hòa 16.056 m2, tại ấp Khương Ninh 10.561 m²)

Cơ sở vật chất:

\* Điểm tại ấp Thới Hòa

Có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, Phòng làm việc: 07; Phòng học: 20; Phòng thí nghiệm: 06 ; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 10 phòng.

\* Điểm tại ấp Khương Ninh

Có 01 dãy lầu gồm 01 tầng trệt và 01 tầng Lầu: 01, Phòng làm việc: 07; Phòng học: 18; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 06 phòng.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Bảy).

Địa chỉ: ấp Bình An, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733545413

Email: c2vinhhuugocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học cơ sở Vĩnh Hựu được thành lập sau năm 1975. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy theo Quyết định số 5148/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN THỊ BẢY**

**(1908 - 1941)**

Nguyễn Thị Bảy, tên thật là Nguyễn Thị Lục, thường gọi là Bảy Lục, còn có tên khác là Nguyễn Thị Lụa, sinh năm 1908 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tuy gia đình nghèo và cha mẹ mất sớm; nhưng do có tư chất thông minh và hiếu học, nên bà được sư Thiện Chiếu ở chùa Linh Tuyền (Vĩnh Hựu) dạy chữ Nho và chữ Quốc ngữ. Lúc bấy giờ, làng Vĩnh Hựu là địa phương có phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra rất sôi nổi, lại được sự giáo dục của nhà sư yêu nước Thiện Chiếu, nên bà tham gia tổ chức cách mạng Cộng hòa hội do Đặng Vương Tá làm Hội trưởng.

Sau đó, do tổ chức Cộng hòa hội bị thực dân Pháp đàn áp, nên bà di chuyển đến Rạch Giá lao động sinh sống. Một thời gian sau, để tránh sự truy bức của chính quyền thực dân, bà lại chuyển cư đến sinh sống tại làng Phước Vĩnh Đông, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Tại đây, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Ớt là đảng viên cộng sản.

Được chồng giáo dục, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, năm 1932, bà tham gia cách mạng tại Cần Giuộc với nhiệm vụ là làm giao liên, rải truyền đơn,… Do đạt được thành tích xuất sắc trong công tác, bà vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng giao cho phụ trách ba xã của huyện Cần Giuộc là Phước Vĩnh Đông, Phước Lại và Long Hậu Tây. Với sự năng nỗ, nhiệt tình, bà đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở ba xã này; đưa ba xã từ chỗ yếu kém vươn lên thành nơi có phong trào đấu tranh cách mạng mạnh nhất của huyện Cần Giuộc, khiến chính quyền thực dân vô cùng lo ngại, gọi đó là “khu vực Đỏ”.

Năm 1934, bà được cấp trên chỉ định vào Ban Chấp hành Huyện ủy Cần Giuộc. Lúc bấy giờ, địch tăng cường, đàn áp và khủng bố phong trào cách mạng ở địa phương. Tuy nhiên, bà vẫn không sợ hy sinh, gian khổ, chịu khó đi khắp vùng nông thôn huyện Cần Giuộc, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với quần chúng lao khổ nhằm tuyên truyền cách mạng, xây dựng cơ sở trong giới dân cày và phụ nữ và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, như giảm thuế, giảm giờ làm, tăng tiền ngày công,...

Năm 1936, bà được Tỉnh ủy Chợ Lớn chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc. Chấp hành chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ đạo của Tỉnh ủy Chợ Lớn, bà chỉ đạo thành lập các Ủy ban Hành động cấp huyện và cấp xã để vận động nhân dân đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ; tiêu biểu là cuộc đấu tranh “Đòi quyền lợi cho nông dân” diễn ra rất sôi nổi vào giữa năm 1936.

Năm 1937, bà được cấp trên phân công hoạt động ở Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Nhưng, ít lâu sau, bà bị địch bắt; nhưng do không có đủ chứng cớ để buộc tội, nên bọn chúng đành phải thả ra. Bà trở về Cần Giuộc tiếp tục hoạt động. Năm 1939, bà được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Chợ Lớn, Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc.

Đầu năm 1940, bà trực tiếp tổ chức và chỉ huy một cuộc biểu tình lớn ở huyện lỵ Cần Giuộc với sự tham gia của 500 quần chúng, đòi thực dân Pháp không được bắt thanh niên Việt Nam đi lính và phản đối đưa binh lính người Việt ra mặt trận trong cuộc chiến tranh giữa thực dân Pháp ở Đông Dương với nhà cầm quyền quân phiệt Thái Lan. Cuộc biểu tình đã giành được thắng lợi, gây tiếng vang lớn trong tỉnh Chợ Lớn và các tỉnh lân cận, tạo được niềm tin cho quần chúng về sức mạnh đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 23-11-1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, bà được phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Cần Giuộc. Bấy giờ, trụ sở của Ban Khởi nghĩa đặt tại đình xã Phước Lại. Tại đây, bà đã chỉ huy cuộc khởi nghĩa nổ ra rất mãnh liệt ở trong toàn huyện, khiến cho chính quyền cơ sở của thực dân Pháp ở nhiều xã bị tê liệt, những tên địa chủ, hội tề ác ôn, có nợ máu với quân chúng nhân dân bị trừng trị.

Nhưng sau đó ba ngày, thực dân Pháp tung lực lực lượng hùng hậu đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Binh lính địch tiến vào xã Phước Lại và nhiều xã khác đốt phá, cướp của, bắt và xử bắn nhiều người nhằm khủng bố tinh thần của nhân dân ta. Tuy vậy, bà và cùng với tập thể Ban Khởi nghĩa vẫn kiên cường bám trụ địa bàn, tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu chống giặc, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong khi lực lượng nghĩa quân ngày càng hao hụt do hy sinh trong khi đối mặt với kẻ thù, lại thiếu thốn vũ khí, lương thực; thì quân địch lại được tiếp viện đông đảo. Trước tình thế khó khăn đó, ngày 08-12-1940, bà ra lệnh cho nghĩa quân rút vào rừng Sác để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ mới. Nhưng khi đến Rạch Gần, nghĩa quân đã mưu trí phục kích và bắt sống chiếc ghe tuần tra của địch do Hương quản Tuấn và Hương hào Ngà chỉ huy, tịch thu được một khẩu súng. Có thêm vũ khí, bà quyết định tổ chức cho nghĩa quân quay trở lại tiếp tục chiến đấu.

Ngày 14-12-1940, bà cùng với một đồng chí đi công tác ngang qua bến đò Long Đức Đông, cách thị trấn Cần Giuộc khoảng 1 km. Lúc bấy giờ, bọn lính lê dương cũng vừa triển khai lực lượng đi càn quét. Gặp địch, bà và đồng đội không còn cách nào khác là nổ súng chiến đấu. Do quân địch giữ thế áp đảo, nên đồng chí đi cùng đã anh dũng hy sinh; còn bà thì sau khi tiêu hủy hết tài liệu đã bị bọn chúng bắt được.

Sau đó, bà bị địch giam giữ tại nhà tù Cần Giuộc rồi trại giam Pô lô, một chi nhánh của trại giam lớn nhất Nam kỳ Catina (Sài Gòn). Tại trại giam Pô lô, dù bị tra tấn dã man, nhưng bà luôn tỏ thái độ hiên ngang, kiên cường, bất khuất, dũng cảm trước kẻ thù. Do đó, bọn cai ngục ở đây rất nể sợ, đặt biệt hiệu cho bà là “Bà Hoàng hậu”. Tiếp theo, thực dân Pháp đưa bà vào khám lớn Sài Gòn, giam chung với Bí thư Thành ủy Sài Gòn Nguyễn Thị Minh Khai. Tại đây, dưới sự chỉ đạo của bà Nguyễn Thị Minh Khai, bà đã tổ chức cho nữ tù chính trị đấu tranh đòi địch phải cải thiện chế độ lao tù. Khi bà Nguyễn Thị Minh Khai bị biệt giam, bà đã chỉ đạo thành lập Ban Trật tự nhà lao nhằm động viên, giáo dục nữ tù chính trị giữ vững khí tiết cách mạng, đoàn kết đấu tranh chống địch tra tấn, khủng bố, bảo vệ lẫn nhau. Tuy bị bọn cai ngục hành hạ, đánh đập dã man, nhưng bà luôn lạc quan, tin tưởng ngày mai tươi sáng của cách mạng.

Khiếp sợ trước ý chí gang thép của của người nữ chiến sĩ cộng sản, ngày 04-5-1941, thực dân Pháp đưa bà ra xử bắn tại sân banh huyện Cần Giuộc (nay là công viên Nguyễn Thị Bảy) cùng với 4 đồng chí khác trong sự tiếc thương và khâm phục của đồng bào huyện nhà. Trước phút ngã xuống vì nước, vì dân, bà đã hô vang khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp.

- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm.

- Việt Nam độc lập muôn năm.

Bà đã vị quốc vong thân khi vừa tròn 33 tuổi. Ngày 23-2-2010, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 05/6/2015, bà được nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bà là một cán bộ cách mạng trung kiên, bất khuất, suốt đời chiến đấu cho lý tưởng giải phóng dân tộc, đón nhận cái chết vì nước, vì dân nhẹ tợ lông hồng, gieo niềm tin về sự tất thắng của cách mạng cho hậu thế.

Tên bà được đặt tên cho công viên, trường trung học cơ sở và một con đường tại thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; tên đường ở thành phố Tân An, tỉnh Long An; tên trường tiểu học ở xã Vĩnh Hựu và tên đường tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; trong đó nam: 07; nữ: 12; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên. Đội thiếu niên: 750 đội viên.

Tổng số giáo viên: 40, trong đó nam: 14; nữ: 26. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (Cao đẳng): 19.

Tổng số học sinh: 750; trong đó nam: 375; nữ: 375.

Tổng diện tích: 7.641,9 m²; diện tích sử dụng: 1.088 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 01; Phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 1.300 m²; khu thể thao: 500 m²; nhà vệ sinh: 02 khu.

**2. Trường Trung học cơ sở Võ Đăng Được**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Đăng Được).

Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.996 077

Trang thông tin điện tử: [http://thcsdongthanh.pgdgocongtay.edu.vn](http://thcsdongthanh.pgdgocongtay.edu.vn/)

Email: c2dongthanhgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học cộng đồng Đồng Sơn được thành lập khoảng thập niên 1960. Năm 1970, trường đổi tên thành Trường Trung - Tiểu học Đồng Sơn, Sau năm 1975, trường được gọi là Trường Phổ thông cơ sở Đồng Thạnh. Năm 1989, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 2 Đồng Thạnh. Năm 1994, trường được gọi là Trường Trung học cơ sở Đồng Thạnh. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Đăng Được theo Quyết định số 5150a/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

### VÕ ĐĂNG ĐƯỢC

**(? - 1863)**

Võ Đăng Được chưa rõ năm sinh, người thôn Đồng Sơn, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, từng theo Chủ tướng đánh nhiều trận với quân đội viễn chinh Pháp. Trong một trận đánh ác liệt ở Tân An (Long An), do quân địch có hỏa lực mạnh nên nghĩa quân tạm thời rút lui. Lúc đó, tuân theo mệnh lệnh của Trương Định, ông chỉ huy một cánh quân lui về Đồng Sơn, củng cố lực lượng, xây dựng căn cứ, tích trữ lương thực và vũ khí nhằm tạo thành một phòng tuyến, bảo vệ căn cứ Gò Công từ hướng tây bắc.

Tháng 02/1863, thực dân Pháp huy động lực lượng thủy quân lục chiến người Pháp, lính Tagal (lính đánh thuê người Philippines), lính phu người Trung Quốc, pháo binh, công binh dưới sự yểm trợ của pháo hạm L’Européen mở cuộc tiến công đại quy mô vào chiến lũy Đồng Sơn. Mặc dù có sự chênh lệch lớn về quân số và vũ khí, nhưng ông đã cùng với nghĩa quân chiến đấu rất kiên cường, dũng cảm, nhằm chặn bước tiến của địch. Sau đó, quân giặc phải sử dụng pháo hạng nặng để công phá. Cuối cùng, căn cứ bị tan vỡ; và ông đã anh dũng hy sinh tại trận tiền.

Ngưỡng phục và kính thương người anh hùng nông dân đã ngã xuống vì đại nghĩa, nhân dân địa phương và gia đình của ông đã lập một ngôi miếu thờ ông, được gọi là Dinh Ông. Đồng thời, đồng bào ở trong vùng cũng kiêng kỵ không gọi tên của ông, từ “Được” được gọi trại thành “Đặng”.

Hiện nay, phần mộ và dinh Ông tọa lạc tại xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Trước cửa dinh có khắc hai câu đối:

*Tạc gia đúc mộ cha vừa ý.*

# *Tạo núi xây thành chẳng xứng công.*

Tên ông được đặt tên trường trung học học cơ sở ở xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; trong đó nam: 13; nữ: 13; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đàn viên. Đoàn thanh niên: 44 đoàn viên. Đội thiếu niên: 1.042 đội viên.

Tổng số giáo viên: 45; trong đó nam: 22; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 23. Tổng số học sinh: 1.079l; trong đó nam: 572; nữ: 507.

Tổng diện tích: 8.551 m2; diện tích sử dụng: 8.551 m2. Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 05; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; nhà vệ sinh: 03 khu.

**3. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thanh Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thanh Sơn).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733838587

Trang thông tin điện tử: thcsthanhtri.tiengiang.edu.vn

Email:c2thanhtrigocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

6. Lịch sử trường:

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Trị 1 và Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Trị 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 1991, hai trường hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Thạnh Trị. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thanh Sơn. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN THANH SƠN**

**(1927 - 2006)**

Nguyễn Thanh Sơn (Ba Sơn), tên thật là Nguyễn Tấn Phước, sinh năm 1927, tại xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, trong một gia đình nông dân nghèo.

Tháng 8/1945, ông tham gia cách mạng; sau đó, ông thoát ly gia đình, làm đội viên đội du kích Yên Bái, tỉnh Sa Đéc, rồi lần lượt trải qua các nhiệm vụ như: phân đội trưởng thanh niên Cứu quốc, tiểu đội trưởng du kích xã Tân Quy Tây. Tháng 7/1947, ông gia nhập bộ đội địa phương tỉnh Sa Đéc. Năm 1949, do đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1950, ông được cấp trên cử đi học lớp bổ túc Trung đội trưởng khóa 9 do Quân khu 8 tổ chức. Từ năm 1950 đến năm 1952, ông là Trung đội trưởng thuộc Đại đội 981, Quân khu 8 tham gia chiến đấu trên chiến trường Mộc Hóa.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, là Chính trị viên phó Đại đội 2, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 2 thuộc Sư đoàn 338. Năm 1960, ông làm Chính trị viên Đại đội sản xuất, rồi làm Quản đốc Nông trường sản xuất của Quân đội. Năm 1963, ông tình nguyện trở về miền Nam chiến đấu và được phong quân hàm Thượng úy, lần lượt giữ các chức vụ Tham mưu phó rồi Tham mưu trưởng tỉnh Kiến Tường (nay thuộc tỉnh Long An). Tháng 8/1968, sau khi tham gia lớp học Quân sự trung cấp, ông được cử làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Gò Công. Năm 1971, ông là quyền Tỉnh đội trưởng. Năm 1972, ông được thăng quân hàm đại úy, giữ chức vụ Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Gò Công. Từ năm 1973 đến năm 1974, ông tham gia học lớp quân sự trung cao cấp do Trung ương Cục miền Nam tổ chức. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975, ông cùng với Ban Chỉ huy Tỉnh đội chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Gò Công mạnh mẽ tiến công địch, góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Gò Công vào trưa ngày 30/4/1975.

Sau 30/4/1975, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho được hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang, ông được cử làm làm Chính trị viên Huyện đội Gò Công. Năm 1976, ông được thăng quân hàm thiếu tá, đảm nhận chức vụ Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, ông tham gia chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Tiền Giang chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, rồi làm nghĩa vụ quốc tế giúp bạn Campuchia ở hai tỉnh Tà Keo và Pua Sát. Năm 1981, sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, ông được cấp trên điều về nước và phong quân hàm trung tá, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Năm 1987, ông nghỉ hưu trí. Năm 2006, ông lâm trọng bệnh và qua đời.

Trong quá trình chiến đấu, ông đã được Đảng, Nhà nước và Quân đội tặng thưởng Huân chương Quân công hạng II, Huân chương Độc lập hạng III, Huân chương Chiến công hạng I, Huân chương Giải phóng hạng I, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng I, Huân chương Chiến thắng hạng III, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng I, II, III, Huy chương Giải phóng hạng I, II, III, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng, Huy hiệu Thành Đồng Tổ quốc, Huy hiệu 40 năm và 50 năm tuổi Đảng. Tên ông được tên trường trung học cơ sở ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; trong đó nam: 10; nữ: 16; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên. Đội thiếu niên: 791 đội viên.

Tổng số giáo viên: 35, trong đó nam: 15; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (cao đẳng): 14. Tổng số học sinh: 791 trong đó nam: 386; nữ: 405

Tổng diện tích: 5.500 m²; diện tích sử dụng: 5.500 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 02, phòng học: 10, phòng thí nghiệm: 3, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 03 ; thư viện: 01, sân chơi: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

**4. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đắc Thắng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đắc Thắng).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 997 066

Email: c2thanhnhutgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập sau năm 1975 với tên gọi là Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Nhựt. Năm 1991, trường được tách ra thành hai cấp tiểu học và trung học học cơ sở. Cấp trung học cơ sở là Trường Trung học cơ sở Thạnh Nhựt. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đắc Thắng. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

## NGUYỄN ĐẮC THẮNG

**(1924 – 1983)**

Nguyễn Đắc Thắng có tên khai sinh là Nguyễn Văn Tấn, bí danh là Nguyễn Chí Tâm, sinh năm 1924 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng vào tháng 8-1945 tại Mỹ Phong trong lực lượng thanh niên tiền phong. Từ năm 1946, ông hoạt động trong phong trào thanh niên, giữ chức Xã đoàn phó rồi Xã đoàn trưởng xã Mỹ Phong. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ năm 1950-1954, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ trong Đảng, quân đội, chính quyền từ cấp huyện đến tỉnh.

Sau năm 1954, ông ở lại miền Nam công tác. Năm 1965, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho chỉ định giữ chức vụ Trưởng ban An ninh tỉnh (nay là Công an Tiền Giang). Dưới sự chỉ đạo của ông, các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc An ninh tỉnh được củng cố, bổ sung; đồng thời, công tác phân công cán bộ cũng được chỉnh đốn, các bộ phận điệp báo, bảo vệ chính trị được nâng chất. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chiến đấu trên địa bàn tỉnh nhà, theo yêu cầu của An ninh Trung ương Cục miền Nam, ông và ban lãnh đạo an ninh tỉnh đã trích xuất, đưa về trên 2 đại đội an ninh vũ trang, góp phần xây dựng lực lượng an ninh vũ trang toàn Miền ngày càng lớn mạnh.

Giữa năm 1966, ông được Tỉnh ủy phân công về hoạt động ở Gò Công. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Gò Công bị địch đánh phá vô cùng ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn kiên trì bám chặt cơ sở, xây dựng mạng lưới an ninh, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công tác chống phá bình định mà địch đang ráo riết tiến hành ở địa bàn này.

Tháng 8-1968, Tỉnh ủy Gò Công chính thức được tái lập, ông được cử làm Phó bí thư Tỉnh ủy. Tháng 6-1969, ông được Khu ủy Khu 8 chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Sau đó, ông chủ trì nhiều hội nghị Tỉnh ủy nhằm đề ra các phương châm, phương thức công tác phù hợp với từng vùng địa bàn. Theo đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các Huyện ủy, chi bộ tổ chức bám trụ địa bàn; cán bộ, du kích bám trụ trong dân, xây dựng thế tiến công mới, sẵn sàng thực hiện các đợt tấn công theo kế hoạch hiệp đồng của cấp trên. Nhờ vậy, cuộc chiến đấu của quân dân Gò Công vượt qua những khó khăn, thử thách, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Tháng 8-1971, ông chủ trì hội nghị quán triệt Chỉ thị 01/71 của Trung ương Cục do Tỉnh ủy tổ chức, nhằm chuyển hướng phương châm, phương thức tổ chức hoạt động, xúc tích chuẩn bị lực lượng, tiếp tục chống phá kế hoạch bình định mới của địch. Từ đó, ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở lớp huấn luyện Võ Duy Linh để đào tạo chi ủy viên cho các chi bộ cơ sở; đồng thời, chấn chỉnh lại bộ máy lãnh đạo, tổ chức thành 4 ban cán sự vùng và ban cán sự thị xã để đảm bảo tính gọn nhẹ, chỉ đạo cơ sở được sâu sát và kịp thời.

Liên tục trong hai tháng 3 và tháng 4-1972, dưới sự chủ trì của ông, Tỉnh ủy Gò Công tổ chức học tập Chỉ thị 13/71 và Chỉ thị 01/72 của Trung ương Cục, quán triệt quyết tâm tiến công địch, chống phá bình định cho tất cả cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và quần chúng nòng cốt trong toàn tỉnh. Dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân dân Gò Công anh dũng tiến công địch, giành được nhiều thắng lợi vang dội, tiêu biểu là chiến thắng Đồng Sơn ngày 26 và 27-7-1972.

Sau khi hiệp định Paris được ký kết (27-01-1973), ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho lực lượng vũ trang của tỉnh kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của quân đội Sài Gòn. Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1973, ông chủ trì hội nghị của Tỉnh ủy về việc học tập và thảo luận nghị quyết, chỉ thị mới của Trung ương Cục và của Khu ủy. Từ đó, nâng cao quyết tâm tiến công địch trên các mặt chính trị, quân sự, binh vận, kinh tế cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng trong tình hình mới. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển thuận lợi và mạnh mẽ.

Đầu tháng 4-1975, tình hình cách mạng miền Nam có chuyển biến mới vô cùng thuận lợi. Ngày 15-4-1975, ông chủ trì hội nghị Tỉnh ủy mở rộng. Tại hội nghị, ông đã báo cáo tình hình phát triển nhảy vọt của cách mạng, thời cơ để giải phóng miền Nam đã trở bên chín muồi hơn bao giờ hết; đồng thời, ông cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ tự lực giải phóng quê hương của Gò Công; và nhiệm vụ này được tiến hành theo phương châm tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiến tới xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh bằng thực lực của lực lượng vũ trang tại chỗ và phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Với chức trách Bí thư Tỉnh ủy, ông và ông Tỉnh đội trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy thống nhất trên toàn chiến trường Gò Công.

Chiều ngày 29-4-1975, ông di chuyển sang mảng bắc Gò Công, họp với ban chỉ huy mảng để đẩy mạnh tiến công vào mục tiêu số 1: thị xã Gò Công. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, ngay sau khi tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng cách mạng không điều kiện, ông đã kịp thời ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và chính trị tiến thẳng vào chiếm các điểm then chốt của địch, nhanh chóng giải phóng quê hương. 15 giờ cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên cột cờ trước dinh tỉnh trưởng và tòa hành chánh tỉnh Gò Công, báo hiệu tỉnh Gò Công đã được hoàn toàn giải phóng.

Sau ngày toàn thắng 30-4-1975, ông đã cùng với tập thể Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gò Công ra sức lãnh và chỉ đạo công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và TP Mỹ Tho hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang. Lúc bấy giờ, ông được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 1983, ông lâm trọng bệnh và qua đời. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn luôn thể hiện ý chí tiến công cách mạng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; mưu trí, sáng tạo, năng động, linh hoạt trong công tác lãnh đạo, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển mạnh mẽ, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh Gò Công, cùng với toàn miền tạo nên chiến thắng ngày 30-4-1975, giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; trong đó nam: 10; nữ: 14; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 45 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên. Đội thiếu niên: 1.035 đội viên.

Tổng số giáo viên: 44, trong đó nam: 16; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 22.

Tổng số học sinh: 1.035, trong đó nam: 540; nữ: 495.

Tổng diện tích: 22.000 m2; diện tích sử dụng: 4.000 m2. Trường có lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 16 ; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 10.

**5. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Thiều).

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.838.108

Trang thông tin điện tử: thcsvinhbinh.tiengiang.edu.vn

Email:c2vinhbinhgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập tháng 9/1977 với tên gọi là Trường Cấp 2 Vĩnh Bình. Tháng 9/1978, trường hợp nhất với Trường Cấp 1 Vĩnh Bình 2 thành Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Bình 2. Năm 1987, trường tách ra thành Trường Trung học cơ sở Vĩnh Bình. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN VĂN THIỀU**

**(1907 – 1991)**

Nguyễn Văn Thiều có tên khai sinh là Nguyễn Thành Tú, sinh năm 1907, tại làng Vĩnh Viễn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1936, ông tham gia cách mạng, là cán bộ Mặt trận Dân chủ Đông Dương rồi Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương tại quê nhà. Tháng 12-1939, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1944, ông được cử làm Bí thư chi bộ xã Vĩnh Viễn. Tháng 8/1946, ông là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy; Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Tây, tỉnh Gò Công. Tháng 8-1949, ông là Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Bí thư Đảng đoàn, Thường vụ Liên Chi ủy chính quyền tỉnh Gò Công.

Đầu năm 1951, ba tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công hợp nhất thành tỉnh Mỹ Tho (còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò). Từ tháng 3-1951 đến tháng 12-1954, ông lần lượt giữ các chức vụ: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thường vụ Liên Chi ủy, Phó Ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tập kết cán bộ Dân chính Đảng tỉnh Mỹ Tho.

Tháng 12/1954, ông tập kết ra miền Bắc, công tác tại Ban Tổ chức Trung ương. Năm 1960, ông công tác tại Trường Cán bộ thống kê Trung ương, giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban Bảo vệ Đảng, Trưởng phòng Tổ chức. Năm 1964, ông được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 1991. vì tuổi cao sức yếu, ông đã từ trần tại xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình công tác, ông được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; trong đó nam: 10; nữ: 22; chi ủy: 05; trong đó nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03, trong đó; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 62 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 171 đoàn viên. Đội thiếu niên: 1.421 đội viên.

Tổng số giáo viên: 62, trong đó nam: 20; nữ: 42. Cử nhân (đại học): 37; Cử nhân (cao đẳng): 25. Tổng số học sinh: 1.421, trong đó nam: 693; nữ: 728.

Tổng diện tích: 10.264 m²; diện tích sử dụng: 10.264 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 03; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

**6. Trường Trung học cơ sở Huỳnh Xuân Việt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Xuân Việt).

Địa chỉ: Ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733830268

Trang thông tin điện tử: [www.thcsbinhtan.tiengiang.edu.vn](http://www.thcsbinhtan.tiengiang.edu.vn/)

Email: c2binhtangocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được xây dựng sau năm 1975, có tên là Trường THCS Bình Tân. Năm 2019, được đổi tên là Trường THCS Huỳnh Xuân Việt theo Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 23/11/2019 của UBND huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**HUỲNH XUÂN VIỆT**

**(1950 – 2002)**

Huỳnh Xuân Việt, tên thật là Huỳnh Văn Việt, sinh năm 1950 tại làng Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Năm 1964, ông giác ngộ tham gia cách mạng, làm nhân viên cứu thương; rồi được cử đi học lớp y tá do Quân y tỉnh Mỹ tho mở. Sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về Gò Công, công tác tại Quân y huyện Đông. Lúc bấy giờ, Gò Công là chiến trường rất ác liệt; nhưng ông vẫn dũng cảm bám trụ địa bàn, cùng với bộ đội tham gia nhiều trận đánh với vai trò y tá chiến trường, trực tiếp cứu chữa hàng trăm thương binh lẫn quần chúng là nạn nhân chiến cuộc. Năm 1969, ông được điều chuyển về làm y tá cho Văn phòng Huyện ủy huyện Đông.

Năm 1970, ông chuyển ngành, làm cán bộ cơ yếu cho Tỉnh ủy Gò Công. Được biết, công tác cơ yếu là công tác cơ mật đặc biệt, thuộc lĩnh vực an ninh, sử dụng nghiệp vụ mật mã, kỹ thuật mật mã và các giải pháp có liên quan để bảo vệ thông tin bí mật của cách mạng. Với đức tính cẩn thận, siêng năng, bảo mật, tuyệt đối trung thành với Đảng và nhân dân, ông đã liên tục hoạt động trên lĩnh vực này trong suốt 5 năm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo thông tin bí mật được thông suốt từ Khu ủy xuống Tỉnh ủy và từ Tỉnh ủy xuống các Huyện ủy. Đầu năm 1975, ông được cấp trên điều động sang Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Gò Công.

Tháng 4-1976, ông đảm nhận nhiệm vụ Thị ủy viên dự khuyết Thị ủy Gò Công, Bí thư Thị đoàn Gò Công. Tháng 3-1977, ông là Huyện ủy viên viên huyện Gò Công, Bí thư Huyện đoàn Gò Công. Lúc ấy, huyện Gò Công rất lớn, tương đương tỉnh Gò Công trước năm 1975. Với tư cách là Bí thư Huyện đoàn, ông đã cùng với tập thể Ban Chấp hành Huyện đoàn lãnh và chỉ đạo phong trào Đoàn và Thanh niên toàn huyện Gò Công thực hiện tốt nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho huyện nhà.

Tháng 3-1978, ông được cử đi học cao cấp chính trị tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc cơ sở II tại TP Hồ Chí Minh. Tháng 8-1980, ông hoàn tất khóa học, trở về địa phương công tác. Lúc này, huyện Gò Công được tách thành hai huyện: Gò Công Đông và Gò Công Tây. Ông giữ chức vụ Huyện ủy viên, Bí thư Huyện đoàn Gò Công Đông. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông, huyện Gò Công Đông là một trong những địa phương trong tỉnh có phong trào Đoàn và thanh niên phát triển mạnh nhất, tiêu biểu là các phong trào vận động thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, làm thủy lợi, tăng gia sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thực hiện nếp sống văn hóa mới, hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế gia đình,…

Tháng 2-1982, ông được bầu làm Huyện ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị trấn Gò Công (sau này là thị xã Gò Công) thuộc huyện Gò Công Đông. Tháng 3-1983, ông là ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban Kiểm tra Huyện ủy Gò Công Đông. Tháng 11-1984, là ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công Đông. Trong thời gian này, ông cùng với tập thể Đảng ủy tập trung công tác lãnh và chỉ đạo việc xây dựng thị trấn Gò Công phát triển vững mạnh về mọi mặt nhằm chuẩn bị cho việc thị trấn phấn đấu nâng cấp lên thị xã. Tháng 10-1986, ông được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy Gò Công Đông. Tháng 2-1987, thị trấn Gò Công được nâng cấp lên thành thị xã Gò Công. Tháng 3-1987, ông trúng cử Bí thư Thị ủy Gò Công.

Tháng 12-1991, với tư cách là Tỉnh ủy viên, ông được điều động đến công tác tại Liên đoàn lao động tỉnh. Tháng 2-1992, ông được Ban Chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh bầu làm Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh. Tháng 6-1993, tại Đại hội đại biểu Liên đoàn lao động tỉnh lần thứ V, ông được bầu làm Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh nhiệm kỳ 5 (1993 – 1998) kiêm Tỉnh ủy viên. Tháng 5-1996, ông được bầu làm ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời vẫn là Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh.

Trong nhiệm kỳ 5 của Liên đoàn lao động tỉnh, ông và tập thể Ban Chấp hành đã tập trung đổi mới phương thức hoạt động của công đoàn; ra sức xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ công đoàn có trình độ, năng lực, năng động sáng tạo, nhạy bén, có bản lĩnh và nhiệt tình với phong trào. Nhờ đó, phong trào công nhân, viên chức và hoạt động công đoàn tỉnh không ngừng đi lên. Hoạt động công đoàn giảm bớt tính quan liêu, hành chánh; mạnh dạn đi vào thực tiễn cuộc sống, gần gũi, sâu sát với công nhân, viên chức, người lao động. Tổ chức công đoàn đã phát triển mạnh ra các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh; đồng thời, tiến hành xây dựng các công cụ hỗ trợ cho hoạt động công đoàn, như tư vấn pháp luật, giới thiệu việc làm, quỹ trợ vốn công nhân và người lao động nghèo,…

Tháng 12-1999, ông được đề bạt Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tháng 6-2001, Thủ tướng chính phủ ký quyết định bổ nhiệm ông làm Quyền Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tháng 2-2002, ông bị bệnh mất. Trong quá trình công tác, ông được khen thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì, Huy chương Giải phóng hạng Nhất và hạng Nhì. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; trong đó nam: 04 ; nữ: 11; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 29 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên. Đội thiếu niên: 443 đội viên.

Tổng số giáo viên: 27, trong đó nam: 09, nữ: 18. Cử nhân (đại học): 13; Cử nhân (cao đẳng): 14.

Tổng số học sinh: 443, trong đó nam: 219; nữ: 224.

Tổng diện tích: 3.997 m²; diện tích sử dụng: 3.997 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 01 ; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; Nhà vệ sinh: 02 khu.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Hồ Biểu Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Hồ Biểu Chánh).

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733891057

Email:Cthanhconggocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Thành Công được xây dựng trước năm 1975, năm 2019 đổi tên thành Trường Tiểu học Hồ Biểu Chánh theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**HỒ BIỂU CHÁNH**

(1885 – 1958)

Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, tự là Thứ Tiên, sinh năm 1885 (có tài liệu ghi năm 1884) tại làng Bình Thành, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Năm lên 8 tuổi, ông theo học chữ Nho tại trường làng Bình Thành. Năm 13 tuổi, cha mẹ ông rời quê đến chợ Giồng (tức giồng Ông Huê) sinh sống. Lúc này, ông chuyển sang học chữ Quốc ngữ và Pháp văn tại trường tổng Hòa Đồng Hạ đặt tại làng Vĩnh Lợi (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, ông chuyển xuống trung tâm tỉnh lỵ Gò Công, học tại Trường Quan (tức Trường Nam tiểu học Gò Công/École primaire de garçon de Gocong, nay là Trường Trung học cơ sở Phướng 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Năm 1902, ông thi đậu vào Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho) và nhận được học bổng. Năm 1904, do học lực xuất sắc, ông được cấp học bổng để vào học tiếp chương trình trung học tại Trường Collège de Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn (nay là Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 1905, ông thi đỗ Thành chung (Diplôme). Năm sau, ông thi đỗ ngạch Thư ký Hành chính và làm việc tại dinh Hiệp lý. Từ năm 1910, ông được bổ làm Thông phán tại nhiều nơi ở Nam kỳ, như Bạc Liêu, Cà Mau, Long Xuyên, Gia Định,… Năm 1920, ông làm việc tại văn phòng Thống Đốc Nam kỳ. Năm 1921, ông đỗ đầu kỳ thi Tri huyện, làm Chủ quận các quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh), Ô Môn, Phụng Hiệp (tỉnh Cần Thơ),… Năm 1936, ông được thăng Đốc phủ sứ. Năm 1938, ông xin về hưu. Năm 1941, ông bị chính quyền thực dân Pháp ép ra làm việc trở lại, tham gia Hội đồng Liên bang Đông Dương, Hội đồng thành phố Sài Gòn kiêm chức Phó Đốc lí, phụ trách việc hộ tịch.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, ông lui về ở ẩn. Đầu năm 1946, sau khi tái chiếm Nam bộ, thực dân Pháp cưỡng buộc ông làm cố vấn cho chính phủ bù nhìn thân Pháp Nguyễn Văn Thinh. Vài tháng sau, chính phủ này đổ, ông lại lui về ở ẩn cho đến lúc cuối đời. Về cuộc đời “ông quan” Hồ Văn Trung, người đời sau thống nhất nhau ở một điểm: đây là ông quan thanh liêm, noi theo nếp sống thanh bạch của người xưa và xem đó là chuẩn mực để hun đúc tinh thần đạo nghĩa phương Đông.

Thế nhưng, nhân dân Nam Bộ lại biết ông với tư cách là nhà văn hơn là một viên chức. Với bút danh là Hồ Biểu Chánh, ông đến với văn chương từ rất sớm. Năm 1910, ông viết truyện thơ đầu tay *U tình lục*, tiếp theo là 5 tác phẩm nữa. Từ năm 1921 - 1941, ông cho ra đời 44 tác phẩm. Từ năm 1943 - 1945, ông sáng tác sung mãn nhất: 48 tác phẩm gồm nhiều thể loại. Từ năm 1953 - 1958, ông cho xuất bản 22 tác phẩm. Trong quãng đời cầm bút, ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ, gồm: 64 tiểu thuyết, 3 truyện ngắn, 7 đoản thiên, 2 tập thơ, 5 hài kịch, 4 vở hát bội, 3 vở cải lương, 5 tác phẩm tùy bút và phê bình, 6 tập hồi ức, 8 bài diễn thuyết, 23 tác phẩm khảo cứu và văn học. Tác phẩm của ông được nhiều thế hệ độc giả ở Nam bộ mến chuộng. Nhiều quyển được tái bản nhiều lần và được dựng thành phim. Đi sâu phân tích tác phẩm của ông, Giáo sư - Tiến sĩ khoa học Lê Ngọc Trà viết:

“*Cái độc đáo nhất và giá trị nhất của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh nhằm chủ yếu không phải ở chỗ nó mô tả phong tục hay tuyên truyền đạo lí mà ở chỗ nó thông qua mô tả phong tục kết hợp với tư tưởng là chủ nghĩa hiện thực. Chỉ riêng mô tả phong tục không thôi, văn học dễ biến thành dân tộc học. Còn chỉ tuyên truyền đạo đức không thôi, văn học sẽ thành luân lý. Vã lại, văn học đạo lý trước Hồ Biểu Chánh đã có Nguyễn Đình Chiểu là người thành công trên lĩnh vực này. Cái mới và cái hay của Hồ Biểu Chánh là ông nói đạo lý đi kèm với nói chuyện đời, kể lại những cảnh đời khác nhau có thể là không gắn gì với các biến động chính trị, kinh tế, xã hội; nhưng lại gắn chặt với đời người, lại là nội dung của đời sống hàng ngày*”.

Về sự nghiệp văn chương của ông, Giáo sư - Nhà giáo nhân dân - Anh hùng lao động Trần Văn Giàu đã phát biểu tổng kết tại Hội thảo về cuộc đời và văn nghiệp của Hồ Biểu Chánh được tổ chức ở Tiền Giang trong hai ngày 17 và 18-11-1988 như sau: “*Tôi thấy rằng, việc dạy văn Hồ Biểu Chánh - được, từ Đại học, cấp 3, cấp 2, nhất là cấp 1. Sách Hồ Biểu Chánh được nhân dân tán thưởng, có nhiều lý do - không những tại văn ông hay mà còn ở chỗ cái văn không phải là văn. Cái văn không văn đó mới hay. Hay ở chỗ, nói lại tiếng nói của dân, cái tấm lòng của dân, còn hay ở chỗ đạo đức, luân lý. Ở trong sách của Hồ Biểu Chánh có đạo đức luân lý Nho giáo, Phật giáo; mà đó là của dân tộc chúng ta*”.

Nhìn chung, ông là một trong những nhà văn tiền phong, có những đóng góp quan trọng vào nền văn học nước nhà, nhất là thời kỳ văn học đầu thế kỉ XX. Phó Giáo sư - Tiến sĩ Hồ Sĩ Hiệp nhận định: “*Tiếp thu kĩ thuật xây dựng tiểu thuyết phương Tây, Hồ Biểu Chánh đã góp phần cách tân thể loại tiểu thuyết về các mặt xây dựng cốt truyện, tình tiết, bố cục tác phẩm, tính cách, tâm lý nhân vật cho đến ngôn ngữ văn chương. Cỗ xe chở tư tưởng là chữ quốc ngữ trước đó nặng nề, ì ạch; đến đây đã được đẩy đi một cách nhẹ nhàng, phăng phăng lướt trên những dặm đường văn học mới. Đó là công lao của anh phu xe tiền phong Hồ Biểu Chánh*”.

Ngoài ra, ông còn làm báo. Từ năm 1910 - 1941, ông là người sáng lập ra các tờ *Đại Việt tạp chí*, *Tribune Indigène* (tạm dịch *Diễn đàn bản xứ*), *Quốc dân diễn đàn*, *Nam Kỳ tuần báo*.

Ông mất năm 1958 tại quận Phú Nhuận, Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), thọ 73 tuổi. Lấy tên những tác phẩm tiêu biểu của ông, hai nhà thơ Đông Hồ và Mộng Tuyết đã sáng tác hai câu đối độc đáo đến viếng ông trong lễ tang:

***Cay đắng mùi đời, Con nhà nghèo, Con nhà giàu***, tiểu thuyết viết sáu mươi ba thiên, ***Vì nghĩa vì tình, Ngọn cỏ gió đùa, Tỉnh mộng***, mấy ***Ai làm được***?

***Cang thường nặng gánh***, cơn ***Khóc thầm***, cơn ***Cười gượng***, thanh cần trải bảy mươi bốn tuổi, ***Thiệt giả giả thiệt***, ***Vườn văn xưa ghé mắt***, ***Đoạn tình*** còn ***Ở theo thời***.

Hiện nay, phần mộ ông tọa lạc tại khu vườn của gia đình có tên là An Tất viên, số 30/21, đường số 8, phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bút danh của ông - Hồ Biểu Chánh - được đặt tên đường ở quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, tên trường tiểu học ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó nam: 5; nữ: 11; chi ủy: 03; trong đó nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; trong đó nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; Đội thiếu niên: 264.

Tổng số giáo viên: 23; trong đó nam: 07; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 09; trung học sư phạm: 02. Tổng số học sinh: 429, trong đó nam: 347; nữ: 182.

Tổng diện tích: 6.904,7 m²; diện tích sử dụng: 1.359 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05 phòng; phòng học: 18 phòng; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 01 phòng; phòng máy tính: 01 phòng; thư viện: 01; sân chơi: 2696 m2; khu thể thao:100 m2; nhà vệ sinh: 03 khu.

**2. Trường Tiểu học Đỗ Văn Châu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Văn Châu).

Địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3532093

Email: c1binhphugocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường Tiểu học Đỗ Văn Châu là Trường Sơ cấp Bình Phú. Sau năm 1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phú. Năm 1989, đổi tên là Trường Tiểu học Bình Phú. Năm 2019, đổi tên là Trường Tiểu học Đỗ Văn Châu theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**ĐỖ VĂN CHÂU**

**(1911 - 1959)**

Đỗ Văn Châu sinh năm 1911 tại làng Bình Phú Đông, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 3-1945, ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong. Tháng 8-1945, ông làm công tác giao liên và tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông gia nhập Đội du kích xã chiến đấu chống quân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm chiếm Gò Công. Năm 1946, do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, chỉ huy chiến đấu và xây dựng lực lượng, ông được giao nhiệm vụ làm Trưởng ban Quân sự xã Bình Phú. Dưới sự chỉ huy của ông, Đội du kích xã đã chiến đấu ngoan cường, gây cho quân địch nhiều thiệt hại.

Năm 1953, Chi bộ xã Bình Phú được thành lập. Năm 1955, ông là Bí thư Chi bộ xã Bình Phú. Lúc này, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, ra sức xây dựng cơ sở và lực lượng cách mạng nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng tiến lên.

Trước tình hình đó, bọn tề ngụy tổ chức truy bắt ông rất gắt gao. Năm 1956, trên đường đi công tác vận động cách mạng, ông bị địch bắt giữ và đưa đi biệt giam tại nhà tù Gia Định. Sau đó, bọn chúng chuyển ông đến nhà tù Tây Ninh. Tại đây, ông cùng với các chiến sĩ cách mạng trong tù tổ chức phá trại vượt ngục, nhiều chiến sĩ đã trốn thoát, riêng ông bị địch bắt trở lại và đày ra Côn Đảo, nơi được mệnh danh là “địa ngục trần gian”. Trong tù, mặc dù bị tra tấn dã man; nhưng ông vẫn một lòng giữ vững lý tưởng và khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, kiên quyết không khai báo, không chào cờ chính quyền tay sai, không xé cờ Đảng và cờ Tổ quốc, không ly khai Đảng. Năm 1959, bất lực trước ý chí gang thép của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, bọn cai ngục đã hèn hạ thủ tiêu ông tại nhà tù Côn Đảo. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; trong đó nam: 11; nữ: 10; Chi ủy: 05; trong đó nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam:01; nữ: 01. Công đoàn: 34 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên. Đội thiếu niên: 300 đội viên.

Tổng số giáo viên: 30, trong đó nam: 12; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 10; Cử nhân (cao đẳng): 07; trung học sư phạm: 13. Tổng số học sinh:521, trong đó nam: 256; nữ: 265.

Tổng diện tích: 9.433 m²; diện tích sử dụng: 9.433 m². Trường có lầu, 19 phòng học, 01 phòng máy tính, 03 phòng làm việc, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống Đội và 02 phòng Thư viện, diện tích sân chơi: 4.754 m², khu thể thao: 800 m² ; nhà vệ sinh: 03 khu.

**3. Trường Tiểu học Phan Thế Dõng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Phan Thế Dõng).

Địa chỉ: Ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3839082

Email: c1thanhtri2gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Thạnh Trị 1 và Trường Tiểu học Thạnh Trị 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 2018, trường được hợp nhất là Trường Tiểu học Thạnh Trị. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phan Thế Dõng theo Quyết định số 5157a/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**PHAN THẾ DÕNG**

**(1927 – 2005)**

# Phan Thế Dõng, có nghệ danh là Nguyệt Hải, Trần Nhu, sinh năm 1927 tại làng Thạnh Trị, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1947, ông gia nhập bộ đội, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Lúc bấy giờ, ông công tác tại bộ phận tuyên truyền thuộc Trung đoàn 115 tỉnh Sa Đéc. Năm 1949, với nghệ danh Nguyệt Hải, ông được điều động về Tổ Nhiếp - Điện ảnh thuộc Khu 8; và là một trong những người có công khai sinh ra nền điện ảnh kháng chiến Nam bộ. Ông là nhà quay phim chiến trường trên đất Nam bộ cùng thời với Mai Lộc, Khương Mễ, Vũ Sơn suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, được phân công về Phòng Văn nghệ quân đội thuộc Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 1956, ông chuyển ngành, công tác tại Xưởng Phim tài liệu trung ương. Trong khoảng thời gian này, ông được tham gia lớp đào tạo quay phim đầu tiên của nền điện ảnh nước nhà cùng với những tên tuổi khác như Hải Ninh, Bùi Đình Hạc, Vương Hồng Sến,...

Tháng 4-1961, ông xung phong trở lại chiến trường miền Nam, tham gia chiến đấu trên mặt trận điện ảnh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thân yêu, thống nhất nước nhà.

Năm 1962, Xưởng phim Giải phóng được thành lập, ông là một trong những trụ cột của xưởng phim này. Với bản chất cao đẹp của “anh bộ đội Cụ Hồ”, ông không ngại hy sinh, gian khổ, xông xáo thâm nhập chiến trường và quay được những bộ phim có giá trị to lớn về nội dung và nghệ thuật nhằm ca ngợi và động viên tinh thần chiến đấu anh dũng, hào hùng của quân dân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ.

Ông là nhà quay phim đầu tiên vượt Trường Sơn trở về miền Nam lúc Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam mới ra đời; là một trong những người sáng lập Xưởng phim Giải Phóng, người thầy đào tạo lực lượng điện ảnh miền Tây Nam bộ thời chống Mỹ; là nghệ sĩ điện ảnh có mặt ở chiến trường đất thép Củ Chi, ở miền hạ Long An, vùng ven Sài Gòn, có mặt trên vùng Tam Giác Sắt đầy máu lửa; đồng thời, là một trong những đạo diễn có mặt tại thành phố Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 với những thước phim rực lửa.

Những bộ phim do ông quay đều đoạt được những giải thưởng có uy tín ở trong nước và quốc tế, như *Chiến thắng Gò Quao* (Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu của Hội Văn nghệ Giải phóng năm 1965), *Du kích Củ Chi* (Huy chương vàng Liên hoan phim quốc tế Matxcơva - Liên Xô năm 1967, Giải Bồ câu bạc Liên hoan phim quốc tế Laixích - Cộng hòa Dân chủ Đức năm 1967, giải Bông sen vàng Liên hoan phim Việt Nam năm 1970; hiện nay, bộ phim này hàng ngày vẫn được chiếu cho du khách xem tại Khu di tích địa đạo Củ Chi - TP Hồ Chí Minh), *Đội nữ pháo binh Long An* (Giải Bông sen vàng Liên hoan phim Việt Nam năm 1970), *Hạt lúa vành đai* (Giải Bông sen bạc Liên hoan phim Việt Nam năm 1970).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (30-4-1975), ông tiếp tục lao động nghệ thuật tại Hãng phim Giải phóng, TP Hồ Chí Minh. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú. Năm 2005, ông từ trần sau một cơn tai biến huyết áp. Ông là một trong những người có công khai sinh ra nền điện ảnh kháng chiến Nam bộ và có nhiều đóng góp quan trọng cho nền điện ảnh nước nhà. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; trong đó nam: 12; nữ: 20; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Côngđoàn: 41 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên. Đội thiếu niên: 434 đội viên.

Tổng số giáo viên: 41, trong đó nam: 12; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 11; trung học sư phạm: 05. Tổng số học sinh: 728, trong đó nam: 375; nữ: 353.

Tổng diện tích: 8.231 m²; diện tích sử dụng: 8.231 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05 ; phòng học: 24; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 6.092 m2 ; nhà vệ sinh: 02 nhà vệ sinh giáo viên, 05 nhà vệ sinh học sinh.

**4. Trường Tiểu học Lê Minh Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Lê Minh Hương).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Thới, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 996044

Email: c1dongson1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1978, trường được thành lập, có tên là Trường tiểu học Đồng Sơn 1. Năm 2019, được đổi tên là Trường Tiểu học Lê Minh Hương. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**LÊ MINH HƯƠNG**

**(1920 - 1972)**

Lê Minh Hương sinh năm 1920 tại làng Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 3-1945, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong. Tháng 8-1945, ông tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại quê nhà. Sau đó, ông chuyên làm công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục thanh niên tham gia cách mạng.

Liên tục công tác đến năm 1960, với nhiều thành tích, kinh nghiệm trong hoạt động, ông được phân công nhiệm vụ Bí thư Chi bộ xã Đồng Sơn. Thời kỳ này, ông cùng với Chi ủy đã tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng; lãnh đạo phong trào đấu tranh của Nhân dân trong Cao trào Đồng Khởi 1960, chống địch càn quét, bắn phá, khủng bố, gom dân vào Ấp chiến lược, bảo vệ tài sản, tính mạng của quần chúng và căn cứ cách mạng. Năm 1965, ông được cấp trên điều động về Huyện tham gia công tác Binh vận của huyện. Năm 1969, ông được cử đi học lớp bồi dưỡng chính trị do Trung ương Cục miền Nam tổ chức.

Sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về Gò Công, công tác tại Ban Nông hội tỉnh, tham gia công tác mở mãng, chuyển vùng của lực lượng cách mạng và chống phá kế hoạch bình định của địch trên địa bàn tỉnh Gò Công.

Năm 1970, ông được chỉ định làm Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Nông hội tỉnh Gò Công, tiếp tục tham gia chỉ đạo công tác mở mãng, chuyển vùng trên địa bàn tỉnh và vận động nông dân ủng hộ tài chính cũng như tham gia cách mạng. Lúc này, địch đánh phá Gò Công rất ác liệt, nhất là vùng căn cứ cách mạng. Tuy nhiên, ông vẫn kiên cường bám trụ tại căn cứ Đồng Sơn để kịp thời chỉ đạo phong trào. Tháng 9-1972, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích và đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó nam: 03 ; nữ: 13 ; chi ủy: 03 ; trong đó nam: 00 ; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 00 ; nữ: 02. Công đoàn: 21 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên. Đội thiếu niên: 159 đội viên.

Tổng số giáo viên: 21, trong đó nam: 07 ; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 09; Cử nhân (cao đẳng): 10; trung học sư phạm: 02

Tổng số học sinh: 292, trong đó nam: 154; nữ: 138.

Tổng diện tích: 4.781 m²; diện tích sử dụng: 4.781 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 10; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

**5. Trường Tiểu học Bùi Thanh Liêm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Bủi Thanh Liêm).

Địa chỉ: Khu phố 5; thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 838 388

Email: c1vinhbinh1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường Tiểu học Bùi Thanh Liêm là Trường Tiểu học Bình Phú Tây trước năm 1975. Sau năm 1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Bình 1, năm 1991 đổi tên thành Trường Tiểu học Vĩnh Bình 1, đến năm 2019 đổi tên thành Trường Tiểu học Bùi Thanh Liêm theo Quyết định số: 5153a/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**BÙI THANH LIÊM**

**(1939 – 2008)**

Bùi Thanh Liêm tên khai sinh là Bùi Văn Hổ, bí danh là Quyết Thắng, sinh năm1939, tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Tháng 4-1954, ông giác ngộ và tham gia cách mạng, làm chiến sĩ bảo vệ kiêm nhân viên ấn loát Ty Công an tỉnh Gò Công. Năm 1961, ông là Phó Bí thư Chi đoàn và tham gia Đội du kích mật xã Vĩnh Hựu. Năm 1962, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1963, do có nhiều thành tích trong công tác đánh phá chính quyền địch ở địa phương, ông được phân công làm Xã đội trưởng kiêm công tác an ninh xã Vĩnh Hựu. Năm 1968, ông học viên khóa Quân chính do Quân khu 8 (Quân khu Trung Nam Bộ) mở. Năm 1970, ông được phong quân thiếu úy, làm nhiệm vụ Thường trực Ban Công tác cán bộ thuộc Phòng Chính trị và là trợ lý Đảng ủy liên chi Phòng tham mưu, Quân khu 8. Năm 1972, ông là Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Thị đội Gò Công; đến giữa tháng 4-1975, ông tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng tỉnh Gò Công.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông công tác tại Thị đội Gò Công. Tháng 4-1976, ông là Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Tháng 8-1976, ông được cử đi học và là học viên Trường Ái Quốc (Hà Nội). Tháng 8-1977, ông giữ chức vụ Quyền Chủ tịch UBND huyện Gò Công. Tháng 4-1979, khi huyện Gò Công được tách thành hai huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây, ông được phân công làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện Gò Công Tây. Năm 1986, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Gò Công Tây.

Năm 1987, ông là Tỉnh ủy viên, Giám đốc Xí nghiệp liên hiệp thủy sản tỉnh Tiền Giang. Năm 1989, ông giữ chức vụ Phó Bí thư, Tổng Giám đốc Xí nghiệp liên hiệp thủy sản tỉnh Tiền Giang. Năm 1991, do điều kiện sức khỏe, ông được nghỉ công tác trong thời gian chờ đợi giải quyết chế độ hưu trí. Năm 1992, ông được nghỉ hưu trí. Năm 2008, ông từ trần. Tên ông được đặt tên trường tiểu học tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; trong đó nam: 07; nữ: 17; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 01 ; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên. Đoàn thanh niên:13 đoàn viên. Đội thiếu niên: 402 đội viên.

Tổng số giáo viên: 38, trong đó nam: 08; nữ: 30; Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 08; trung học sư phạm: 04. Tổng số học sinh: 674; trong đó nam: 340; nữ: 334

Tổng diện tích: 6.780,8 m²; diện tích sử dụng: 6.780,8 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 01; Phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

**6. Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Văn Mảnh).

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3839076

Email: c1binhnhi1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh là Trường Tiểu học Bình Nhì 1 và Trường Tiểu học Bình Nhì 2 được thành lập theo Quyết định số 01/GD-GCT ngày 28/01/1981 của Ban Giáo dục huyện Gò Công Tây. Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh được thành lập theo Quyết định số 4409/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện Gò Công Tây trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Bình Nhì 1 và Trường Tiểu học Bình Nhì 2. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**HUỲNH VĂN MẢNH**

**(1937 - 1966)**

Huỳnh Văn Mảnh, sinh năm 1937 tại làng Bình Phục Nhì, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1960, ông tham gia cách mạng tại xã nhà. Ngày 26-12-1963, ông cùng du kích xã phục kích chặn đánh địch đi lùng sục ở ấp Thới Thuận Tây, tiêu diệt được tên chỉ huy, bắn bị thương 02 tên khác. Từ năm 1964 - 1965, ông cùng với Ban binh vận đã vận chuyển hàng trăm tấn hàng từ những chuyến tàu không số chuyển vào Bến Tre, Gò Công.

Ngày 8-2-1966, ông trên đường đi thu thuế ở An Hòa Long đã lọt vào ổ phục kích của trung đội biệt kích quận Hòa Đồng do tên Chín Bông chỉ huy tại cầu Miễu. Sau một lúc giao tranh, ông bị thương, biết ông là Trưởng ban Tài chính, nên bọn địch tranh nhau chạy đến giành giật ba lô để lấy tiền. Quyết không để lọt vào tay kẻ thù, lợi dụng lúc bọn chúng mất cảnh giác, ông đã rút chốt lựu đạn, quay lại ôm chặt tên Chín Bông rồi cho nổ quả lựu đạn. Ông đã anh dũng hy sinh, còn tên chín Bông chết tại chỗ, một vài tên khác bị thương. Để trả thù, bọn địch đã kéo thi hài ông về đồn treo lên cây lim ba ngày để thị uy dân chúng. Trước khi chôn xác, bọn chúng còn gài 16 trái lựu đạn quanh người ông để trả thù khi lực lượng của ta đến lấy xác. Hành động dũng cảm của ông đã được Huyện ủy nêu gương học tập trong toàn huyện. Nhạc sĩ Anh Vũ đã sáng tác bài hát “Nhớ tên anh” để đồng đội và nhân dân huyện nhà ghi nhớ tấm gương dũng cảm của ông.

Ông được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Ngày 9-10-2014, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 35 đảng viên ; trong đó nam: 11; nữ: 24; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, trong đó nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 51 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên. Đội thiếu niên: 383 đội viên.

Tổng số giáo viên: 51, trong đó nam: 16; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 13; trung học sư phạm: 07. Tổng số học sinh: 842, trong đó nam: 432 ; nữ: 410.

Tổng diện tích: 11.639 m²; diện tích sử dụng: 11.639 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 09; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 5.797 m2 ; khu thể thao: 2.776 m2; nhà vệ sinh: riêng biệt cho GV và HS nam - nữ, tổng diện tích 144 m2.

**7. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nhiều**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Nhiều).

Địa chỉ: Ấp Long Thới, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733830168

Email: c1longbinh2gocongtay.tiengiang@moet.com

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Long Bình 2 được thành lập năm 1992. Năm 2020, trường được đổi tên Trường tiểu học Nguyễn Văn Nhiều. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN VĂN NHIỀU**

**(1935 - 1967)**

Nguyễn Văn Nhiều sinh năm 1935 tại làng Bình Long Đông, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1960, ông tham gia cách mạng tại địa phương với nhiệm vụ là cán bộ Tuyên Văn Giáo. Năm 1963, ông được cử làm Trưởng ban Tuyên Văn Giáo xã Bình Long. Trong thời gian từ năm 1960 - 1963, ông đã cùng với đồng đội tuyên truyền vận động; xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trên địa bàn toàn xã.

Năm 1964, ông là Trưởng ban Tài chánh xã. Năm 1965, ông được phân công giữ nhiệm vụ Bí thư chi bộ xã Bình Long. Lúc này, địch thành lập quận Hòa Bình, tổ chức càn quét, đánh phá ác liệt nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng ở địa phương. Trước tình hình đó, ông đã kiên cường bám trụ, lãnh đạo và chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân chống địch càn quét, bảo vệ cơ sở và căn cứ cách mạng.

Năm 1967, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích bắn và anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; trong đó nam: 06; nữ: 11; chi ủy: 03; trong đó nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02,  trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên. Đội thiếu niên: 226 đội viên.

Tổng số giáo viên: 26,  trong đó nam: 7; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 4; trung học sư phạm: 7

Tổng số học sinh: 367, trong đó nam: 209 ; nữ: 158.

Tổng diện tích: 6.944,8 m²; diện tích sử dụng: 4.944,8 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05, phòng học: 10, phòng nghe nhìn:01, phòng máy tính: 01; thư viện: 01, sân chơi: 2.600 m²; khu thể thao: 1200 m²; nhà vệ sinh: 02 khu.

**8. Trường Tiểu học Huỳnh Văn Phèn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Văn Phèn).

Địa chỉ: Ấp Ninh Đồng, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3996 256

Email: c1dongson2gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1987, tiền thân là Trường Phổ thông cơ sở Đồng Sơn. Năm 1994, trường được tách ra thành Trường Tiểu học Đồng Sơn 2. Năm 2020, Trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Huỳnh Văn Phèn. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**HUỲNH VĂN PHÈN**

**(1019 - 1965)**

Huỳnh Văn Phèn, bí danh Huỳnh Văn A, Hai Vân, sinh năm 1919, tại làng Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Ông giác ngộ cách mạng và tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà vào tháng 8-1945. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm Gò Công (tháng 10-1945), ông công tác trong Ủy ban Hành chính - Kháng chiến xã Đồng Sơn.

Năm 1946, ông bị giặc Pháp bắt giam. Trong nhà tù, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn một mực trung thành với Tổ quốc và Nhân dân, kiên quyết không khai báo. Năm 1947, ông vượt ngục trở về địa phương tiếp tục công tác. Năm 1948, ông được tổ chức phân công nhiệm vụ Bí thư Chi bộ xã Đồng Sơn. Với cương vị này, ông đã cùng tập thể chi bộ lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương ngày càng phát triển. Đồng thời, ông tổ chức xây dựng căn cứ tại ấp Ninh Đồng B (xã Đồng Sơn), xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo và xã Thanh Vĩnh Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An làm địa bàn đứng chân cho lực lượng vũ trang cấp trên về trú đóng.

Cuối năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và đày ra nhà tù Côn Đảo. Tại đây, với ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, ông đã vượt qua những trận đòn tra tấn dã man của bọn cai ngục, nhất quyết không khai báo, bảo vệ Đảng và cơ sở cách mạng. Năm 1951, ông cùng với đồng đội tổ chức vượt ngục về đất liền, tiếp tục hoạt động cách mạng ở vùng Gò Công. Sau khi hợp nhất ba tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và Tân An thành tỉnh Mỹ Tho (còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò), từ năm 1952 - 1954, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách xây dựng lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở huyện Tây (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), ông được lệnh tập kết ra Bắc. Sau khi tập trung tại vùng Đồng Tháp Mười, nhưng do yêu cầu cấp bách của tình hình cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, ông được cấp trên phân công ở lại miền Nam, tham gia làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Năm 1959, trên đường đi công tác, ông bị địch vây bắt tại xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Chúng đưa ông về lầu Bà Tám (nay thuộc ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây) tra tấn dã man nhằm khai thác tin tức và khủng bố tinh thần đấu tranh của quần chúng. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết, chịu đựng cực hình, một mực không khai báo. Sau đó, địch đày ông ra nhà tù Côn Đảo. Trong nhà tù, mặc dù bị bọn cai ngục kềm kẹp, kiểm soát gắt giao và thường xuyên bị đánh đập tàn bạo, ông vẫn tích cực tham gia các cuộc đấu tranh chống địch tra tấn, chống chào cờ chính quyền Sài Gòn, chống ly khai Đảng; đòi cải thiện chế độ lao tù. Năm 1961, một lần nữa, ông cùng đồng đội vượt ngục thành công, trở về đất liền tiếp tục công tác.

Năm 1962, ông được phân công làm Phó Ban Tổ chức Khu ủy Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Tháng 12-1965, trong chuyến công tác về Gò Công, ông bị bọn mật thám theo dõi, chỉ điểm. Bọn chúng dẫn lính truy lùng, khui nấp hầm nơi ông và 06 đồng chí khác cùng trong tổ công tác đang trú ẩn. Quyết không để địch bắt, ông đã cùng đồng đội anh dũng chiến đấu và hy sinh oanh liệt.

Trong quá trình công tác, ông được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó có 13 nữ và 03 nam; Chi ủy: 03, trong đó có 02 nam và 01 nữ. Ban giám hiệu: 02, trong đó có 01 nữ và 01 nam. Công đoàn: 29 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên. Đội Thiếu niên: 226 đội viên.

Tổng số giáo viên: 29, trong đó: 23 nữ và 06 nam, Cử nhân (đại học): 05, Cử nhân (cao đẳng): 14, Trung học sư phạm: 10. Tổng số học sinh: 514.

Tổng diện tích: 6.799 m2; diện tích sử dụng: 1.000 m2. Trường có lầu; phòng làm việc: 04, phòng thiết bị: 01, thư viện: 01, phòng máy tính: 01, sân chơi: 01, nhà vệ sinh: 04 khu.

**9. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Quyên**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Quyên).

Địa chỉ: Ấp Hưng Hòa, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:02733839175

Trang thông tin điện tử:http://thlongvinh.tiengiang.edu.vn

Email:c1longvinhgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường là Trường Tiểu học cộng đồng Vĩnh Viễn được thành lập năm 1968. Sau năm 1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Vĩnh. Năm 1989, trường đổi tên là Trường Tiểu học Long Vĩnh. Năm 2019, trường đổi tên là Trường Tiểu học Nguyễn Văn Quyên. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN VĂN QUYÊN**

**(1921 - 1952)**

Nguyễn Văn Quyên, Bí danh Đoàn Công Chuẩn, sinh năm 1921 tại làng Bình Luông Đông, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 7/1945, không cam chịu ách áp bức, bất công của chế độ thực dân và tay sai, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, thoát ly gia đình, tham gia cách mạng. Ông hoạt động trong tổ chức Thanh niên tiền phong tại làng Bình Luông Đông với nhiệm vụ tập hợp, giáo dục thanh niên ở địa phương về lòng yêu nước, về ý thức đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do cho đất nước. Tháng 8/1945, ông tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân tại quê nhà. Sau đó, ông tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10/1945.

Năm 1947, ông được cấp trên điều động làm cán bộ của Huyện ủy Huyện Tây, tỉnh Gò Công; rồi được chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Huyện ủy.

Năm 1950, với trách nhiệm là Huyện ủy viên, ông được phân công phụ trách liên xã Long Thạnh, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây (nay là các xã Long Bình, Long Vĩnh và Yên Luông, huyện Gò Công Tây) nhằm xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của chi bộ, phát động phong trào quần chúng nhân dân đấu tranh chống lại sự đàn áp dã man của bọn tay sai thực dân Pháp ở địa phương.

Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở những xã do ông phụ trách phát triển ngày càng mạnh mẽ. Điều đó đã khiến cho bọn hương chức hội tề vô cùng hoang mang, lo sợ. Bọn chúng đã tăng cường đánh phá, càn quét để tiêu diệt lực lượng cách mạng, trong đó việc truy tìm, lùng bắt ông là tâm điểm.

Ngày 25-5-1952, sau khi dự cuộc họp tại Huyện ủy Huyện Tây, ông trở về địa bàn phụ trách để triển khai nhiệm vụ theo chỉ đạo của Huyện ủy. Bọn mật báo viên của địch phát hiện, theo dõi và bắn ông bị thương tại địa bàn ấp Long Phú. Chúng không cho băng bó vết thương, bắt dân khiêng ông về đồn Long Thạnh. Trên đường đi, chúng tra khảo buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng và đồng chí, đồng đội của mình. Tuy nhiên, với tinh thần dũng cảm, kiên cường, bất khuất của người chiến sĩ cộng sản, ông kiên quyết không khai, một lòng trung thành với Đảng và Nhân dân. Thấy không thể khai thác được, bọn địch đã hèn hạ bắn chết ông. Vì nước, vì dân, ông đã anh dũng hy sinh khi vừa mới 31 tuổi. tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó nam: 08; nữ: 08; chi ủy: 03; trong đó nam: 02 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên. Đội thiếu niên: 146 đội viên.

Tổng số giáo viên: 30; trong đó nam: 13; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 17; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 07. Tổng số học sinh: 402; trong đó nam: 236; nữ: 166.

Tổng diện tích: 9.795 m²; diện tích sử dụng: 2.183 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 10 ; phòng học: 15; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; Sân chơi: 02; khu thể thao: 02; nhà vệ sinh: 12.

**10. Trường Tiểu học Lê Thành Tắng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Lê Thành Tắng).

Địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733830151

Email: c1longbinh3gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Long Bình được thành lập. Năm 1992, trường được tách ra thành trường tiểu học có tên là Trường Tiểu học Long Bình 3. Năm 2020, trường được đổi tên thànhTrường Tiểu học Lê Thành Tắng theo Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 23/6/năm 2020 Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**LÊ THÀNH TẮNG**

**(1927 - 1951)**

Lê Thành Tắng, bí danh Khải Hoàn, sinh năm 1927 tại làng Bình Luông Đông, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 3-1945, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong. Tháng 8-1945, ông tập hợp thanh niên địa phương tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà.

Do lập được nhiều thành tích trong chiến đấu, xây dựng cơ sở cách mạng và công tác vận động quần chúng, năm 1946, ông được cấp trên phân công phụ trách phong trào cách mạng tại địa bàn hai xã Vĩnh Hựu và Tân Thới. Năm 1951, ông được cử làm Bí thư Huyện ủy huyện Tây (tương ứng với huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông hiện nay). Tháng 5-1951, trên đường đi công tác ở xã Tân Thới (nay thuộc huyện Tân Phú Đông), khi đang trú trong hầm bí mật tại nhà của một cơ sở cách mạng, Tổ công tác do ông dẫn đầu bị địch phát hiện, bao vây. Biết không thể thoát khỏi vòng vây của địch, ông đã dũng cảm tốc nắp hầm, thoát ra ngoài, ném lựu đạn làm bị thương nhiều tên địch, tạo điều kiện cho toàn bộ Tổ công tác chạy thoát.

Ngày 05-11-1951, tại ấp Cai Lễ (nay là ấp Tân Phú, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang), ông bị địch phục kích và anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; trong đó nam: 06; nữ:13; chi ủy: 4; trong đó nam: 02; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 37 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên. Đội thiếu niên: 369 đội viên.

Tổng số giáo viên: 35, trong đó nam: 9; nữ: 26. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 03; trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 657, trong đó nam: 342; nữ: 315.

Tổng diện tích: 10.052 m²; diện tích sử dụng: 10.052 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; nhà vệ sinh: 05.

**11. Trường Tiểu học Trần Văn Thiện**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Thiện).

Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733996117

Trang thông tin điện tử: thdongthanh.pgdgocongtay

Email: C1dongthanh2gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Đồng Thạnh 1 được thành lập năm 1989. Năm 2013, Trường Tiểu học Đồng Thạnh 1 hợp nhất với Trường Tiểu học Đồng Thạnh 2 thành Trường Tiểu học Đồng Thạnh. Năm 2020, trường được đổi tên là Trường Tiểu học Trần Văn Thiện. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

# TRẦN VĂN THIỆN

**(? - 1875)**

Trần Văn Thiện, chưa rõ năm sinh, người thôn Đồng Sơn, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, được Bộ Chỉ huy nghĩa quân phong chức Phòng, nên còn được gọi là Phòng Thiện. Do có chiến tích nên ông được Trương Định tin tưởng giao cho nhiệm vụ trấn giữ chiến lũy Đồng Sơn. Chiến lũy này nằm dọc theo rạch Lá (sông Tra) nhằm kiểm soát con đường thủy từ Sài Gòn xuống Gò Công qua sông Vàm Cỏ Tây.

Sau khi Trương Định bị giặc Pháp sát hại (1864), ông vẫn chiêu mộ nghĩa sĩ, tích trữ quân lương, tiếp tục cuộc kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Để buộc ông phải ra hàng, địch giở thủ đoạn hèn mạt là bắt thân phụ của ông tra tấn rất dã man. Nhưng thân phụ của ông chẳng thà chịu cảnh tù đày, chứ nhất định không gọi ông ra đầu thú.

Nghĩa quân của ông hoạt động đến năm 1875 thì mới bị quân Pháp tiêu diệt hẳn. Ông bị địch bắt tại Thạnh Nhựt (nay thuộc huyện Gò Công Tây) và nhận án tử hình một cách ung dung. Trước lúc lên đoạn đầu đài, ông vẫn lạc quan bày tỏ lòng yêu nước và nói câu: “*Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục*”; nghĩa là “*Thà chịu chết chứ không chịu nhục*”. Giặc Pháp đã chém đầu ông tại lầu Bà Tám Huê - Chín Đào (nay thuộc ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh). Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; trong đó nam:10; nữ: 15; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, trong đó nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 19 đoàn viên. Đội thiếu niên: 368 đội viên.

Tổng số giáo viên: 47, trong đó nam: 15; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 35; Cử nhân (cao đẳng): 06; trung học sư phạm: 06. Tổng số học sinh: 710, trong đó nam: 345; nữ: 365.

Tổng diện tích: 10.251 m²; diện tích sử dụng: 10.251 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 24; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 5.200 m²; khu thể thao: 2.400 m²; nhà vệ sinh: 07.

**12. Trường Tiểu học Đỗ Trình Thoại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Trình Thoại).

Địa chỉ: Ấp Long Bình, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây

Số điện thoại: 02733523056

Email: c1yenluonggocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trước đây trường mang tên Trường Tiểu học Yên Luông được xây dựng trước năm 1975. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Đỗ Trình Thoại theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt Chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

# ĐỖ TRÌNH THOẠI

**(1816 - 1861)**

Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02/1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4/1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22/6/1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công.

Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công. Trước đây, khu lăng mộ được đắp bằng đất và hằng năm vào ngày tảo mộ được con cháu bồi đắp thêm. Hiện nay, khu lăng mộ của ông được sửa chữa, trùng tu khang trang, sạch đẹp. Nền ngôi mộ xây xi măng, kích thước vòng thành 505 cm x 403 cm x 20 cm và núm mộ cao 50 cm. Bia mộ cao 180 cm, ngang 125 cm bằng đá hoa cương. Bia mộ có hai câu đối:

*Khoa bảng chí trì An Long cử nhơn lưu danh rạng.*

*Trận tiền quyết tử Tân Hòa tri huyện tạc bia son.*

Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND công nhận Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; thành phố Tân An, tỉnh Long An; Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học ở xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có: 16 đảng viên; trong đó nam: 05; nữ: 09; chi ủy: 03 ; trong đó nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02 trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên. Đội thiếu niên: 102 đội viên.

Tổng số giáo viên: 19, trong đó nam: 06 ; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 12 ; Cử nhân (cao đẳng): 03; trung học sư phạm: 04. Tổng số học sinh: 271; trong đó nam: 128 ; nữ: 143.

Tổng diện tích: 3.211,8 m2; diện tích sử dụng: 3.2118 m2. Trường có lầu, phòng làm việc: 02, phòng học: 10, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 1224.0 m2, khu thể thao: 00, nhà vệ sinh: 02 khu.

**13. Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Tốt).

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733545414

Email: c1vinhhuu1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Vĩnh Hựu 1 và Trường Tiểu học Vĩnh Hựu 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 2018, hai trường hợp nhất, có tên là Trường Tiểu học Vĩnh Hựu. Năm 2019 được đổi tên là Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN THỊ TỐT**

**(1935 - 1969)**

 Nguyễn Thị Tốt sinh năm 1935, tại ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 1951, bà thoát ly gia đình tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp ở Gò Công. Sau Hiệp định Genève (20/7/1954), bà ở lại miền Nam tham gia công tác theo sự phân công của tổ chức. Từ năm 1961 - 1964, bà tham gia công tác bán hợp pháp tại Gò Công. Năm 1964, bà chuyển công tác tại cơ quan Huyện ủy Hòa Đồng. Đến khi tỉnh Gò Công sáp nhập về tỉnh Mỹ Tho (1964), địa bàn Gò Công chia thành hai huyện là huyện Đông và huyện Tây, bà là cán bộ Huyện ủy huyện Tây. Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, bà được phân công công tác tại Thị ủy thị xã Gò Công với chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên huấn Thị ủy Gò Công.

Tháng 5/1968, bà đi học Trường Đảng Trần Phú. Tháng 12/1968, sau khi hoàn tất khóa học, bà trở về địa bàn Gò Công tiếp tục công tác với chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên huấn Thị ủy Gò Công.

Ngày 03/01/1969, trong lúc đang đi công tác tại ấp Phú Quý, xã Vĩnh Hựu, huyện Tây (nay là Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây), bà bị địch phát hiện. Với tinh thần cách mạng tiến công, bà cùng với các đồng chí đã kiên cường chiến đấu chống địch. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng quá chênh lệch về phía địch, nên bà đã anh dũng hy sinh, nêu cao tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần tận trung với Đảng, tận hiếu với nhân dân. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Được biết, chồng của bà là ông Nguyễn Nhựt Ánh, cán bộ Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Gò Công, đã anh dũng hy sinh ngày 12/12/1967 tại ấp Rạch Bùn, xã Tân Điền, huyện Đông (nay là huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; trong đó nam: 03; nữ: 22; chi ủy: 05; trong đó nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 398 đội viên.

Tổng số giáo viên: 36, trong đó nam: 08; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 10; trung học sư phạm: 10.

Tổng số học sinh: 592, trong đó nam: 304; nữ: 288.

Tổng diện tích: 9.047,7 m²; diện tích sử dụng: 9.047,7 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 04, phòng học: 23, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 02, thư viện: 02, sân chơi: 03, khu thể thao: 03; nhà vệ sinh: 05 khu.

**14. Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Trí**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Trí).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 838 107

Trang thông tin điện tử: [http://thvinhbinh3.pgdgocongtay.edu.vn](http://thvinhbinh3.pgdgocongtay.edu.vn/)

Email: C1vinhbinh3gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường tiểu học Vĩnh Lợi. Sau năm 1975, là Trường Tiểu học Vĩnh Bình rồi Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Bình 2. Năm 1987, trường có tên là Trường Tiểu học Vĩnh Bình 3. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Trí. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN HỮU TRÍ**

**(1926 – 1993)**

Nguyễn Hữu Trí còn có tên là Nguyễn Văn Bốn sinh năm 1926 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống cách mạng.

Hòa trong khí thế hào hùng của nhân dân Gò Công trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông tham gia lực lượng Cộng hòa vệ binh ở địa phương, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công. Sau đó, ông lần lượt làm trinh sát viên ở Khu 7, tổ trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 8, trung đội trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 9. Năm 1949, ông được cấp trên phân công vào các đô thị ở vùng tạm chiếm với nhiệm vụ quan trọng là tổ chức mua những mặt hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc tây, hóa chất, thuốc nổ, điện đài,… để bí mật vận chuyển ra vùng căn cứ Khu 9. Đồng thời, ông còn xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở nội thành Sài Gòn và trực tiếp đưa thư từ, tài liệu vận động cách mạng tới một số vị nhân sĩ, trí thức.

Năm 1951, ông được đề bạt làm cán bộ Phòng Tham mưu Khu 8. Sau đó ít lâu, trên đường đi công tác, ông bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù và mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Do không tìm ra chứng cớ để kết tội nên địch buộc phải trả tự do cho ông. Ngay sau đó, ông trở ra vùng giải phóng tiếp tục công tác. Năm 1953, ông làm Trưởng ban Hành chính - Quản trị thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm Trưởng ban Hành chính của Trung đoàn 78, sau đó được cử đi học Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, ông tốt nghiệp, được phong quân hàm trung úy, công tác tại Cục Tình báo. Liên tục trong hai năm 1960 và 1961, ông được Cục Tình báo bồi dưỡng về chính trị và được huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Đầu năm 1963, trên một chiếc tàu không số, ông theo đường biển trở vào miền Nam công tác, làm tổ trưởng điệp báo Cụm A20, có nhiệm vụ tạo lập bình phong, chỗ đứng chân, từng bước hợp pháp hóa tại địa bàn Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, dựa vào người thân trong gia đình, ông đã nhanh chóng tạo được nơi ăn ở, làm được giấy tờ tùy thân hợp pháp, có nghề nghiệp phù hợp, tạo được nơi cất giấu và sử dụng điện đài an toàn, thuận tiện, thậm chí giữa năm 1964, khi nhu cầu liên lạc tăng cao, ông còn đón điện đài viên từ chiến khu vào, làm việc an toàn, có hiệu quả cho tới khi cán bộ này được rút về vào tháng 11-1965.

Trên cơ sở đó, với tất cả sự cẩn trọng, chặt chẽ, năng động, mưu trí và dũng cảm, ông đã xây dựng được mạng lưới tình báo chiến lược quân sự, hoạt động ngay trong lòng địch, trong đó có cả công chức, sĩ quan của chính quyền và quân đội Sài Gòn hoặc cài cắm người của ta vào làm việc trong bộ máy của chính quyền địch. Bên cạnh đó, ông còn chủ động mở rộng, đi sâu quan hệ với một số sĩ quan cao cấp và nhân vật tên tuổi trong các giới để thu thập tin tức.

#### Dưới sự tổ chức và chỉ đạo tài tình của ông, mạng lưới tình báo do ông làm tổ trưởng hoạt động rất có hiệu quả, thu được nhiều thông tin và tài liệu có ý nghĩa chiến lược từ phía Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn, được Cục Tình báo đánh giá cao, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân cả nước. Từ năm 1963 đến năm 1970, mạng lưới điệp báo của ông có vai trò như là một trong vài mạng lưới chủ chốt của tình báo chiến lược quân sự. Đặc biệt, tuy số lượng điệp viên, quan hệ và cơ sở điệp báo,… của mạng lưới là khá lớn và nhiều người được xây dựng thông qua quan hệ “bắc cầu”; nhưng ông vẫn bảo đảm tốt yêu cầu cự ly, đơn tuyến trong lưới, giữ vững an toàn tuyệt đối, khiến cho cơ quan tình báo CIA của Mỹ và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính quyền Sài Gòn không tài nào phát hiện.

Năm 1970, sau khi hoàn thành nhiệm vụ do cấp trên giao phó, ông được điều ra vùng giải phóng.Năm 1971, ông được bổ nhiệm làm Phó phòng Tình báo chiến lược Miền (J22). Đầu năm 1973, ông được cử phụ trách Ban Tình báo ngoại giao của Phòng Tình báo chiến lược Miền và tham gia Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào làm việc tại trại David ở Sài Gòn trong khuôn khổ của Hiệp định Paris.

Giữa năm 1973, theo sự điều động của tổ chức, ông trở về vùng giải phóng, làm Phó phòng; từ tháng 4/1974, làm Quyền Trưởng phòng Tình báo chiến lược Miền. Tháng 12/1974, khi Phòng Tình báo chiến lược Miền được chuyển thành Đoàn Tình báo 22 thuộc Bộ Tham mưu Miền, ông được chỉ định làm Quyền Đoàn trưởng. Trên những cương vị ấy, ông đã lãnh đạo, chỉ huy lực lượng tình báo chiến lược Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ nắm tình hình địch, phục vụ cho công tác chỉ đạo chiến lược, chiến dịch của cấp trên và điều tra mục tiêu, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục công tác trong quân đội, là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông nghỉ hưu. Năm 1993, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Là nhà tình báo chiến lược quân sự xuất sắc, ông có nhiều đóng góp quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì). Ngày 20-9-1971, ông được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên của ông được đặt tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Mỹ Tho và huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; tên trường tiểu học ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên, trong đó nam: 06, nữ: 24; Chi ủy: 05, trong đó nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 47 công đoàn viên, Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên. Đội thiếu niên: 546 đội viên.

Tổng số giáo viên: 46, trong đó nam: 13, nữ: 33. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 09; trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 923, trong đó nam: 501, nữ: 422.

Tổng diện tích: 5.750 m²; diện tích sử dụng: 1.750 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 07, phòng học: 26, phòng thiết bị: 01, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

**15.** **Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trừ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Trừ).

Địa chỉ: Ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3830267

Email: c1binhtan1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Bình Tân 1 và Trường Tiểu học Bình Tân 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 2018, hai trường được hợp nhất thành Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trừ theo Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN VĂN TRỪ**

**(1922 - 2008)**

Nguyễn Văn Trừ sinh năm 1922 tại làng Vĩnh Viễn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 01-1947, ông giác ngộ và tham gia cách mạng với nhiệm vụ Thư ký Ủy ban Hành chính - Kháng chiến xã Bình Long (nay là xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Tháng 6-1947, ông được phân công làm cán bộ Tài chính xã. Năm 1948, ông được cấp trên cử làm Trưởng Công an xã Bình Long. Năm 1949, ông được điều chuyển về xã Vĩnh Viễn (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) và giữ nhiệm vụ Bí thư Chi bộ xã kiêm Trưởng Công an xã. Tháng 9-1949, trong lúc đang đi công tác, ông bị quân đội Cao Đài bắt và đưa đi tù ở tỉnh Tây Ninh. Ở trong tù, ông kiên quyết không khai báo, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Tháng 01-1952, ông ra tù, làm Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Công an xã Bình Long.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động; vẫn làm Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Công an xã Bình Long. Lúc này, địch tập trung lực lượng, tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở Gò Công rất ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn bám chặt địa bàn, tổ chức các cuộc đấu tranh của quần chúng, đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève; chống “tố cộng”, “diệt cộng”.

Tháng 12-1955, ông lại bị địch bắt, chúng giam giữ ông ở các khám Gò Công, Thủ Đức rồi đày ra Côn Đảo. Năm 1960, do điều tra, khai thác không đủ chứng cớ, địch buộc phải trả tự do cho ông. Trở về địa phương, ông tiếp tục công tác. Tháng 10-1960, ông làm cán bộ An ninh huyện Tây. Năm 1964, ông được đề bạt làm Phó Ban An ninh huyện. Năm 1965, ông được cấp trên điều động lên tỉnh công tác, với nhiệm vụ là cán bộ Chấp pháp An ninh tỉnh Mỹ Tho. Năm 1966, tỉnh phân công ông trở lại huyện Tây với nhiệm vụ là Huyện ủy viên, Trưởng An ninh huyện, sau đó làm Trưởng Ban Binh vận huyện.

Năm 1971, ông được phân công Trưởng ban Cán sự Vùng 4 tỉnh Gò Công. Năm 1973, chuyển sang làm Trưởng ban Cán sự Vùng 3, tỉnh Gò Công. Đầu năm 1974, ông được cử đi học Trường Đảng Trần Phú do Trung ương Cục miền Nam mở tại Tây Ninh. Cuối năm 1974, sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về địa phương công tác, được bầu làm Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty An ninh tỉnh Gò Công.

Sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975), ông được phong hàm thiếu tá, Trưởng Công an huyện Gò Công. Năm 1980, ông được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 2008, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được trao tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Kỷ niệm chương chiến sĩ bị địch bắt tù đày và nhiều huy hiệu, kỷ niệm chương khác. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; trong đó nam: 05; nữ: 14; chi ủy: 05; trong đó nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 08 công đoàn viên. Đội thiếu niên: 387 đội viên.

Tổng số giáo viên: 40, trong đó nam: 10; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 06; trung học sư phạm: 06. Tổng số học sinh: 665, trong đó nam: 337; nữ: 328.

Tổng diện tích: 10.452 m²; diện tích sử dụng: 10.452 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 29; phòng thiết bị: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 5000 m2; khu thể thao ngoài trời: 02; nhà vệ sinh: 04 khu.

**16. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tươi).

Địa chỉ: Ấp Bình Tây, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 997174

Email: c1thanhnhut1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trườnglà Trường Tiểu học Thạnh Nhựt 1 được thành lập năm 1989. Năm 2018, Trường Tiểu học Thạnh Nhựt 1 và Trường Tiểu học Thạnh Nhựt 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Thạnh Nhựt theo Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi theo Quyết định số 5163A/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN VĂN TƯƠI**

**(1938 – 2015)**

Nguyễn Văn Tươi sinh năm 1938, tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1962, ông tham gia cách mạng, làm chiến sĩ du kích xã Vĩnh Hựu. Năm 1963, do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, là Tổ trưởng Tổ Đảng ấp Thạnh Thới, Phó Bí thư Xã đoàn xã Vĩnh Hựu. Năm 1965, ông được điều động về làm cán bộ Huấn học Trường Đảng huyện. Năm 1966, ộng được bầu làm Phó Bí thư Chi bộ, Phó Ban Tuyên huấn, Phó Ban Thi đua huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây).

Năm 1968, ông được bầu làm làm Bí thư Chi bộ, Chánh Văn phòng Huyện ủy huyện Tây (do huyện Hòa Đồng đổi tên), tỉnh Gò Công. Năm 1972, ông làm trợ lý Tuyên huấn Ban Cán sự Vùng 1, Đội phó Đội võ trang tuyên truyền tỉnh Gò Công. Năm 1973, ông làm cán bộ Huấn học Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Gò Công. Năm 1974, ông là Bí thư Chi bộ, Phó Chánh Văn phòng rồi Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 02-1975, ông được cử đi học Trường Đảng Trần Phú do Trung ương Cục miền Nam tổ chức tại Tây Ninh. Nhưng chưa mãn khóa, được lệnh của cấp trên, ông trở về Gò Công, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày giải phóng miền Nam, khi tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang (1976), ông được phân công là Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Gò Công. Năm 1977, ông là Huyện ủy viên, Trưởng Phòng Công nghiệp huyện Gò Công. Năm 1979, khi huyện Gò Công được tách thành 2 huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn Huyện ủy Gò Công Tây. Năm 1983, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 1985, ông được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 1988, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Gò Công Tây.

Năm 1992, ông là Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Năm 1998, ông được nghỉ hưu trí. Năm 2015, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần. tên ông được tên trường tiểu học tại xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có: 24 đảng viên; trong đó nam: 09; nữ: 1; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 47 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 380 đội viên.

Tổng số giáo viên: 42, trong đó nam: 12; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 3; trung học sư phạm: 12. Tổng số học sinh: 649, trong đó nam: 323; nữ: 326.

Tổng diện tích: 12.260 m²; diện tích sử dụng: 12.260 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 25; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 03; thư viện: 02, sân chơi: 4 (6500m2); khu thể thao: 2; nhà vệ sinh: 5 khu.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**\* Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1. Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Cống số 4, điểm cuối nối với Đường tỉnh 873, dài 15,6 km, bề ngang 18 m, sâu 1,9 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2012 và năm 2014.

**2.** **Kinh/Kênh Chợ Gạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Lương thực (Gạo).

Kinh/Kênh Chợ Gạo nối rạch Kỳ Hôn với sông Tra là một nhánh ngắn của sông Vàm Cỏ, chảy qua địa bàn huyện Chợ Gạo và xã Đồng Sơn (huyện Gò Công Tây).

Kinh/Kênh Chợ Gạo được chính quyền thực dân Pháp cho đào vào năm 1877 bằng phương tiện thủ công theo đề án của đô đốc, chánh tham biện hạt Mỹ Tho Duperrré nên gọi là kinh/kênh Duperré; nhưng dân gian quen gọi là kinh/kênh Chợ Gạo.

Việc đào kinh/kênh của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ nhằm tạo ra con đường thủy cho tàu thuyền vận chuyển lúa gạo từ miền Tây Nam Kỳ về Sài Gòn để xuất cảng. Mặc khác, việc đào kinh/kênh theo lối thủ công còn nhằm mục đích kềm giữ thanh niên trong độ tuổi lao động, đề phòng họ tham gia các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Kinh/kênh được nạo vét lại nhiều lần, lần có quy mô lớn nhất là vào năm 1892, cũng bằng thủ công. Đến giai đoạn 1906 - 1910, kinh/kênh được cải tạo bằng cơ giới nên to và rộng hơn. Quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho* (1902) ghi nhận: “Đây là con kinh/kênh được tàu bè của người bản xứ và các tàu hơi nước của các hãng đường sông qua lại tấp nập. Nó thường tràn ngập bởi những chiếc ghe đủ các loại trọng tải”. Kinh/Kênh trở thành con đường thủy quan trọng giữa Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Toàn tuyến kinh/kênh Chợ Gạo đi qua huyện Châu Thành (tỉnh Long An), thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang). Hiện nay, kinh Chợ Gạo sâu 5-7m, rộng trung bình 100m, dài 28 km. Đây là tuyến giao thông thuỷ quan trọng nối sông Tiền và sông Vàm Cỏ, góp phần đắc lực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Bộ.

**3. Kinh/Kênh Long Bình - Bình Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (xã Long Bình và xã Bình Tân).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Long Bình và xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 14, điểm cuối nối với cống Long Hải, dài 6,75 km, bề ngang 15 m, sâu 1,5 - 3,0 m, diện tích phục vụ 500 ha, nạo vét năm 2016.

**4**. **Kinh/Kênh N8**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh) + Chữ cái la tinh và chữ số (N8).

Kinh/Kênh này gồm 3 đoạn liền nhau: đoạn đầu là Rạch Lớn từ Kinh/Kênh 14 thông qua rạch Vàm Giồng nối với kinh/kênh Tham Thu; đoạn giữa và đoạn cuối là Kinh/Kênh N8, được đào vào năm 1991. Cả ba hợp thành một tuyến dẫn nước từ Kinh/Kênh 14 ở phía nam cấp cho phần đất phía bắc Quốc lộ 50 từ lộ Đồng Sơn đến rạch Gò Công. Kinh/Kênh cắt ngang Quốc lộ 50 tại cống Thạnh Trị. Toàn tuyến Kinh/Kênh N8 dài 13,4 km; bề ngang 9 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 1.700 ha. Đầu kinh/kênh phía bắc tại gần chỗ thông với rạch Gò Công đã xây cống ngăn mặn vào năm 1996.

**5.** **Kinh/Kênh Tham Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Tham: gọi tắt của chức tham tán, là chức quan văn giúp coi việc quân dưới một viên tướng thời phong kiến[[31]](#footnote-31) + Tên người (Thu).

Kinh/Kênh Tham Thu chạy song song với Quốc lộ 50). Kinh/Kênh được đào vào đầu thập niên 1970 để dẫn nước được bơm từ trạm bơm Tham Thu (phía Tây; nguồn nước lấy từ rạch Cà Hôn hay Kỳ Hôn) đến ao trữ của Nhà máy nước thị xã Gò Công (phía Đông, cũng gọi là ao Tham Thu), đồng thời tưới cho một phần diện tích canh tác dọc kinh/kênh.

Vào năm 1976 - 1977, trạm bơm Bình Phan với lưu lượng thiết kế lớn hơn đã được xây dựng kề bên trạm Tham Thu nhằm mở rộng diện tích tưới và tăng lượng nước cấp cho thị xã Gò Công. Năm 1978, kinh/kênh Tham Thu được đào rộng ra với bề rộng đáy là 13 m, bề rộng mặt trung bình 22 m. Lúc đầu, đáy kinh chỉ sâu trung bình 1,50 m dưới mặt đất tự nhiên, 2 bờ kinh được đắp cao khoảng 2 m trên mặt đất tự nhiên để khi bơm có thể nâng mực nước trong kinh cao hơn mặt ruộng từ 1 m đến 1,50 m (kinh nổi), đủ sức tưới chảy tràn cho các ruộng xa qua các kinh nhánh và cống điều tiết đầu kinh mà không cần sử dụng thêm bơm nhỏ.

Sau này kinh/kênh Tham Thu lần lượt được vét sâu thành kinh/kênh chìm: Vào các năm 1993, 2004 vét đoạn từ cống Đồng Sơn (dưới lộ Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây) đến ao Tham Thu, năm 1999 vét đoạn từ trạm bơm Bình Phan đến lộ Đồng Sơn, cả hai đều vét sâu đến 3 m. Năm 2001 xây cống điều tiết Bình Phan tại vị trí gần trạm bơm, từ đây trạm bơm ngưng hoạt động, nước vào kinh Tham Thu qua cống này, dân tự sử dụng bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng. Năm 2017, kinh/kênh được nạo vét toàn tuyến.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo; các xã Thạnh Nhựt, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Thành Công, Thạnh Trị, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Chánh, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Trạm bơm Bình Phan, huyện Chợ Gạo, điểm cuối nối với Ao cấp thủy, thị xã Gò Công, dài 19,3 km, bề ngang 20 m, sâu 2,2 - 2,7 m, diện tích phục vụ 10.000 ha.

**6. Kinh/Kênh 14**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (14).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Vĩnh Hựu, Long Vĩnh, Long Bình, Bình Tân, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Hòa thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với cống Vàm Giồng, điểm cuối nối với kinh/kênh Salicetti, dài 16,2 km, bề ngang 30 m, sâu 2,5 - 3,5 m, diện tích phục vụ 2.844 ha, nạo vét năm 2014.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1. Đình Đồng Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + địa danh hánh chính (Xã Đồng Thạnh).

Đình Đồng Thạnh tọa lạc ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tậy, được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ XIX.

Khi mới xây dựng, đình có quy mô nhỏ, bằng tre lá; về sau, đình được xây dựng lại đình bằng gỗ, lợp mái ngói. Từ năm 1900 - 1914, đình được trùng tu với quy mô lớn: cột gỗ căm xe, vách gỗ, lợp mái ngói Tây. Từ 1960 - 1963, đình là cơ sở cách mạng, đặc biệt, nơi đây diễn ra phong trào Đồng khởi rất mạnh mẽ, nên đình bị quân đội Sài Gòn đốt cháy phần chánh điện. Đến năm 1970, nhân dân địa phương và Hội đình đứng ra quyên góp tiền của xây lại chánh điện như ngày nay.

Đình có tổng diện tích 2.118 m², diện tích xây dựng 787 m², theo lối kiến trúc chữ Tam (≡), bao gồm: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện. Ngoài ra, đình còn có nhà việc, nhà khách và nhà khói. Nét đặc sắc của ngôi đình này là nghệ thuật chạm khắc, trang trí hoa văn, tranh đắp nổi trên tường và tượng gốm trang trí cả trong và bên ngoài đình. Đặc biệt là những hoa văn chạm trổ công phu, họa tiết trang trí ở đình được hình tượng hóa qua tứ linh, tứ quý, bát tiên, cá hóa long, các loại trái cây, sản vật ở địa phương; các biểu tượng hàm ý sự giàu sang, phú quý, mong cho hạnh phúc tràn đầy, mưa thuận, gió hòa... Trong đó, nhà vỏ ca là một công trình kiến trúc gỗ khá lớn, được kết cấu theo kiểu nhà rường. Trên con lươn bờ nóc vỏ ca có trang trí rồng được tạo hình bằng những mảnh sứ, mảnh gốm ghép lại.

Đình Đồng Thạnh thờ thần Thành hoàng bổ cảnh, Đại Càn tứ vị nương vương (thờ bốn vị thần phù hộ người đi biển), thần Nông, các vị tiền hiền, hậu hiền. Mỗi năm, đình có 02 lễ cúng: ngày 16, 17 tháng 3 âm lịch cúng Hạ điền; ngày 16, 17 tháng 11 âm lịch cúng Thượng điền.

Đình Đồng Thạnh được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 313/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**2. Đình Vĩnh Bình**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vĩnh Bình).**

Đình Vĩnh Bình tọa lạc tại Khu phố 1, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

Đình Vĩnh Bình được ông Trần Văn Huê xây dựng vào những năm đầu thế kỷ 19 bằng các vật liệu truyền thống (gỗ, đá, gạch, ngói âm dương). Qua nhiều lần trùng tu, hiện đình có lối kiến trúc theo lối nhà dọc. Chánh điện được xây bằng chất liệu bê tông cốt thép, mái lợp ngói móc (ngói Tây), nền lót gạch tráng men. Hệ thống kèo, cột, xiên, trính theo kiểu nhà thả đòn dông dọc. Cửa đình quay về hướng Bắc. Năm 1979, đình tạm dời về miễu Bà *(miễu thờ Thánh Mẫu Thiên Y A NA).*  Năm 1994, đình được xây dựng mới và hoàn thành năm 1995. Đình xây theo trục Bắc – Nam, gồm: bàn Thần Nông, Chánh điện và nhà kho.

Đình Vĩnh Bình thờ thần Thành hoàng bổ cảnh, Tiền hiền khai khẩn và Hậu hiền khai cơ. Ở sân đình có bàn thờ Thần Nông, Thần Xã Tắc. Nơi đây còn lập “Ðàn tràng” cầu an cho những người chết trong trận bão lụt năm Giáp Thìn 1904, là nét riêng của đình Vĩnh Bình mà nhiều đình khác không có.

Về phần hội, Ban hương chức của đình còn tổ chức nhiều trò chơi dân gian kéo dài suốt 3 ngày (đẩy cây, nhảy bao bố, bịt mắt đập nồi, bắt vịt trên sông, ngâm thơ, múa lân, hò, vè, múa bóng rỗi…) và múa lân, múa rồng, hát bội. Ngoài ra, hằng năm, vào dịp cận Tết Nguyên đán, huyện Gò Công Tây tổ chức Hội Xuân với nhiều trò chơi giải trí, các cuộc hội thi múa lân, múa rồng; hội thi giới thiệu, trưng bày những tác phẩm hoa kiểng cổ, bon-sai; triển lãm thành tựu kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương. Các đêm đều có biểu diễn nghệ thuật: xiếc, mô tô bay, ca nhạc.

Đình là nơi che giấu, hội họp, phát tán truyền đơn của lực lượng cách mạng trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Vĩnh Bình được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

**Khái niệm Chùa**

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

**Chùa Ông Lão**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Tên nhân vật lịch sử (Ông Lão).

Chùa Ông Lão, còn gọi là Vạn Bửu Phật Đường,tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Năm 1965 - 1975, chùa được xây dựng lại. Chùa Ông Lão gọi tên theo tục danh của ông Đinh Văn Chương (Lão sư Đinh Đạo Ninh) sáng lập và trụ trì vào cuối thế kỷ 19.

Chùa có tổng diện tích 13.041,4 m2; diện tích xây dựng 522,2 m2, gồm chánh điện, nhà đông, nhà tây, nhà khách, nhà khói. Phía trước chánh điện là sân trồng hoa kiểng, tượng đức Quán thế âm lộ thiên. Bên trong chánh điện, chùa còn lưu giữ nhiều di vật, như đầu đao, hoành phi, bao lam, liễn, cột,… được tạo tác bằng gỗ, sơn son thếp vàng và chạm trỗ tinh xảo. Khuôn viên đất chùa đã xây tường rào 02 mặt, trên các khoảng rào mặt trước đều đắp nổi chữ “Vạn”.

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa còn là nơi lui tới hội họp của những nhà trí thức yêu nước như: Đặng Vương Tá, Đinh Văn Chương (ông Lão Bảy), Nguyễn Văn Thạnh,... Đặc biệt, nơi đây còn là nơi Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng đầu tiên của tỉnh Gò Công được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Côn làm Bí thư.

Chùa được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**1.Thánh thất Bình Phục Nhì**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Phục Nhì).

Thánh thất Bình Phục Nhì được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Bình Hòa Long, xã Bình Phục Nhì, huyện Gò Công Tây.

**2. Thánh thất Đồng Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Đồng Sơn).

Thánh thất Đồng Sơn được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Đồng Thọ, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

**3. Thánh thất Long Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Long Bình).

Thánh thất Long Bình được xây dựng năm 1965, tọa lạc tại ấp Hòa Phú, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây.

**4. Thánh thất Thạnh Trị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Trị).

Thánh thất Thạnh Trị được xây dựng năm 1965, tọa lạc tại ấp Thanh Hiệp, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây.

**5. Thánh thất Vĩnh Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Vĩnh Bình).

Thánh thất Vĩnh Bình được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Đông, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. **Xóm Thủ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Người đứng đầu (Thủ).

Xóm Thủ tọa lạc tại xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, là xóm nhà có vị Thủ khoa Ngô Tùng Châu từng sinh sống.

Ngô Tùng Châu sinh năm 1752 tại thôn Thái Định, huyện Phù Ly, phủ Quy Nhơn (nay là thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).

Năm 1764, cha của ông là Ngô Tùng Trang đang giữ chức Thủ lại phủ Quy Nhơn được thăng chức Tri điền tuấn sự, được lệnh của chúa Nguyễn dẫn theo 100 dân đinh vào khai khẩn vùng đất Yên Luông (Gò Công). Lúc này, ông mới 12 tuổi cũng được theo cha vào vùng đất mới. Sau đó, ông được gởi lên Gia Định để học tập. Tại đây, ông theo học nhà giáo nổi tiếng nhất đất Gia Định là Sùng Đức tiên sinh Võ Trường Toản. Trong quá trình theo nghiệp bút nghiên, ông luôn cần mẫn dùi mài kinh sử và là một trong những học trò xuất sắc nhất của cụ Võ Trường Toản.

Năm 1770, ông gặp gỡ và kết nghĩa anh em với Võ Tánh, một hào kiệt đất Gò Công. Năm 1772, ông kết hôn với em gái của Võ Tánh là Võ Thị Lội tại Gò Tre (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công). Năm 1783, ông tham gia cuộc khởi binh của Võ Tánh tại Gò Tre. Năm 1788, ông cùng với đạo quân Kiến Hòa của Võ Tánh theo phục vụ chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Do là một nhà Nho học kiệt xuất, nên ông được Nguyễn Phúc Ánh tin dùng, lần lượt giữ các chức Chế cáo Viện Hàn lâm năm 1788, Điền tuấn sứ năm 1789 (quan trông coi việc khai khẩn, canh tác nông nghiệp, xác định điền thổ và quân lương).

Năm 1790, ông cùng với Bộ Tham mưu của chúa Nguyễn Phúc Ánh tiến quân ra miền Trung. Năm 1791, ông trở về Gia Định và thi đậu thủ khoa khoa thi năm Tân Hợi. Đây là khoa thi đầu tiên mà chúa Nguyễn Phúc Ánh cho tổ chức ở Nam Bộ. Ngay sau đó, ông được thăng làm Tham tri bộ Lễ; đồng thời, ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh tin tưởng cử làm Phụ đạo Đông cung (thầy dạy học Đông cung hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh).

Năm 1799, sau khi đánh tan quân của vương triều Cảnh Thịnh tại thành Quy Nhơn, chúa Phúc Nguyễn Ánh đổi cho tên thành này ra thành Bình Định và cử ông cùng với Võ Tánh trấn giữ. Tháng 2/1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân (Huế) vào tấn công thành Bình Định. Ông cùng với Võ Tánh chỉ huy quân cố thủ.

Quyết không để mất thành, chúa Nguyễn Phúc Ánh đã hai lần mang quân tới giải vây thành Bình Định vào tháng 4-1800 và tháng 2-1801; nhưng đều bị quân Cảnh Thịnh chặn đứng. Thành Bình Định vẫn bị bao vây chặt chẽ. Trước tình hình đó, ông và Võ Tánh sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên vị chúa Nguyễn nên kéo quân ra đánh Phú Xuân; và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang bị thu hút ở mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông và Võ Tánh sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân quân Cảnh Thịnh. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Võ Tánh, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân chúa Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông và Võ Tánh nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng hai ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, Võ Tánh viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì không giết hại binh lính của ông.

Để không bị bắt, ngày 05-7-1801 (nhằm này 25 tháng 5 năm Tân Dậu), ông uống thuốc độc tự tử. Ngày 07-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), Võ Tánh tiếp nối ông, tự thiêu mà chết tại lầu bát giác.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Ông được nhà vua truy tặng là Tán trị công thần, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Trụ quốc, Thái tử thái sư, Quận công, tên thụy là Trung Ý, được thờ ở đền Chiêu Trung. Năm 1804, ông được thờ tại đền Hiển Trung ở Gia Định, lại được cấp tự điền, tự dân, mộ phu, sai Tùng Hoảng là con nuôi thừa tự phụng thờ. Năm 1805, cho phụ tế ở Thái miếu. Năm1810, liệt vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1824, đổi cho phụ tế ở Thế miếu. Năm 1831, vua Minh Mạng truy tặng ông tước Tá vận Công thần, Đặc tiến Vinh lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, Thiếu sư, kiêm Thái tử Thái sư, đổi tên thụy là Trung Mẫn, phong là Ninh Hòa quận công.

 **2. Xóm Trại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Trại).

Xóm Trại tọa lạc tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông.

Năm 1854, hưởng ứng chính sách lập đồn điền của vua Tự Đức, Trương Định đã chiêu mộ dân nghèo lập trại đồn điền Gia Thuận thuộc tỉnh Gia Định. Từ đó, xóm nhà ở trại đồn điền được gọi là Xóm Trại.

 **\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**1. Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu căn cứ cách mạng) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Hựu).

Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu là nơi làm việc của lãnh đạo Tỉnh ủy Gò Công trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tại đây, Tỉnh ủy đã đề ra những chủ trương quan trọng, đưa phong trào cách mạng tỉnh nhà đi đến thắng lợi. Tại đây, Nhân dân một lòng theo cách mạng, nhiệt tình đóng góp tài lực, vật lực cho công cuộc giải phóng dân tộc. Do vậy, căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu và các cơ quan lãnh đạo kháng chiến từ tỉnh xuống huyện được bảo vệ an toàn. Đảng bộ, dân và quân xã Vĩnh Hựu giữ vững căn cứ kháng chiến, bảo vệ được các tổ chức cách mạng, duy trì hoạt động đấu tranh chính trị và vũ trang là thành tích có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình cách mạng của địa phương.

Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu trước ngày 30/4/1975 có địa bàn rộng, gồm nhiều ấp của xã Vĩnh Hựu, bao trùm khu vườn dừa có diện tích khoảng khoảng 500 ha, có hàng rào chiến đấu, hầm bí mật, hầm tránh bom pháo, các ngôi nhà bằng vật liệu tre lá làm cơ quan huyện đóng và làm việc. Sau ngày 30/4/1975, vào năm 1996, Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây đã tiến hành xây dựng một Bia Lưu niệm và Nhà Bia liệt sĩ xã.

Bia Lưu niệm căn cứ Huyện ủy và Huyện đội với hình tượng khẩu súng trường và tầm vông vạt nhọn - biểu tượng của sự kháng chiến trường kỳ và chính nghĩa của nhân dân ta. Bia được xây dựng bằng bê tông cốt thép có chiều cao: 6m; đế có kích thước: 7,5 m x 7,5 m, diện tích 56,25 m2

Nhà Bia liệt sĩ xây dựng theo kiểu tứ trụ 7,5m x 7,5m, cột bê tông giả gỗ mái chồng thêm lớp ngói vảy cá, các bờ nóc có trang trí rồng bằng sứ. Bên trong có đài ghi danh liệt sĩ được tạt trên các phiến đá hoa cương màu đen.

Hai công trình Bia Lưu niệm và Nhà bia liệt sĩ tọa lạc trong khuôn viên có rào bao quanh 13m x 15m. Chung quanh trồng cây cảnh, phía sau và hai bên là vườn cây ăn trái của nhân dân và của Huyện đội.

Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3521/QĐ.UB, ngày 13/9/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**2. Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu di tích) + Tên sự kiện lịch sử (Chiến thắng Đồng Sơn).

Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn tọa lạc tại ấp Đồng Trinh, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Gò Công, nơi đây, vào ngày 26, 27 tháng 7 năm 1972, Tiểu đoàn 514B kết hợp với lực lượng vũ trang huyện, xã đã anh dũng chiến đấu, truy kích tiêu diệt địch giữa ban ngày, bẻ gãy cuộc càn quy mô lớn của địch.

Chiến thắng Đồng Sơn là chiến thắng lớn của quân và dân tỉnh Gò Công nói chung, xã Đồng Sơn nói riêng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh chính trị và trình độ tác chiến của quân và dân ta. Chiến thắng này đã củng cố thêm niềm tin cho nhân dân ta vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; là trận mở màn cho chiến dịch mở mảng vùng trọng điểm Gò Công, tạo thế chủ động cho lực lượng vũ trang Gò Công bám trụ, tiêu diệt nhiều đồn bót địch, giành quyền làm chủ trong năm 1972.

Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn được xây dựng vào thập niên 90 thế kỷ 20, có diện tích khoảng hơn 500 m2 gồm Bia chiến thắng và công viên. Bia có diện tích 162 m2. Chân bia hình bát giác cao 120 cm.Thân bia hình khẩu súng cao 5 m. Phía trên nòng súng là lá cờ đỏ sao vàng, trên nền cờ đắp nổi 04 chữ màu vàng: Chiến thắng Đồng Sơn. Công viên trồng nhiều loại hoa, kiểng, đèn chiếu sáng, tạo nên cảnh quan tươi đẹp.

Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**3. Khu mộ Trần Văn Huê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Trần Văn Huê: gọi tắt là Ông Huê).

Khu mộ Trần Văn Huê tọa lạc tại ấp Đông, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, có diện tích 40,5 m2 trong khuôn viên đất 150 m2.

Ông Trần Văn Huê là người có công khai hoang lập làng Vĩnh Bình vào cuối thế kỷ XVIII. Do đó, Nhân dân ở địa phương xem ông là bậc tiền hiền, thờ cúng ở đình Vĩnh Bình. Tên ông được đặt tên cho một giồng cát: giồng Ông Huê (được ghi chép trong sách Gia Định thành thông chí là Hoa cương) và một ngôi chợ: chợ Giồng Ông Huê, gọi tắt là Chợ Giồng với đặc sản bánh giá Chợ Giồng nổi tiếng.

Sau khi mất, Khu mộ của ông được nhân dân và gia đình xây dựng bằng đá ong, 04 phía chung quanh tấn đá ong dày 30 cm, 04 góc có 04 trụ đá cao 40 cm, đầu mỗi trụ là hình tượng bông sen nhưng do thời gian, hồ ô dước đã bong tróc nên chỉ còn là trụ tròn trơn. Phía cuối là bia mộ không còn đọc được chữ bởi bong lớp vôi vữa bên ngoài. Núm mộ đắp bằng đất chung quanh chỉ còn phía trước một bệ đá vuông 01m x 01m – là nơi để con cháu để vật cúng tế khi viếng mộ. Phía sau là 02 ngôi mộ con trai và con dâu của ông được xây dựng kiên cố có tường rào bao bọc chung quanh.

Khu mộ Trần Văn Huê được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3521/QĐ.UB ngày 13/9/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**4. Khu mộ và đập Ông Chưởng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ và Đập) + Nhân vật lịch sử (Ông Chưởng: Chưởngcơ Mai Tấn Huệ).

Mai Tấn Huệ chưa rõ năm sinh, người thôn Bình Luông Tây, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Đầu tiên, ông theo Võ Tánh dấy binh ở Gò Tre (Gò Công). Sau đó, ông cùng với chủ tướng đầu quân chúa Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1794, ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh phong chức Khâm sai thống binh Cai cơ, Chánh vệ của vệ Hùng Phong thuộc dinh Hậu Quân, có trách nhiệm giữ thành Diên Khánh[[32]](#footnote-32) (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 1796, ông được thăng Chánh trưởng chi Trung chi. Năm 1802, ông là Khâm sai Cai cơ, giữ chức Lưu thủ thành Bình Định. Năm 1805, ông được thăng làm Khâm sai Chưởng cơ, giữ chức Trấn thủ trấn Bình Định. Đồng thời, ông cũng là một trong những người được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) tín nhiệm giao cho việc quản lý công trình xây dựng kinh thành Huế.

Năm 1807, do sức khỏe kém, ông dâng biểu cáo quan, xin trở về nguyên quán, được vua ban rượu ngon tỏ lòng luyến tiếc, các quan ở triều đình đưa tiễn 100 dặm. Tại quê nhà, ông mở trường dạy chữ Nho và võ thuật, thu hút đông đảo thanh niên đến học tập và rèn luyện. Đồng thời, ông cũng xướng xuất việc đắp đập ở ngọn rạch Già nhằm điều tiết nguồn nước ngọt cho các địa phương trong vùng, phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu dân sinh của nhân dân. Để ghi nhớ công lao của ông, nhân dân gọi đó là đập Ông Chưởng. Hiện nay, đập Ông Chưởng không còn nữa, thay vào đó, chính quyền huyện Gò Công Tây đã xây dựng cầu Bình Tân để bắc qua ngọn Rạch Già (vị trí cầu Bình Tân là vị trí đập ông Chưởng xưa kia).

Khi ông qua đời vào năm 1843, xét thấy ông là một bậc công thần; nên triều đình cho quan lại từ Huế vào lo việc chôn cất và xây dựng phần mộ cho ông. Mộ Chưởng cơ Mai Tấn Huệ hiện nằm trên phần đất của gia đình ông Huỳnh Văn Tèo, ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Tổng thể khuôn viên mộ có diện tích 29,11 m2. Lúc đầu, mộ chỉ có 4 trụ và tấm bình phong được làm bằng đá ong nguyên khối, chính giữa khỏa bằng. Đến năm 1999, nhân dân xây dựng thêm núm mộ nhô lên hình “Ngưu miên” bằng bê tông và tấm bia mới bằng bê tông nằm phía sau tấm bìnhg phong cũ (tấm bình phong cũ không còn nhìn thấy chữ). Năm 1943, nhân dân địa phương lập lăng và *“Long An hội”* lo việc thờ phụng, hương khói để tỏ lòng tri ân ông trong công tác dân sinh.

Năm 2012, nhân dân ấp Thuận Trị đóng góp tiền của, công sức xây dựng cổng lăng; tại cổng lăng có ghi Lăng thờ thần Mai Tấn Huệ và chạm khắc hai câu đối:

*Bình địa dân cư an lạc nghiệp.*

*Tân trang vinh thụ hưởng thái bình.*

Ông là công thần khai sáng nhà Nguyễn, là một vị quan tận tụy chăm lo cuộc sống của nhân dân, được nhân dân kính trọng, tôn thờ như một vị thần. Khu Mộ và Đập Ông Chưởng được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

**Khái niệm:**

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

**Điểm du lịch dược liệu xanh Thiên Ân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Điểm) + Loại hình du lịch (Du lịch dược liệu xanh) + Tên điểm du lịch (Thiên Ân).

Điểm du lịch dược liệu xanh Thiên Ân tọa lạc tại xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây.

Điểm du lịch được xây dựng trên khu vườn có điện tích khảng 5.000 m² tập trung hơn 100 loại cây thuốc, dược liệu, có tác dụng trong việc điều trị và chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng; đồng thời, cung cấp rau xanh, thảo dược để chế biến món ăn, nước uống phục vụ du khách và cũng là nơi cho du khách trải nghiệm thực tế.

Điểm du lịch này còn là không gian trưng bày các sản phẩm OCOP (One Commune one product, được hiểu là “mỗi xã/phường có một sản phẩm”) của công ty được chế biến từ đông trùng hạ thảo để du khách có thể thưởng thức và mua về làm quà tặng.

Ngoài ra, các dịch vụ phục vụ nhu cầu của du khách rất đa dạng, gồm tham quan vườn cây thuốc, dược liệu, hoạt động sản xuất nhang, quy trình nuôi cấy nấm đông trùng hạ thảo, tham quan hầm rượu đông trùng hạ thảo; tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế như làm bánh quy, làm nhang, cấy lúa, các trò chơi dân gian,...

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

**1. Miệt bánh giá Chợ Giồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình bánh (Bánh giá) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Giồng)

Bánh giá Chợ Giồng là món ăn đặc sản ở Chợ Giồng thuộc thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây. Chợ Giồng là nơi có nghề làm bánh giá rất nổi tiếng. Theo lời truyền miệng của cư dân, nghề này xuất hiện cùng lúc với quá trình khai hoang lập ấp của người Việt ở vùng đất này vào thế kỷ XVII.

Nguyên liệu để làm bánh bao gồm thịt heo (lợn) nạc, tôm đất, giá, nấm rơm, nấm mèo (mộc nhĩ), cải bắc thảo, bột gạo, bột đậu nành, óc heo, dầu thực vật hoặc mỡ heo. Để bánh được ngon, giòn, xốp, người ta trộn chung bột gạo với bột đậu nành theo tỉ lệ 1/1 và óc heo, rồi đem ủ khoảng 2 – 3 giờ, sau đó mới đem chiên. Khi làm bánh, người ta cho dầu thực vật hoặc mỡ nước vào chảo, đun lên cho thật sôi. Kế tiếp, cho các nguyên liệu đã chuẩn bị sẵn vào vá và múc bột cho ngập các loại nguyên liệu nói trên rồi nhúng vá ấy vào chảo, đến khi chiếc bánh có màu vàng sậm là vừa chín tới, mang ra ăn nóng kèm với rau thơm, nước mắm tỏi ớt và bún.

Bánh giá Chợ Giồng không chỉ là món ăn bình dân mà còn được hiện diện trang trọng trong các bữa tiệc thịnh soạn (cưới hỏi, tân gia, giỗ chạp,…) ở vùng Gò Công. Nhà văn nổi tiếng Hồ Biểu Chánh thường nhắc đến món này trong các quyển tiểu thuyết của mình.

Hiện nay, điều quan trọng là làm sao cho món bánh giá Chợ Giồng được lan rộng ra khắp nơi, nhằm phát triển một ngành nghề truyền thống của xứ Gò Công, bởi vì, xét về chất lượng, bánh giá Chợ Giồng hoàn toàn được sánh ngang với bánh tôm Hồ Tây - một món ăn đặc sản của Hà Nội[[33]](#footnote-33).

**2. Miệt bó chổi que dừa Vĩnh Hựu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (Bó chổi que dừa) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Hựu).

Nghề bó chổi que dừa phát triển mạnh ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tập trung chủ yếu ở các ấp Phú Quý, Bình An, Thạnh Thới với gần 60 hộ sản xuất và 100 thợ làm nghề. Theo lời của nhiều cụ cao niên ở địa phương, nghề bó chổi xuất hiện ở đây từ khoảng thập niên 70 của thế kỷ XX. Lúc đầu, cây chổi còn đơn giản, người ta dùng cây ráng mọc dọc theo các con mương để làm chổi. Dần dần nguồn nguyên liệu cây ráng khan hiếm, người ta chuyển sang làm chổi bằng tàu mo cau. Sau đó, ở địa phương không còn nhiều cau để bó chổi nữa nên người dân chuyển dần sang bó chổi bằng que lá dừa.

Trung bình một người thạo nghề có thể kết được khoảng 30 - 40 cây chổi/ngày. Thị trường tiêu thụ không chỉ trong tỉnh mà còn ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước, chủ yếu tập trung các tỉnh Tây Nam bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Hằng tuần, các cơ sở bó chổi xuất bán đi ở các tỉnh, thành khoảng 1.000 cây chổi.

Chổi Vĩnh Hựu đã trở thành thương hiệu có tiếng trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Việc duy trì và phát triển nghề bó chổi không chỉ góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, mà còn giúp giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần trong xây dựng nông thôn mới ở xã Vĩnh Hựu.

1. Phòng Quản lý văn hóa, *Lễ hội Kỳ yên - Đình Vĩnh Bình*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nguyễn Thị Phương Thảo (2019), *Cây trâm bầu*, Trang thông tin điện tử Tinh hoa cây thuốc Việt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng dược liệu Quốc gia), ngày 09/12/2019. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 572. [↑](#footnote-ref-3)
4. Một trung hai nịnh: một trung chỉ Trương Định; hai nịnh chỉ hai tên phản bội là bá hộ Huy và Huỳnh Văn Tấn. [↑](#footnote-ref-4)
5. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 102. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-6)
7. Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9. [↑](#footnote-ref-7)
8. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17. [↑](#footnote-ref-8)
9. Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338. [↑](#footnote-ref-9)
10. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb TP Hồ Chí Minh, trang 164. [↑](#footnote-ref-11)
12. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-12)
13. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-13)
14. Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476. [↑](#footnote-ref-14)
15. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120. [↑](#footnote-ref-15)
16. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-16)
17. Cây tra là một loài cây gỗ lớn thuộc họ rau răm, bộ rau răm. Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ. Cây gỗ lớn, cao từ 10-20m, thân cong queo, phân cành thấp. Tán lá rộng, lá đơn mọc cách, bóng, phiến tròn, gốc hình tim kích thước 12-15cm. Cây được trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới. [↑](#footnote-ref-17)
18. Nguyễn Bội Liên - Trần Văn An - Nguyễn Văn Phi (1991), “Ghe bầu Hội An - xứ Quảng”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học xã hội, trang 141. [↑](#footnote-ref-18)
19. Thạch Phương - Đoàn Tứ chủ biên (1990), *Địa chí Long An*, Nxb Khoa học xã hội, trang 401. [↑](#footnote-ref-19)
20. Minh Hương là tên gọi của một bộ phận người Hoa di cư đến Nam Bộ vào cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Năm 1644, người Mãn lật đổ nhà Minh của người Hán, lập ra nhà Thanh. Một số người Hoa chạy sang Nam Bộ xin tỵ nạn. Ở quê hương mới, để nhắc nhớ nguồn gốc, họ xưng là người Minh Hương, với nghĩa là con cháu của nhà Minh. Trải qua nhiều đời, người Minh Hương đã hòa huyết với người Việt, ngày nay con cháu của người Minh Hương là phần lớn đã là người Việt, chỉ nói tiếng Việt, theo văn hóa Việt, khác nhiều với bộ phận người Hoa đến Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. [↑](#footnote-ref-20)
21. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-21)
22. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-22)
23. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-23)
24. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-24)
25. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-25)
26. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-26)
27. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-27)
28. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-28)
29. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-29)
30. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-30)
31. Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xã hội, trang 63. [↑](#footnote-ref-31)
32. Nội dung Chiếu ngày 27/9 năm Cảnh Hưng thứ 55 (1794) của chúa Nguyễn Phúc Ánh như sau: “Chiếu: sai Mai Tấn Huệ, tức Huệ Đức hầu. lảnh chức Khâm sai thống binh Cai cơ, làm Chánh vệ của vệ Hùng Phong thuộc dinh Hậu Quân. Là người ôm lòng địch khái, chí nóng cần vương. Nay đem viên quân bổn vệ theo binh quan ra giữ thành Diên Khánh và chịu quyền sai bát đánh giặc. Phải lo dạy dỗ quân gia, lập nên công trận. Nếu kỷ luật không kiêng đã có nghiêm điều định sẵn. Khâm sai. Ngày 27 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 55 (1794)”. Chiếu này được đóng Bảo ấn truyền quốc: “Đại Việt quốc Nguyễn chúa Vĩnh ấn chi bảo”. Hiện tại, Chiếu đang được lưu trữ tại Thư viện Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ sơ tư liệu số 12, Văn bản số 3306. [↑](#footnote-ref-32)
33. Nguyễn Phúc Nghiệp, “Nơi có nghề làm bánh giá ngon nhất ở Tiền Giang”, http://www.tiengiang.gov.vn/xemtin.asp?idcha=6097&cap=2&id=6120. [↑](#footnote-ref-33)